ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ NGUYỆT

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Thái Nguyên tháng 9 năm 2008

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – Đại học Thái Nguyên http://www.lrc-tnu.edu.vn

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ NGUYỆT

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam
Mã số: 60.22.34

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. Nguyễn Thị Huế

Thái Nguyên tháng 9 năm 2008

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – Đại học Thái Nguyên http://www.lrc-tnu.edu.vn

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa có ai công bố trong mọi công trình khác. Các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, tháng 9 năm 2008

Tác giả luận văn

Lê Thị Nguyệt

MỤC LỤC

Mở đầu.....1

1. Lý do chọn đề tài.....1

2. Lịch sử vấn đề.....2

3. Mục đích nghiên cứu.....8

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....8

5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....9

6. Phương pháp nghiên cứu.....10

7. Đóng góp của luận văn.....10

8. Cấu trúc của luận văn.....11

Nội dung luận văn.....12

Chương 1: NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI PHONG KIẾN VÀ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT.....12

1.1. VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI PHONG KIẾN.....12

1.1.1 Luật lệ " *Tam tòng*".....12

1.1.1.1. Ý thức " tại gia tòng phụ".....13

1.1.1.2. Ý thức " xuất giá tòng phu".....14

1.1.1.3. Ý thức " phu tử tòng tử"..... 15

1.1.2. **Người phụ nữ với " *Tứ đức*"** (Công, Dung, Ngôn, Hạnh)..... 16

1.2. HÌNH ẢNH, VỊ THẾ NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT..... 16

1.2.1. Hình ảnh,vị thế người phụ nữ trong Văn học dân gian..... 16

1.2.2. Hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt.....20

1.2.2.1. Nguyên nhân của vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền 20

1.2.2.2. Hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt.....25

TIỂU KẾT..... 31

Chương 2: NÉT ĐẸP HÌNH THỨC VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT.....33

2.1.NÉT ĐẸP VỀ HÌNH THỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT.33

2.1.1. Quan niệm về vẻ đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền.....33

2.1.2. Nét đẹp về thể chất của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền.....35
2.1.2.1. Thống kê các hình ảnh về nét đẹp thể chất của người phụ nữ.....35
2.1.2.2. Ca ngợi nét đẹp thể chất của người phụ nữ 37
2.1.2.3. Nét đẹp thể chất của người phụ nữ trong tình yêu lứa đôi..... 42
2.1.3. Nét đẹp trang phục của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền..... 52
2.1.3.1.Thống kê các hình ảnh về trang phục của người phụ nữ 52
2.1.3.2. Trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt..... 53
2.1.3.3 Nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ..... 56
2.2. NÉT ĐẸP TINH THẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT.....70
2.2.1. Người phụ nữ thuở con gái và nét đẹp tinh thần..... 70
2.2.2. Người phụ nữ khi thành gia thất và nét đẹp tinh thần..... 78
TIỂU KẾT.....89
Chương 3: NGHỆ THUẬT BIỂU ĐẠT NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT.....91
3.1. NHẬN THỨC VÀ HƯỚNG LÝ GIẢI..... 91
3.2. MỘT SỐ YẾU TỐ THI PHÁP.....92
3.2.1. Đặc điểm cấu trúc.....93
3.2.1.1. Kết cấu đối đáp.....94
3.2.1.2. Kết cấu gợi mở.....96
3.2.1.3. Hiệu quả của thể lục bát.....99
3.2.2. Thế giới biểu tượng.....102
3.2.2.1. Một số biểu tượng biểu đạt nét đẹp của người phụ nữ.....102
3.2.2.2. Biểu tượng hoa với vẻ đẹp người phụ nữ 107
3.2.3. Thời gian, không gian nghệ thuật 114
3.2.3.1. Thời gian nghệ thuật.....115
3.2.3.2. Không gian nghệ thuật.....117
TIỂU KẾT.....120
KẾT LUẬN.....121
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
TÀI LIỆU THAM KHẢO- PHỤ LỤC.....125

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Thị Nguyệt (2008), " *Biểu tượng hoa với vẻ đẹp người phụ nữ trong ca dao cổ truyền của người Việt*", Tạp chí Khoa học & công nghệ, Đại học Thái Nguyên (2), tr.3-9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (1990), *"Về một phương diện nghệ thuật của ca dao tình yêu",*Tạp chí văn học (6), tr. 54 -59.
2. Đỗ Thị Bảy (1999), *Sự Phản ánh quan hệ gia đình, xã hội trong tục ngữ, ca dao người Việt*, ĐH Quốc Gia Hà Nội
3. Trần Đức Các (1978),*"Tục ngữ với câu thơ lục bát trong ca dao dân ca"*Tạp chí văn học (1), tr. 91- 102
4. Mai Ngọc Chừ (1989), " *Vần, nhịp, thanh điệu & sức mạnh biểu hiện ý nghĩa của lục bát biến thể*", Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, Hà Nội.
5. Cao Huy Đỉnh(1974),*Tìm hiểu tiến trình VHDG Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Ngọc Điệp, (2001)*"Thế giới biểu tượng sóng đôi trong ca dao người Việt "*, Văn hóa dân gian, số 3, Hà Nội
7. Vũ Tố Hảo (1986), " *Điểm lại quá trình sưu tầm nghiên cứu ca dao dân ca từ xưa đến trước Cách \mạng tháng tám"*, Văn hóa dân gian (3) tr.45-52.
8. Lê Như Hoa (1996), *Phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá,* NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Huế (1986), "Người phụ nữ trong sinh hoạt dân ca*", Tạp chí văn học* (3), tr. 125 -136.
10. Nguyễn Thị Huế- Trần thị An, (2001), *Tuyển tập tục nữ- ca dao Việt Nam,* Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Trần đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá, Hà.Nội.

12. Đinh Gia Khánh chủ biên(2003), *Văn học dân gian Việt Nam*- NXB Giáo dục, Hà Nội.

13.Đinh Gia Khánh chủ biên(1995),*Ca dao Việt Nam*, NXB Tổng hợp, Đồng Tháp.

14. Đinh Gia Khánh (1996), "*Nhận xét về đặc điểm của câu mở đầu trong thơ ca dân gian"*, Đại học Tổng hợp Hà Nội (2), tr 61 - 72.

15. Nguyễn Xuân Kính (1992), *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Nguyễn Xuân Kính (2001), " *Một thế kỷ sưu tầm, nghiên cứu ca dao người Việt",*Tạp chí văn học (1), tr. 32 – 45.

17.Nguyễn Xuân Kính (1998), " *Văn học dân gian thể hiện bản sắc văn hóa dân gian",* Tạp chí văn hóa dân gian (2), tr. 62 - 71 .

18. Nguyễn Xuân Kính (1983), *"Qua ca dao, tục ngữ Hà Nội tìm hiểu công cuộc xây dựng đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc"*, Văn hóa dân gian (3+4), tr. 57- 67.

19. Nguyễn Xuân Kính (1987), "*Ý nghĩa của hai từ trúc, mai trong văn chương bác học và trong ca dao dân ca"*, Văn hóa dân gian(4), tr 22- 29.

20.Nguyễn Xuân Kính (1990),"*Qua tục ngữ ca dao tìm hiểu sự sành ăn khéo mặc của người Hà Nội"*, Văn hóa dân gian (2), tr. 44 - 52.

21. Nguyễn Xuân Kính (1992), "*Thể thơ trong ca dao",* Văn hóa dân gian (4), tr. 35 - 43.

22.Nguyễn Xuân Kính (1996), "*Hai khuynh hướng trong ca dao người Việt về sự chính xác của các con số"*, Văn hóa dân gian (4), tr. 32 -45.

23. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (1995), *Kho tàng ca dao người Việt* (tập 1), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

24. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (1995), *Kho tàng ca dao người Việt* (tập 2), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

25. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (1995), *Kho tàng ca dao người Việt* (tập 3), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

26. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (1995), *Kho tàng ca dao người Việt* (tập 4), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

27. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (2002), *Tổng tập VHDG người*

Việt (tập 15), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

28. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (2002), *Tổng tập VHDG người Việt* (tập 16, quyển thượng), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
29. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên (2002), *Tổng tập VHDG người Việt* (tập 16 quyển hạ), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
30. Nguyễn Xuân Kính- Phan Thị Hoa Lý (1999),"*Ý nghĩa và cách dùng những con số thường gặp trong ca dao, tục ngữ"*, Tạp chí văn hóa dân gian (3), tr. 63 -78.
31. Nguyễn Xuân Lạc (2005), "*Con số "mười..." trong ca dao và những bài ca dao có mô típ " một...đến mười..."*,Nghiên cứu văn học (4), tr.48 -57.
32. Nguyễn Xuân Lạc (1998), "*Văn học dân gian với việc bồi đắp tâm hồn dân tộc cho thế hệ trẻ",* Văn hóa dân gian (3), tr. 73 -82.
33. Trần Kim Liên (2002), "*Góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong việc dậy- học văn học dân gian ở trường phổ thông",*Văn hóa dân gian(1),tr. 64 -75.
34. Trần Kim Liên (2003), "*Cách sử dụng từ xưng hô trong ca dao tình yêu"*, Văn hóa dân gian (2), tr. 54 - 64.
35. Nguyễn Tấn Long- Phan Canh (1970), *Thi ca bình dân Việt Nam,* NXB Sức sống mới, Sài Gòn.
36. Phạm Việt Long, (2000), *Tục ngữ, ca dao và việc phản ánh phong tục tập quán người Việt*, Đại học hoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
37. Nguyễn Luân (1994), "*Qua một bài ca dao, hiểu thêm về phẩm chất người phụ nữ xưa",* Văn hóa dân gian (4), tr. 36 -45.
38. Hồ Tuấn Niêm (1983), "*Một truyền thống độc đáo và rực rỡ của văn học dân gian Việt Nam",* Văn hóa dân gian (3), tr. 64 -72.
39. Lưu Thị Nụ (1992), *Người phụ nữ qua những hình ảnh so sánh trong ca dao Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp, Đại học tổng hợp Hà Nội.
40. Trần Đình Ngôn (1998), "*Con mắt trong tục ngữ, ca dao với ngôn ngữ tạo diện hình ảnh"*, Văn hóa dân gian (3), tr.54 -57.
41. Triều Nguyên (1996), "*Thử khảo sát một số bài ca dao có mô hình cấu trúc một, hai- mười- thương (yêu, lo...) = A"*, Văn hóa dân gian,(1), tr. 43 -47.
42. Triều Nguyên (1998), "*Người khôn qua các góc nhìn của ca dao"*, Văn hóa dân

gian (3), tr.52- 60.

43. Nguyễn Ánh Nguyệt (2001), *Nghiên cứu đặc điểm thi pháp cấu trúc ca dao trữ tình người Việt*, luận văn thạc sĩ, đại học sư phạn, Thái Nguyên

44. Trương Thị Nhàn (1992), "*Tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật ca dao qua một tín hiệu thẩm mĩ",* Văn hóa dân gian, (4), tr. 38 -44.

45. Trần Quang Nhật (1964), "*Mấy ý kiến về việc giảng dạy ca dao tình yêu trong chương trình lớp 8 phổ thông",* Tạp chí văn học (6), tr. 37 -42.

46. Bùi Mạnh Nhị (1997), *"Công thức truyền thống và đặc trưng cấu trúc của ca dao- dân ca trữ tình",* Tạp chí văn học (1), tr. 21 -26.

47. Vũ Ngọc Phan (1998), *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.

48.Vũ Ngọc Phan (1997), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập I phần văn học dân gian*, NXB văn học, Hà Nội.

49.Vũ Ngọc Phan(1968),"*Sức truyền cảm của ca dao truyền thống"*,Báo văn hóa (10).

50. Vũ Ngọc Phan (1966), "*Tinh thần chống ngoại xâm của phụ nữ qua ca dao xưa và nay"*, Tạp chí văn học (9), tr. 34 -43.

51. Nguyễn Hằng Phương (2003), "*Hai phương thức nghệ thuật trong ca dao cổ truyền người Việt"*, Tạp chí văn học (6), tr. 63 -69.

52. Nguyễn Hằng Phương (2001), "*Cảm hứng chủ đạo trong ca dao ngườiViệt",* Văn hóa dân gian (3), tr. 46 -53.

53. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

54. Trần Đình Sử(1993), "*Những tìm tòi mới về thi pháp ca dao"*, Tạp chí văn hóa dân gian (2), tr. 21 -33.

55. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TPHCM.

56. Nguyễn Văn Thông (2000), "*Tìm hiểu văn hóa ứng xử của người Việt qua tục ngữ"*, Văn hóa dân gian (2), tr.34 -40.

57. Đỗ Thị Thu Thủy (2003), *Chủ đề gia đình trong ca dao cổ truyền người Việt,* Đại học sư phạm Thái Nguyên.

58. Đặng Diệu Trang (2005), "*Sinh hoạt diễn xướng- môi trường nảy sinh và phát*

triển của ngôn ngữ ca dao", Văn hóa dân gian (5), tr. 36 -45.

59. Đỗ Bình Trị, (2000), *Nghiên Cứu tiến trình lịch sử Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội.

60. Đỗ Bình Trị- Trần Đình Sử (1998) *Văn học- Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ Cao đẳng sư phạm và sư phạm* 12+2 tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội

61. Vũ Anh Tuấn (1994), *Mấy vấn đề hiện nay về việc nghiên cứu và giảng dậy văn học dân gian trong nhà trường,* Đại học Sư Phạm Thái Nguyên.

62. Vũ Anh Tuấn- Nguyễn Xuân Lạc (1993), *Giảng văn văn học dân gian Việt Nam,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

63. Tạ Đăng Tuyên (1998), "*Tục ngữ, ca dao và lời ru với việc giáo dục giá trị đạo đức- nhân văn"*, Văn hóa dân gian (1), tr. 23 -28.

64. Phạm Thu Yến (1998), *Những thế giới nghệ thuật ca dao*. NXB Giáo dục, Hà Nội .

65.Phương Yến" *Lệ tục làng xã cổ truyền và những ảnh hưởng đối với người phụ nữ ở xã hội phong kiến*, báo điện tử thongtinphapluatdansu.wrdpres. com, ngày 27-1-2008.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Dân tộc Việt Nam có một kho tàng ca dao vô cùng phong phú, đa dạng. Ca dao là một bộ phận của văn học dân gian. Là dòng sữa ngọt nuôi dưỡng tâm hồn Việt Nam qua bao thế hệ. Từ cái thủa vẫn còn nằm nôi, chúng ta đã được nghe những làn điệu dân ca ngọt ngào đằm thắm qua lời ru của bà, của mẹ. Có thể nói ca dao có một sức lôi cuốn hết sức mạnh mẽ đối với con người Việt Nam, bởi nó rất gần gũi với suy nghĩ, tâm hồn của nhân dân, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người lao động. Trong kho tàng văn học dân gian, ca dao trữ tình người Việt là nơi thể hiện rõ nhất "*điệu tâm hồn dân tộc"* (Tố Hữu), bởi cảm hứng cội nguồn, chức năng chủ đạo và nội dung căn bản của ca dao là sự phô diễn trực tiếp thế giới tâm hồn của con người, biểu đạt những tình cảm, cảm xúc đa dạng của nhân dân. Do đó một trong những nét chủ đạo của ca dao truyền thống là sự thể hiện hết sức phong phú tư tưởng tình cảm của con người nói chung, người phụ nữ nói riêng. Ca dao viết về người phụ nữ là một vấn đề hết sức hấp dẫn và lôi cuốn, bởi qua đó phần nào ta hiểu được đời sống tâm hồn, tình cảm của họ trong xã hội xưa và nay.

Ca dao viết về người phụ nữ, từ trước cho tới nay, đã có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và có những bài viết có giá trị đặc sắc. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu mới chỉ tập trung vào phản ánh từng khía cạnh, yếu tố riêng lẻ về hình ảnh người phụ nữ trong ca dao và hầu như mới chỉ tập trung làm rõ nỗi khổ của thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa.

Qua việc tìm hiểu bước đầu, chúng tôi nhận thấy hình ảnh của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao cổ truyền khá đậm nét. Điều đó cho thấy người phụ nữ Việt Nam đã giữ một vai trò quan trọng đặc biệt trong lao động sản xuất nông nghiệp và hoạt động xã hội. Từ nghìn xưa người phụ nữ đã có một vị trí xứng đáng trong các hoạt động xã hội của nền sản xuất đó, mặc dù chế độ phong kiến đã cố tình đánh giá thấp kém vai trò của họ. Cùng với các thể loại

khác của văn học dân gian, ca dao đã phản ánh vai trò và vẻ đẹp của người phụ nữ trong sản xuất lao động, trong gia đình và trong những sinh hoạt văn hóa truyền thống của dân tộc.

Trong xã hội phong kiến người phụ nữ không được coi trọng, họ không được tham gia vào các hoạt động xã hội. Nhưng trong văn học dân gian, nhất là ở ca dao người phụ nữ đã được ngợi ca cả về vẻ đẹp hình thức và tâm hồn. Vẻ đẹp của người phụ nữ đã góp phần làm nên vẻ đẹp của con người Việt Nam, khẳng định sức sống và bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Hơn nữa ca dao là thể loại được nghiên cứu và giảng dậy ở nhiều cấp học khác nhau. Cho nên là một nhà giáo, tôi thấy việc đi sâu nghiên cứu nét đẹp của con người, nhất là nét đẹp của người phụ nữ sẽ có ý nghĩa thiết thực phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục nhân cách của học sinh trong sự nghiệp "*trồng người*".

Ngoài ra, trong số những tài liệu mà chúng tôi bao quát được từ trước đến nay, chúng tôi nhận thấy chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu về vấn đề này. Do vậy chúng tôi đã chọn đề tài:

Nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt .

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu:

Ca dao dân ca, xét về góc độ tư duy của dân tộc, là tấm gương bức xạ hiện thực khách quan của mỗi dân tộc với lối sống, điều kiện sống và những phong tục tập quán riêng. Hình ảnh về thiên nhiên, cuộc sống, về truyền thống dân tộc, quan hệ xã hội được phạm trù hóa theo những cách khác nhau, bằng những hình thức ngôn ngữ khác nhau. Nghiên cứu về ca dao dân ca không chỉ cho thấy những nét đẹp văn hóa của người Việt Nam mà còn làm nổi bật lên tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu người thiết tha. Ca dao dân ca là kết tinh thuần tuý của tinh thần dân tộc, là nét đẹp trong văn hóa dân gian Việt Nam. Do đó từ lâu các nhà nghiên cứu folklore nước ta đã đặt vấn đề và chú tâm nghiên cứu về ca dao dân ca. Trong đó ca dao người Việt hết sức phong phú và đa dạng, nên từ trước đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu.

Năm 1957 khi đề cập đến vấn đề hình tượng người phụ nữ trong ca dao, với *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam* (đến năm 2008 đã tái bản nhiều lần), ông Vũ Ngọc Phan khẳng định: trong cuộc đời người phụ nữ phải chịu nhiều nỗi khổ quá và chịu nhiều thiệt thòi quá. Mặc dù công sức đóng góp cho xã hội và gia đình không thua kém gì đàn ông, nhưng trong thực tế người phụ nữ không có quyền lực gì. Lý do đẩy người phụ nữ vào địa vị thấp kém là vì *" chế độ hôn nhân đã xây dựng trên cơ sở kinh tế của xã hội cũ"*. [47,tr.231] Về mặt nghệ thuật, ông Vũ Ngọc Phan nêu nhận xét rằng: *những hình tượng ẩn dụ như hoa quả, con cò... thường được sử dụng để ví, để làm rõ nỗi khổ và vẻ đẹp của người phụ nữ một cách hết sức tế nhị và kín đáo*.[47,tr.254]

Năm 1969, ở tập chuyên luận *Thi ca bình dân Việt Nam,* hai tác giả Nguyễn Tấn Long và Phan Canh đã phân tích một cách hết sức tỉ mỉ và sâu sắc về nỗi khổ của người phụ nữ trong ca dao. Hai ông khẳng định về nội dung: Người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi và áp bức nhất trong xã hội. Họ bị lệ thuộc vào người đàn ông và bị tước hết mọi quyền lực. Họ phản ứng lại với những bất công bằng nhiều cách khác nhau. Họ dám chống lại luật lệ khe khắt, đi theo tiếng gọi của tình yêu đích thực.[35]

Năm 1973, giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* do Đinh Gia Khánh chủ biên và các tác giả Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn cũng đã được tái bản bổ sung nhiều lần là một cuốn sách có đóng góp quan trọng cho việc học tập nghiên cứu văn học dân gian nói chung, ca dao nói riêng. Đặc biệt là chương 3: *Các thể loại văn học dân gian Việt Nam phần C*; *Các thể loại trữ tình dân gian (phần II: Lịch sử và xã hội, đất nước và con người trong ca dao dân ca Việt Nam...).*Ở phần này các tác giả đã đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa *:Ca dao dân ca phản ánh lịch sử; Ca dao dân ca trữ tình về sinh hoạt gia đình-Nhân vật chính là người phụ nữ lao động Việt Nam*.[12,tr.445]

Năm 1974, trong công trình nghiên cứu *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Cao Huy Đỉnh khẳng định rằng : *Vấn đề thân phận con người, trước hết là số phận người dân nô lệ và người phụ nữ lao động là chủ đề chính*

của ca dao dân ca. Cuộc đời người phụ nữ là một chuỗi những nỗi khổ đau dài dằng dặc. Sống một mình cũng khổ, lấy chồng cũng khổ và khổ hơn nữa nếu như phải làm lẽ. [5,tr.64]

Về nghệ thuật, Cao Huy Đỉnh cũng nêu một nhận xét*: Hình tượng con cò thường được sử dụng để miêu tả hình ảnh người phụ nữ với một âm điệu buồn man mác.* [5,tr.78].

Năm 1978, trong cuốn *Nghiên cứu tiến trình lịch sử của văn học dân gian Việt Nam*, nhà nghiên cứu văn học dân gian Đỗ Bình Trị cho rằng: hình tượng người phụ nữ thường được gặp nhiều nhất trong hai dạng thức là bài ca về sinh hoạt gia đình và bài ca trữ tình về tình yêu- hôn nhân(bài ca giao duyên). Những nội dung mà ông Đỗ Bình Trị đề cập đến trong công trình này là: Bài ca về sinh hoạt gia đình chủ yếu diễn tả sâu sắc nỗi đau khổ của người phụ nữ ở trong gia đình và ngoài xã hội. Tác giả công trình đã khẳng định: sự phản kháng mãnh liệt đó bắt nguồn từ những mâu thuẫn với ách áp bức nặng nề của chế độ gia trưởng. Song mặt khác nó còn có cơ sở ở cách nhìn nhận vấn đề tình yêu và hôn nhân của người trong cuộc*:" Đối với người phụ nữ, hôn nhân trên cơ sở tình yêu trong thời đó là viễn cảnh hạnh phúc của sự tự do tinh thần và đời sống sung sướng"* [59,tr.123]

Năm 1992 với *Thi pháp ca dao*, Nguyễn Xuân Kính đã đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống các yếu tố thi pháp về các mặt: Ngôn ngữ, thể thơ, kết cấu thời gian không gian nghệ thuật, một số biểu tượng hình ảnh truyền thống trong ca dao [15]. Đây là cuốn sách có giá trị rất lớn, cung cấp cho độc giả những tri thức cụ thể và khái quát về nhiều vấn đề, giúp ích cho việc nghiên cứu ca dao.

Trên đây là những công trình nghiên cứu tiêu biểu có đề cập một cách khái quát nhất về hình tượng người phụ nữ trong ca dao.

Ngoài ra có nhiều các bài viết của các nhà nghiên cứu viết về đề tài người phụ nữ trong ca dao, trong đó có bài viết *Người phụ nữ trong sinh hoạt dân ca*, (1986) của Nguyễn Thị Huế. Tác giả đã khẳng định: *" có những bài ca dao dân ca đã nói lên vai trò phụ nữ trong sinh hoạt văn nghệ... Những bài hát*

đó chứng tỏ tài năng của phụ nữ đã được đặt ở vị trí ngang bằng hoặc có khi trội hơn cả nam giới trong sinh hoạt văn nghệ." [9,tr.125] Để rồi qua những cuộc hát đối đáp nam nữ " *có nhiều phụ nữ đã là những nghệ nhân tỏ ra xuất sắc như một tài năng "thiên bẩm" trong lĩnh vực sinh hoạt dân ca*". Ta thấy được người phụ nữ trong sinh hoạt văn nghệ *"đã góp phần phản ánh lối sống lành mạnh, phóng khoáng của nhân dân lao động*". "*Giữ địa vị chủ yếu trong việc diễn xướng lối hò hát tâm tình, người phụ nữ ở đây đã nói về mình nhiều hơn, đã bộc lộ tâm trạng của mình một cách sâu lắng hơn*".[9,tr.123] Nên chính qua lời ca tâm tình ấy mà " *chủ đề về thân phận người phụ nữ đã nổi lên rõ rệt nhất"*.[9,tr.133] Ta thấy được tâm hồn của người phụ nữ *" vừa rắn rỏi mà dịu hiền, kiên nghị mà đằm thắm thiết tha"* [9,tr.133] và " *khi nhắc tới mỗi làn điệu dân ca nổi tiếng nào, thường tình người ta hay nhớ tới hình ảnh những cô gái của quê hương đó, như là biểu trưng cho vẻ đẹp, những nét đặc thù của các làn điệu dân ca ấy"*.[9,tr.134]. Tác giả Nguyễn Thị Huế đã khẳng định *" Sự nghiên cứu về lời ca đưa đến những hiểu biết về tâm hồn người phụ nữ, sự nghiên cứu về hình thức diễn xướng dân ca cho ta thấy vai trò sáng tạo, sự đóng góp phong phú của họ về mặt nghệ thuật trong lĩnh vực văn học dân gian"* [9,tr.135].

Những nhận định này đã hướng chúng tôi đi vào nghiên cứu nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền cả về hình thức và tâm hồn.

Năm 1994, tác giả Nguyễn Luân *Qua một bài ca dao, hiểu thêm về phẩm chất của người phụ nữ xưa,* đã cho thấy những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ luôn tỏa sáng trong bất cứ hoàn cảnh nào: *" Một trái tim yêu thương nồng thắm, một tâm hồn cao thượng như vậy lại bị đối xử một cách phũ phàng. Cảnh ngộ trớ trêu khiến ai nghe cũng cảm thấy thương cho cô gái. Càng cảm thương cô gái, ta càng căm giận người chồng nhẫn tâm. Nhưng xét đến cùng thái độ của người chồng là sản phẩm của đạo lý ích kỷ của giai cấp thống trị. Trong hoàn cảnh đó, phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ vẫn tỏa sáng, càng tỏa sáng."* [37,tr.38].

Năm 1996, tác giả Triều Nguyên trong bài *Thử khảo sát một số bài ca dao có mô hình cấu trúc một, hai- mười- thương (yêu, lo...) ...//*, khi tìm hiểu nhóm chủ thể trữ tình là nam giới trong nhóm những bài ca này đã thấy nét đẹp của người phụ nữ có những điểm đáng yêu sau: "- *Xinh đẹp, duyên dáng (má lúm đồng tiền, răng nhánh hạt huyền kém thua) - Trang phục đẹp (cổ yếm đeo bùa, nón thượng quai tua; yếm đào, khăn thắm thêu hoa) - Ăn nói có duyên, có phẩm chất tốt, khôn khéo (ăn nói mặn mà có duyên, nết ở khôn ngoan, miệng chào có duyên, nết na, hiền tài)- Còn độc thân (để có thể cầu hôn) (cô chửa có ai)".* [41,tr.43] Còn ở nhóm chủ thể trữ tình là nữ giới, tác giả đã nhận xét*:*
" Tình yêu của người phụ nữ được bộc lộ bằng sự quan tâm, lo lắng cho người bạn tình... Đối với người bạn tình, đàn ông chú ý nhiều đến cái đẹp bên ngoài, trong lúc phụ nữ lại quan tâm đến những khía cạnh thuộc về cuộc sống.."[41,tr.45]

Bài viết này cũng đã định hướng cho chúng tôi tìm hiểu một cách hệ thống, toàn diện về nét đẹp người phụ nữ xưa trong ca dao người Việt.

Năm 1998, trong *Những thế giới nghệ thuật của ca dao,* Phạm Thu Yến cũng đã đã nêu lên cảm hứng về thân phận người phụ nữ trong ca dao truyền thống và trong thơ hiện đại. Tác giả đã có cái nhìn khái quát về thân phận người phụ nữ trong ca dao truyền thống để nói lên nỗi khổ và vẻ đẹp tâm hồn của họ.[64]

Năm 2005, với bài viết *Con số " Mười" trong ca dao và những bài ca dao có mô típ " Một... đến mười..",* Nguyễn Xuân Lạc đã đưa ra nhận xét " *Nếu lễ giáo phong kiến quy định tứ đức của người phụ nữ là công, dung, ngôn, hạnh thì phải chăng bức tranh cô gái trong Mười thương là sự dân gian hóa cái tứ đức ấy theo quan niệm của người lao động. Và cô gái hiện lên thật dễ thương biết bao khi cô có đủ cả " mười thương"* [31,tr.50].

Ý kiến này đã gợi ý cho chúng tôi đi vào tìm hiểu cái nhìn của người xưa về nét đẹp hình thể của người phụ nữ luôn phù hợp với cuộc sống người lao động và nét đẹp về hình thể lại rất hài hòa với vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ.

Tiếp tục việc nghiên cứu về ca dao dân ca, phải kể đến các luận án tiến sĩ luận văn thạc sĩ của các nghiên cứu sinh, học viên và luận văn, báo cáo khoa học của sinh viên khoa ngữ văn các trường đại học. Tiêu biểu có luận án Tiến sĩ với đề tài *Tục ngữ, ca dao và việc phản ánh phong tục tập quán người Việt*, (2000) của Phạm Việt Long đã cho thấy vẻ đẹp về phong tục tập quán của người Việt trong sinh hoạt, lối sống, trang phục, quan hệ... [36]

Luận văn thạc sĩ *Chủ đề gia đình trong ca dao cổ truyền người Việt* (2003) của Đỗ Thị Thu Thủy. Tác giả đã cho thấy những quan niệm và cung cách ứng xử của người Việt trong phạm vi đời sống sinh hoạt gia đình. Nổi bật là vai trò,vị trí quan trọng của người phụ nữ ở cung cách ứng xử văn hóa gia đình người Việt.[57]

Đáng chú ý có luận văn tốt nghiệp của Lưu Thị Nụ khoa ngữ văn ĐH tổng hợp Hà Nội với đề tài *Người phụ nữ qua những hình ảnh so sánh trong ca dao Việt Nam (1992)*. Tác giả đã tìm hiểu hình tượng thơ ca là người phụ nữ với tất cả các biểu hiện về ngoại hình, về tính cách, về thân phận và đặc biệt là về tâm trạng của người phụ nữ được thể hiện qua thủ pháp nghệ thuật so sánh trong ca dao như thế nào.

Bên cạnh đó còn có luận văn *Tìm hiểu thân phận người phụ nữ qua ca dao với mô típ thân em (2001)* của tác giả Lê Lan Anh (Đại học Khoa học xã hội và nhân văn). Luận văn *Thể thơ lục bát trong ca dao tình yêu người Việt (2002)* của tác giả Phạm Thanh Huyền(ĐHSP Thái Nguyên) và Luận văn *Diễn xướng ca dao tình yêu người Việt (2006)* của tác giả Nguyễn Thị Huế (ĐHSP Thái Nguyên).v.v...

Qua các chuyên luận, các bài viết kể trên, chúng tôi có thể rút ra những điểm sau: Hầu hết các tác giả nghiên cứu đều đề cập đến đề tài người phụ nữ trong ca dao dân ca chủ yếu về phương diện nội dung phản ánh của hình tượng này. Thân phận khổ đau của người phụ nữ trong xã hội cũ được đề cập nhiều nhất. Nhìn chung các công trình nghiên cứu đều đi đến một nhận định chung thống nhất rằng :

Qua ca dao, người phụ nữ Việt Nam hiện lên với một vẻ đẹp cao quý cả về phẩm chất lẫn tâm hồn. Họ luôn phải chịu những bất công, khổ cực trong xã hội cũ. Nhưng họ đã chủ động bảo vệ tình yêu, hạnh phúc, đấu tranh với những lề luật và những bất công mà chế độ phong kiến đã gây ra.

Về phương diện nghệ thuật, ta thấy các tác giả đã chú ý đến các hình tượng để miêu tả người phụ nữ trong ca dao, những hình tượng này thường là đẹp mà buồn.

Như vậy khám phá vẻ đẹp của con người nhất là người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt vẫn luôn là đề tài cần được khai thác.

3. Mục đích nghiên cứu:

3.1. Đề tài nhằm góp phần vào việc tìm hiểu quan điểm thẩm mĩ của nhân dân lao động về vẻ đẹp của người phụ nữ xưa.

3.2. Đề tài cũng khẳng định những giá trị đã tạo nên vẻ đẹp, sức sống của người phụ nữ nói riêng và con người Việt Nam nói chung. Từ đó phát huy những vẻ đẹp đó để giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài luận văn của chúng tôi có tên là :***" Nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt"***. Vì vậy đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là nét đẹp của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao cổ truyền trước năm 1945. Nhìn chung nét đẹp của người phụ nữ rất phong phú, nhưng chúng tôi tập trung đi sâu vào nghiên cứu những nét đẹp về hình thức và nét đẹp về tinh thần làm ngời sáng vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Tư liệu về ca dao rất dồi dào, phong phú, đa dạng biểu hiện ở nhiều công trình. Nhưng với đề tài ***Nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt,*** nên đối tượng khảo sát chính của chúng tôi là bộ phận ca dao cổ truyền của người Việt. Cụ thể tư liệu khảo sát được khai thác chủ yếu là: *Tổng tập Văn học dân gian người Việt* (2002), Nxb khoa học xã hội, H. Đây là một

công trình tập thể được biên soạn công phu gồm 19 tập về tất cả các thể loại của văn học dân gian người Việt. Chúng tôi sử dụng tập 15,16 (quyển thượng, quyển hạ) là tập nói về ca dao người Việt.

Ngoài ra chúng tôi có tham khảo thêm *Kho tàng ca dao người Việt*(1995), 4 tập, do Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật chủ biên, Nxb văn hóa thông tin, H; *Tục ngữ ca dao dân ca (1957, tái bản 1998)* của Vũ Ngọc Phan; *Tuyển tập tục ngữ ca dao Việt Nam* (2001) do Nguyễn Cừ, Nguyễn Thị Huế, Trần Thị An biên soạn, Nxb Văn học, H..v.v...

Trong quá trình tiến hành thống kê và phân tích, đối chiếu, so sánh, chúng tôi cũng có thể sử dụng thêm một số tư liệu có sẵn, được trích dẫn lại trong các công trình có liên quan. Các tư liệu này đều được chú thích rõ nguồn gốc, xuất xứ.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu :

Xuất phát từ mục đích nghiên cứu, chúng tôi xác định nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn này là:

5.1. Tìm hiểu những tiền đề lý luận chung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận văn. Tìm hiểu vai trò vị thế của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền.

5.2.Từ Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 15,16 (quyển thượng, quyển hạ) gồm 11.001 lời theo chín chủ đề lớn (*Đất nước và lịch sử; Quan hệ gia đình, xã hội, Lao động và nghề nghiệp; Tình yêu lứa đôi; Sinh hoạt văn hóa văn nghệ; Những lời bông đùa, khôi hài, giải trí; Những nỗi khổ, những cảnh sống lầm than; Những thói hư tật xấu và các tệ nạn xã hội; Kinh nghiệm sống và hành động*), chúng tôi đã tiến hành khảo sát, phân loại để lựa chọn ra những lời ca dao nói về nét đẹp hình thức và nét đẹp về tinh thần của người phụ nữ.

5.3. Nghiên cứu nét đẹp hình thức và nét đẹp tinh thần của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt. Trên cơ sở đó làm sáng rõ quan điểm thẩm mĩ ca ngợi nét đẹp tự nhiên, đề cao nét đẹp tinh thần và sự kết hợp hài hòa giữa nét đẹp hình thức với tinh thần.

6. Phương pháp nghiên cứu :

Nhằm đạt được những mục đích đặt ra để triển khai đề tài này chúng tôi chú ý đến các phương pháp chủ yếu sau :

Phương pháp định lượng qua thống kê phân loại :

Trước hết chúng tôi tiến hành thống kê toàn bộ số lượng những lời ca nói về người phụ nữ qua từng giai đoạn, thể hiện ở từng khía cạnh, sau đó chúng tôi phân loại, khảo sát cụ thể và cuối cùng định lượng về số lượng những lời ca ở từng khía cạnh. Đó là cơ sở khoa học cho những nhận định, kết luận của luận văn. Qua kết quả thống kê phân loại chúng tôi có thể rút ra những nhận xét một cách chính xác, khách quan và khoa học.

Phương pháp phân tích, tổng hợp- bình:

Trên cơ sở của việc thống kê, phân loại, chúng tôi tiến hành phân tích, hệ thống hóa. Dựa vào kết quả của sự phân tích, chúng tôi sẽ tổng hợp để rút ra những kết luận khái quát.

Trong quá trình đó chúng tôi có sử dụng phương pháp bình. Đây không phải là phương pháp chủ yếu mà đây chỉ là cách tiếp cận sâu hơn khi cần khái quát tư duy của các tác giả dân gian.

Ngoài những phương pháp cơ bản trên đây, trong quá trình nghiên cứu chúng tôi còn vận dụng một số phương pháp liên ngành như: lí luận văn học, văn học sử, phong cách học, phương pháp so sánh.v.v...

7. Đóng góp của luận văn

- Góp thêm một nhận thức về vẻ đẹp, quan điểm thẩm mĩ của nhân dân lao động trong ca dao.

- Gìn giữ và phát huy những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc để khẳng định sự bền vững của bản sắc văn hóa dân tộc trong nét đẹp người phụ nữ và con người Việt Nam.

8. Cấu trúc của luận văn :

Luận văn ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, nội dung gồm 3 chương:

<u>Chương 1:</u> Người phụ nữ trong xã hội phong kiến và trong ca dao cổ truyền người Việt

<u>Chương 2:</u> Nét đẹp hình thức và tinh thần của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

<u>Chương 3:</u> Nghệ thuật biểu đạt nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

NỘI DUNG

Chương 1

NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI PHONG KIẾN VÀ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

1.1. VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI PHONG KIẾN

Dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rất mạnh mẽ ý thức hệ của tư tưởng Trung Hoa, mà đối với người phụ nữ nặng nề nhất là đạo "*Tam tòng*". Nó là ba trách nhiệm quy định cho người phụ nữ phải theo và coi đó như là bổn phận. Bên cạnh đó chuẩn mực "*Tứ đức"* là yêu cầu phẩm hạnh phải có của người phụ nữ. Những luật lệ, chuẩn mực của xã hội phong kiến đã hạn chế quyền hạn của người phụ nữ trong đời sống. Đối với gia đình người phụ nữ bị lệ thuộc, đối với xã hội lại càng không được coi trọng. Để thấy được vị trí của người phụ nữ trong xã hội phong kiến như thế nào, ta cùng đi vào tìm hiểu vài nét về luật lệ *"Tam tòng"* và chuẩn mực "*Tứ đức*".

1.1.1. Luật lệ *" Tam tòng "*

"*Điều bất bình đẳng đối với người phụ nữ xưa chính là việc họ bị "*gạt*" ra khỏi cuộc sống rộng lớn của xã hội và "*dồn*" vào khuôn khổ chật hẹp của đời sống gia đình. Xã hội phong kiến, dưới sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tư tưởng Nho giáo đã thể chế hóa điều này bằng" Đạo tam tòng": Tại gia tòng phụ; Xuất giá tòng phu; Phu tử tòng tử. (Ở nhà theo cha; Lấy chồng theo chồng; Chồng chết theo con trai). Theo* Ngô Quốc Đông *Phụ nữ xưa và nay* báo điện tử nhândân.com.vn, ngày 22-10-2007.

Thực chất sự ràng buộc tinh thần của *" Đạo tam tòng*" xuất phát từ cơ sở kinh tế của nó. Cơ sở ấy là quyền thừa kế tài sản. Đây cũng là khởi nguồn của quan niệm phu tử tòng tử. Bị tước mất quyền thừa kế tài sản, tất cả tài sản đều thuộc sở hữu của người con trai, từ đó người phụ nữ bị rơi cảnh phụ thuộc,

nương nhờ vào con trai để sống. Không những thế quan niệm tòng tử còn trói buộc hạnh phúc của nhiều người phụ nữ. Trong khi "*trai năm thê bảy thiếp*" thì "*gái chính chuyên chỉ có một chồng*". Đôi khi sức sống, niềm khát khao của họ bị cái "*chính chuyên*" kiềm tỏa mà không thể thoát ra được. Tái giá được xem là *"phản bội",* vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội. Người tái giá đa số cũng chỉ làm tôi thiếp, bị thiệt thòi, hiếm có được ý nghĩa thật sự của hai từ hạnh phúc. " *Do pháp luật phong kiến cũng như lệ tục của làng xã, do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo nên vị trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội rất mờ nhạt, thậm chí họ phải chấp nhận sự đối xử bất bình đẳng so với nam giới. Đạo tam tòng đã buộc chặt người phụ nữ vào những khuôn phép khắc nghiệt vô hình"* [65]

Cho nên "*Đạo Tam tòng"* là một nghiêm lệnh tước đoạt hoàn toàn quyền hạn của người phụ nữ trong đời sống.

1.1.1.1. *Ý thức "* tại gia tòng phụ*"*

Nói tòng phụ tức phụ quyền được đề cao. Người cha có quyền uy tuyệt đối trong gia đình. Người con gái phải nghe theo cha, phục tùng mệnh lệnh của cha mẹ mà ít có những chính kiến cá nhân. " *Khi còn tại gia, mẹ thường dạy con gái ăn ở làm sao cho tử tế, cho được tiếng gái lành. "*Tứ đức*" đặc biệt được chú trọng đưa vào giáo dục con gái trong giai đoạn này. Với Tứ đức, bao giờ người con gái cũng phải thu mình với công, dung, ngôn, hạnh, luôn luôn phải giữ gìn tiết hạnh làm câu sửa mình"* [65]. Người con gái trong gia đình xưa được giáo dục rất bài bản cách ăn ở cư xử trước khi về nhà chồng. Ý thức này bắt người con gái trong gia đình khi lớn lên phải phục tùng tuyệt đối cha mẹ. Sự phục tùng ấy một mặt do guồng máy phong kiến áp đặt thành một luật lệ, một mặt do quan niệm giáo điều của Nho giáo đã ăn sâu vào dân gian khiến cho mọi người con gái lớn lên đều cảm thấy tự mình có nghĩa vụ như vậy và họ cho rằng sự định đoạt của cha mẹ là cái gì đó thiêng liêng cao cả. Khi đã tự mình cho không có quyền hạn gì họ đem số phận của mình ủy thác vào cha mẹ. Đặc biệt là vấn đề hôn nhân. Và rồi từ đó người con gái có cảm giác hôn nhân là sự may rủi, là

định mệnh trong đời mình : "*Sự bất bình đẳng đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến thể hiện rõ nét trong việc hôn nhân và những phong tục về hôn nhân. Con cái nói chung và người con gái nói riêng không có quyền tự do đối với việc hôn nhân của mình mà hoàn toàn do cha mẹ sắp đặt "* Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy*". Dù trai gái có thương nhau nhưng cha mẹ không bằng lòng thì hôn nhân cũng bị tan vỡ. Và khi cha mẹ bằng lòng thì dù không thương nhau cũng phải lấy nhau"*.[65]

Hơn nữa pháp luật của Nhà nước phong kiến (được các làng tuân thủ thành lệ tục), người phụ nữ không phải là đại diện chính thức của quyền thừa kế. Ở hầu hết các làng, khi bố mẹ mất, những người con gái đã xuất giá không được chia và không có quyền đòi hỏi chia tài sản. Đối với ruộng đất hương hoả (và cả nhà thờ họ), nếu ngành trưởng tuyệt tự thì phải chuyển cho con trai của ngành thứ quản lý, còn bản thân những người con gái của ngành trưởng không có quyền sử dụng số tài sản đó.

1.1.1.2. *Ý thức "* xuất giá tòng phu*"*

Rời nhà cha mẹ đẻ, phụ nữ bước vào cuộc đời xuất giá tòng phu. Bên cạnh trách nhiệm người vợ, người phụ nữ còn làm thêm nghĩa vụ của người con trong gia đình mới. Có thể nói, cô con dâu mới phải quán xuyến hầu hết những công việc, vừa tham gia lao động sản xuất với nhà chồng. Đây là quy luật bắt buộc người phụ nữ có chồng phải đi theo chồng, tuân theo mệnh lệnh của chồng. Ý thức này đã ăn sâu vào dân gian. Nếu người con gái lúc ở nhà cha mẹ đã không có một quyền hạn nào định đoạt lấy thân phận của mình thì lúc lấy chồng cũng không có quyền sống cho mình mà phải sống cho chồng, cho gia đình chồng. " *Ý thức này gây cho phụ nữ một ấn tượng xem mình như kẻ phụ thuộc, sống nhờ vào người khác, có tư tưởng yếu đuối cầu an. Họ chỉ biết làm sao cho chồng thương để nhờ vào sự che chở của chồng. Hơn nữa tình trạng đa thê được pháp luật và tập tục công nhận: Trai khôn năm, bảy vợ - Gái chính chuyên chỉ một chồng. Không phải chỉ khi vợ, chồng không có con hoặc không có con trai, người vợ vẫn phải chấp nhận để chồng có thêm vợ lẽ hoặc nàng*

hầu" [65].

Tục đa thê đã gây nên rất nhiều khổ đau cho người phụ nữ trong xã hội. Chế độ "*Tòng phu"* đã làm cho người đàn ông không chỉ có đặc quyền được người vợ phục tùng mà còn gây nhiều bất công như nạn chồng đánh vợ, nạn đàn ông lấy vợ lẽ, mẹ chồng hành hạ nàng dâu.v.v...

1.1.1.3. *Ý thức "* phu tử tòng tử"

Đây là quy luật biến người phụ nữ thành của riêng người đàn ông. Chẳng những họ phải thờ chồng như lúc sống mà cả đến lúc chết cũng phải một dạ thờ chồng. "*Chế độ phụ quyền dùng đạo "*Tam tòng*" để bắt người phụ nữ phải sống trong khuôn khổ lệ thuộc đàn ông. Trong quan hệ hôn nhân, xã hội cũng ít chấp nhận việc ly dị, nhất là khi phụ nữ là người chủ động*" [65]. Dư luận xã hội luôn có ác cảm đối với những người phụ nữ gặp phải điều bất hạnh này trong hôn nhân, dù trong nhiều trường hợp họ không phải là người có lỗi. Nhiều người phụ nữ đã phải cam chịu một cuộc hôn nhân không có hạnh phúc trong suốt cả cuộc đời. Lệ tục làng xã còn cư xử đầy nghiệt ngã đối với những phụ nữ không chồng mà chửa, ngoài ra còn tước đi quyền làm mẹ chính đáng của nhiều phụ nữ không may mắn có được một mái ấm gia đình, buộc họ phải suốt đời sống trong cảnh cô đơn. Nhiều người đã phải bỏ làng ra đi để giữ lấy thanh danh của gia đình, dòng họ.v.v...

Có thể nhận thấy rằng, trong pháp luật phong kiến cũng như lệ tục của làng xã, do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo nên vị trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội rất mờ nhạt, thậm chí họ phải chấp nhận sự đối xử bất bình đẳng so với nam giới. "*Đạo tam tòng*" đã buộc chặt người phụ nữ vào những khuôn phép khắc nghiệt vô hình. Chế độ phụ quyền với tư tưởng Nho giáo hà khắc, nghiệt ngã thực sự đã gây ra cho người phụ nữ xưa vô vàn những nỗi khổ đau cả về vật chất lẫn tinh thần. Đồng thời người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã bị chế độ phụ quyền áp đảo làm mất hết quyền hạn và giá trị nên có một vị trí thấp kém trong xã hội phong kiến.

1.1.2. Người phụ nữ với *"Tứ Đức"* (Công, Dung, Ngôn, Hạnh).

*" Theo quan niệm xưa, Công là sự khéo léo của phụ nữ trong việc làm tại gia đình. Họ phải biết sắp xếp công việc sao cho hợp lý, việc gì cũng cần chu đáo, không chỉ khéo léo về nữ công gia chánh, đảm đang nội trợ mà còn phải biết "*đối nội, đối ngoại*" khôn khéo, nuôi dạy con cái khỏe mạnh, chăm ngoan. Dung là sự hòa nhã trong sắc diện. Đó là vẻ đẹp của sự hài hòa giữa hình thức và tâm hồn. Các cụ ta có câu "*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*", lời nói có duyên bao giờ cũng gây được thiện cảm với người nghe. Ngôn trong Tứ Đức là lời nói dịu dàng, có duyên. Không thể phủ nhận sức thuyết phục của người phụ nữ mỗi khi lên tiếng khuyên chồng, dạy con ở nhà, cho đến dàn xếp công việc, thương lượng trong kinh doanh, buôn bán. Hạnh thể hiện phẩm chất đạo đức của người phụ nữ. Đó là thương chồng, thương con, giàu lòng nhân ái, đức hy sinh, son sắt thủy chung". Theo* Vũ Thanh Phúc, *Đôi điều về Công, Dung, Ngôn, Hạnh của phụ nữ,* báo điện tử bacninh.gov.vn/Story *ngày* 20/3/2007.

Do đó trong thước đo của xã hội phong kiến, Công, Dung, Ngôn, Hạnh là chuẩn mực quan trọng để đánh giá vẻ đẹp của người phụ nữ.

Như vậy "*Tứ đức*" ngoài phần tích cực là khiến người phụ nữ tự rèn mình theo chuẩn mực để hướng tới cái đẹp, còn cùng với luật " *Tam tòng*" trói buộc cuộc đời người phụ nữ vào những tư tưởng hà khắc của xã hội phong kiến, đồng thời đẩy người phụ nữ xuống địa vị thấp kém trong xã hội.

1.2. HÌNH ẢNH, VỊ THẾ NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

1.2.1 Hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong văn học dân gian.

"*Văn học dân gian là sáng tác tập thể, truyền miệng của nhân dân lao động, ra đời từ thời kì công xã nguyên thủy, trải qua các thời kì phát triển lâu dài trong các chế độ xã hội có giai cấp, tiếp tục tồn tại trong thời đại hiện nay*".[12,tr.7]

Từ khái niệm trên ta thấy văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật. Nói đến văn học dân gian là nói đến một thế giới nghệ thuật được sáng tạo nhằm phản ánh sinh động cuộc sống thực tế. Chất liệu chủ yếu để tạo nên tác phẩm văn học dân gian là ngôn từ. Ngôn từ đóng vai trò quan trọng tạo nên nội dung ý nghĩa tác phẩm. Văn học dân gian ra đời, tồn tại và phát triển nhờ truyền miệng. Văn học dân gian là kết quả của quá trình sáng tác tập thể. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với các hoạt động khác nhau trong đời sống cộng đồng. Do đó nội dung của văn học dân gian vô cùng phong phú, không bị bó hẹp trong phạm vi phản ánh các hoạt động cụ thể của con người mà thường mở rộng ra những vấn đề của đời sống tự nhiên và xã hội liên quan đến cộng đồng, dân tộc, thậm chí toàn nhân loại. Cho nên bản sắc văn hóa của con người Việt Nam, đặc biệt là vẻ đẹp của người phụ nữ đã được in đậm trong văn học dân gian.

Văn học dân gian Việt Nam cũng như văn học dân gian của nhiều dân tộc khác trên thế giới, có những thể loại chung và những thể loại riêng, hợp thành một hệ thống. Mỗi thể loại phản ánh cuộc sống theo những nội dung và cách thức riêng. Khác với hình ảnh thực trong xã hội phong kiến, hình ảnh người phụ nữ được phản ánh trong các thể loại của văn học dân gian luôn xuất hiện với giá trị, vẻ đẹp và được tôn vinh thể hiện khát vọng tự do, khát vọng được đề cao của người phụ nữ.

Trong kho tàng thần thoại và truyền thuyết của người Việt, hình ảnh người phụ nữ luôn được đề cao. Truyện *Lạc Long Quân và Âu Cơ* kể về sự ra đời của loài người, trong đó coi bà Âu Cơ là Mẹ (Mẹ Tiên). Quan niệm của người xưa cho rằng phụ nữ là mẹ của muôn loài, người đàn bà kết hợp với tự nhiên để sinh ra con người. Với hình tượng bà Âu Cơ, rõ ràng là trong ý thức của người dân Việt Nam luôn luôn tồn tại hình tượng một người phụ nữ được coi như người sinh thành ra dân tộc Việt. Bên cạnh hình tượng Mẹ Âu Cơ, thần thoại dân tộc Việt còn có hình tượng Mẹ Lúa. Nữ thần lúa nước ở trên trời là người đầu tiên dạy người dân đồng bằng làm lúa nước, ổn định cuộc sống lâu dài. Thần thoại Mẹ Luá ghi lại công lao của người phụ nữ này, đánh dấu sự ra

đời của một phương thức sản xuất mới. Mẹ Lúa cũng mang dòng dõi tiên. Cũng có thể giả thuyết rằng hình tượng Mẹ Lúa được xây dựng vào những công đoạn của nghề trồng luá phần nhiều do bàn tay người phụ nữ đảm nhiệm. Hình tượng này đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam, hiển nhiên được coi như là nguồn gốc của nghề nông ở nước ta. Cùng với hình tượng Mẹ này là hình tượng Phật Bà được thờ cúng ở khắp các chùa chiền trên mọi miền đất nước. Hình tượng Phật Bà nghìn tay nghìn mắt ngồi trên tòa sen là hình tượng hết sức đẹp đẽ, tức là Phật của người Việt cũng là phụ nữ. Những hình ảnh này in dấu ấn rõ rệt của chế độ mẫu hệ.

Thực tế trong lịch sử dân tộc cũng xuất hiện rất nhiều hình tượng người phụ nữ trung liệt, tiêu biểu cho cái đẹp đã được ghi lại trong truyền thuyết như hình tượng Hai Bà Trưng. Đây là người phụ nữ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đã đứng lên lãnh đạo nhân dân giành độc lập tự do cho dân tộc. Hình tượng hai bà đã được nhiều sử sách ghi lại và nhân dân nhiều nơi thờ phụng. Cùng với Hai Bà Trưng, lịch sử đấu tranh giữ nước của người Việt xuất hiện hình tượng Bà Triệu tiêu biểu cho ý chí, nghị lực : *" Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông"*. Rất nhiều thế hệ phụ nữ Việt Nam đã ru con bằng những lời ngợi ca người phụ nữ này:

Con ơi con ngủ cho ngoan
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng.[27,tr.251]

Vẻ đẹp của bà Triệu là vẻ đẹp của một nữ tướng xông pha trận mạc. Những hình tượng đẹp đẽ này đã được các thế hệ phụ nữ đời sau phát huy với những gương phụ nữ anh hùng mà trung hậu như hình tượng bà vợ Ba cai Vàng, bà Ba Đề Thám, giúp chồng đánh giặc. Họ trở thành những nhân vật huyền thoại trong lịch sử của người Việt Nam.

Trong văn học dân gian, truyện cổ tích là hiện thân về những giấc mơ đẹp của người Việt cổ hướng tới một xã hội công bằng, con người được sống trong

no ấm, dân chủ và hạnh phúc. Các tác giả dân gian đã thể hiện những ước mơ đó qua hai tuyến nhân vật rõ ràng đó là cái Thiện và cái Ác. Trong truyện cổ tích, tiêu chí về cái thiện nằm ở chính nghĩa. Có chính nghĩa thì sẽ gặp được người tốt giúp đỡ, nhận được những phép màu kì diệu. Còn cái ác (phi nghĩa) thì nhất định sẽ bị trừng phạt thích đáng. Bởi thế nhân vật nữ trong cổ tích người Việt thường có sự phân tuyến rõ ràng theo tiêu chí "*tuyệt đối*". Tuyệt đối tốt hoặc tuyệt đối xấu, không có nhân vật nào phức tạp, bí ẩn. Nhân vật nữ đại diện cho lí tưởng tốt đẹp của nhân dân thường có số phận bi thảm, tiêu biểu cho những con người "*thấp cổ bé họng*". Đó thường là những kẻ mồ côi, không nơi nương tựa, bị tước đoạt mọi quyền lợi, có khi phải chết đi sống lại nhiều lần như cô Tấm *(Tấm Cám)*. Hình tượng cô Tấm , tiêu biểu cho quan niệm *" Ở hiền gặp lành*" của cha ông ta. Cô Tấm gặp nhiều gian khổ nhưng cuối cùng được sống sung sướng. Hình tượng này sống với bao thế hệ người Việt Nam, tiêu biểu cho đức tính hiền thảo của người phụ nữ. Chính sự quan tâm đến số phận những con người nhỏ bé đã thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện cổ tích. Phẩm chất người phụ nữ trong cổ tích chính là đại diện cho những phẩm chất cao quý của nhân dân. Họ là những người phụ nữ giàu lòng nhân hậu, bao dung. Cô Út lấy Sọ Dừa *(Sọ Dừa)*, Tiên Dung lấy Chử Đồng Tử (*Chử Đồng Tử)*, cô Tấm lấy Vua *(Tấm Cám)*...đó chính là thể hiện ước mơ về sự công bằng và dân chủ, theo quan điểm của người Việt xưa kia. Các nhân vật phụ nữ trong truyện cổ tích dường như luôn được tác giả dân gian nâng niu, trân trọng và có đời sống nội tâm phong phú. Đoạn đầu đời, họ có thể gặp rất nhiều sự bất công, bị đe doạ, trắc trở, song cuối cùng bằng sự kiên trì nhẫn nại họ đều chiến thắng và hạnh phúc đã mỉm cười với những người phụ nữ ấy. Tấm mỗi lần hồi sinh lại duyên dáng hơn xưa (*Tấm Cám)*, cô Út chui ra từ bụng cá vẫn hồn nhiên tươi tắn (*Sọ Dừa)*, người vợ của anh học trò nghèo khi trút bỏ lốt cóc là một cô gái thật xinh đẹp (*Lấy vợ Cóc)*….

Bên cạnh đó ở truyện cổ tích sinh hoạt còn có chuyện *Gái ngoan dậy chồng*, *Giết chó khuyên chồng, Truyện vợ chàng Trương*, đề cao vai trò người

phụ nữ. Những nhân vật nữ trong truyện tiêu biểu cho ý chí, nghị lực của người phụ nữ Việt Nam đã cảm hóa được những người chồng từ chỗ xấu đến chỗ tốt, từ chỗ nghi ngờ, không tin đến chỗ thương yêu, kính phục.

Ở thể loại sân khấu dân gian cũng xuất hiện hình tượng những người phụ nữ với nhiều khía cạnh tình cảm khác nhau. Đặc biệt hơn cả là trong chèo ***"Quan âm thị Kính"***, tập trung ba hình tượng phụ nữ. Thị Kính là người con gái ngoan nhưng gặp nhiều oan ức đến phải đi tu rồi gặp rất nhiều rắc rối. Thị Kính là hình tượng tiêu biểu cho đức hy sinh của người phụ nữ Việt Nam. Thị Mầu, một cô gái táo tợn, khát vọng yêu đương nồng nhiệt, lại là hình tượng người phụ nữ dám chống lại tục lệ cổ hủ, lên tiếng đòi tự do yêu đương, sống cho bản thân mình. Bên cạnh hai hình tượng này còn có hình tượng Mẹ Đốp, người đàn bà sắc sảo, dùng lời nói của mình đánh vào bọn quan lại thống trị, lột trần bộ mặt thật của chúng.

Như vậy trong văn học dân gian Việt Nam, hình tượng người phụ nữ rõ ràng có một vị thế vô cùng quan trọng, họ được đề cao, được nói lên tiếng nói khát vọng tự do, khát vọng hạnh phúc của mình. Mặc dù số phận, vị trí ,cuộc đời người phụ nữ trong xã hội cũ, xã hội phong kiến thường chịu nhiều bất công, oan khổ nhưng trong văn học dân gian hình tượng người phụ nữ vẫn là một hình tượng đẹp, thể hiện cái nhìn ưu ái của các nghệ sĩ dân gian.

1.2.2.Hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

1.2.2.1.Nguyên nhân của vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam Việt Nam, ca dao có một vị trí hết sức quan trọng. Hơn bất cứ một thể loại nghệ thuật dân gian nào khác, ca dao là tiếng nói tâm hồn của những người bình dân Việt Nam.

Theo ***Từ điển thuật ngữ văn học*** của Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi: "*Ca dao là danh từ chung chỉ toàn bộ những bái hát lưu hành phổ biến trong dân gian có hoặc không có khúc điệu*" và " *do tác động của hoạt động sưu tầm nghiên cứu văn học dân gian, ca dao đã dần chuyển nghĩa. Từ một thế kỉ nay, các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam đã dùng danh từ*

ca dao để chỉ riêng thành phần nghệ thuật ngôn từ (phần lời thơ) của dân ca (không kể những tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi). Với nghĩa này, ca dao là thơ ca dân gian truyền thống"

Các tác giả của bộ sách *Tổng tập Văn học dân gian người Việt* do Nguyễn Xuân Kính chủ biên đã xác định rõ thuật ngữ ca dao, dân ca:

"Dân ca bao gồm phần lời (câu hoặc bài), phần giai điệu (giọng hoặc làn điệu), phương thức diễn xướng và cả môi trường, khung cảnh ca hát.

Ca dao được hình thành từ dân ca. Khi nói đến ca dao, người ta nghĩ đến lời ca. Khi nói đến dân ca, người ta nghĩ đến cả làn điệu và những thể thức hát nhất định" [27,tr.20]

Khi xem xét kho tàng ca dao cổ truyền trên một nguồn tư liệu rộng lớn, phong phú và đa dạng, chúng ta sẽ thấy sự xác định nội dung khái niệm ca dao được giới thuyết như trên về cơ bản là hoàn toàn có cơ sở thực tế. Có thể nói: *Ca dao là bộ phận chủ yếu và quan trọng bậc nhất của thơ ca dân gian có phong cách riêng, có thi pháp riêng đặc trưng trong sự đối chiếu với thơ bác học. Qua ca dao đời sống tâm tư tình cảm của người lao động hiện lên với một vẻ đẹp giản dị và sinh động.* Nhà nghiên cứu folklore Đỗ Bình Trị đã từng khẳng định: " *Lĩnh vực nêu lên vấn đề con người một cách trực tiếp, sinh động và cảm động hơn cả là thơ ca dân gian, đặc biệt là ca dao*"[59,tr.123]. Về vấn đề thân phận con người, nói như Cao Huy Đỉnh: " *trước hết là số phận người dân nô lệ và người phụ nữ lao động"* [5,tr.42]

Những yếu tố nào đã làm nên vị thế quan trọng của người phụ nữ Việt Nam trong ca dao như vậy? Ta sẽ đi phân tích và đánh giá một số những nguyên nhân cơ bản có ảnh hưởng đến vấn đề này.

Trải qua các thời đại, ở lĩnh vực nào, người phụ nữ Việt nam đều có những đóng góp đáng kể cho sự tồn tại, phát triển và tiến bộ của dân tộc, vì thế họ đã chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong tâm thức của mọi người dân Việt Nam. Trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phụ nữ Việt Nam cũng giữ vai trò quan trọng và tích cực. Đối với xã hội phong kiến thì

người phụ nữ có địa vị thấp kém, bị kinh rẻ, bị trói buộc bởi những luân lý hà khắc còn trong sinh hoạt xã hội của người Việt Nam từ thời xưa, sự tôn trọng nể vì người phụ nữ xuất phát từ vai trò và địa vị thực tế của họ trong gia đình và ngoài xã hội. Bất kỳ người Việt Nam nào cũng ghi nhớ trong lòng:

-Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.[27,tr.509]

Người mẹ Việt Nam có vai trò quan trọng và quyết định đối với sự phát triển, sự trưởng thành của người con cả về thể chất lẫn tinh thần cũng như về nhân cách. Nghĩa mẹ thường được đặt cao hơn: "*Cha sinh không tày mẹ dưỡng"*, "*Phúc đức tại mẫu*", "*Đức hiền tại mẹ*".v.v...

Ngay từ khi còn trong bào thai của mẹ, đến khi ra đời, các thế hệ người Việt Nam đã nhận lấy bầu sữa mẹ cùng với sự dạy dỗ của mẹ. Qua những lời hát ru, những người bà, người mẹ, người chị dạy con em mình tình yêu đất nước, lòng biết ơn đối với tổ tiên: "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/ Ăn gạo nhớ kẻ đâm, say, giần, sàng"*[27,tr.1084], hay "*Làm trai đứng ở trên đời/ Sống cho xứng đáng giống nòi nhà ta*"[27,tr.1092]. Mẹ dạy con phải thương yêu đoàn kết: "*Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại lên hòn núi cao"*.[27,tr.1156] Mẹ dạy con cách sống của người Việt Nam: " *Tiền tài nay đổi mai dời/ Nghĩa nhân gìn giữ trọn đời với nhau*"[27,tr.1126]. Mẹ dạy con phải yêu lao động như lẽ sống ở đời, không được lười lao động: *"Trời nào có phụ ai đâu/ Hay làm thì giàu có chí thì nên*".[27,tr.1106] Đối với con gái, mẹ cũng là người dậy con:*" Con đừng học thói chua ngoa/ Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười"*.[27,tr.755], hay *" Giàu đâu những kẻ ngủ trưa/ Hay đâu những gái đong đưa đến giờ*".[27,tr.1104]

Những lời ru ngọt ngào, đầm ấm, thiết tha của những người bà, người mẹ, người chị là một hình thức giáo dục rất độc đáo, không những giúp cho quá trình hình thành nhân cách của con người mà còn truyền thu những bài học,

những kinh nghiệm được đúc kết qua hàng nghìn năm lịch sử.

Lớn lên, trước khi vào đời và nhận những bài học của cộng đồng, quê hương làng xóm, của xã hội, tất cả các thế hệ trẻ đều do mẹ dạy dỗ ở gia đình, nhận lấy từ mẹ những bài học bằng lời, bằng ý, bằng tình và bằng chính hành động của mẹ, vì vậy đã góp phần tạo nên tình cảm, tâm lý, đạo đức, thái độ, phong cách của người con, đồng thời làm phong phú thêm nền văn hóa của xã hội, từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Trong nền văn hóa vật chất, việc ăn mặc của phụ nữ bao giờ cũng là nhân tố phản ánh trung thực, đậm nét tính chất dận tộc. Là những người tự dệt ra vải lụa, tạo ra màu sắc, tự cắt may theo kiểu cách của mình, người phụ nữ đã thể hiện tâm hồn, tình cảm, nhận thức về tự nhiên và xã hội trên các sản phẩm mà họ làm ra. Từ chiếc khăn đội đầu đến màu áo yếm, cách ăn mặc, kiểu trang phục của người phụ nữ đã tạo nên những tình cảm đẹp, có ảnh hưởng tích cực trong đời sống xã hội: "*Bao giờ cho hương bén hoa/ Khăn đào bén túi thời ta lấy mình"*[28,tr.22]*, hay " Hỡi cô mặc áo yếm hồng/ Đi trong đám hội có chồng hay chưa?*"[29,tr.200].

Đối với gia đình, người phụ nữ còn phải đảm đương công việc nội trợ. Từ tương cà dưa muối thanh đạm, đến cua ốc, cá thịt đều là các món ăn đậm đà hương vị dân tộc, đã được nâng lên thành nghệ thuật, trở thành phong tục và kinh nghiệm trong những cuộc thi ở các hội làng. Những công việc thường ngày mà người phụ nữ đảm nhiệm như nấu ăn, dệt vải, thêu thùa, may vá... v. v tưởng như rất đơn giản, nhưng lại góp phần tích cực vào việc bảo tồn và phát triển nền văn hóa vật chất của dân tộc.

Bên cạnh đó phụ nữ Việt Nam còn là những người tích cực trong việc bảo vệ và phát triển nền văn hóa tinh thần của dân tộc. Các bài ca dao, tục ngữ mà người phụ nữ truyền khẩu không chỉ là sự phản kháng chế độ phong kiến, đả kích bọn vua chúa quan lại cường hào, châm biếm những thói hư tật xấu trong xã hội, mà còn tổng kết những tri thức về sản xuất, chiến đấu và trao đổi tình cảm, lối ứng xử trong cuộc sống đời thường... tạo nên nét đặc sắc trong kho

tàng văn chương bình dân. Từ lao động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng, phụ nữ còn là những nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn những điệu múa dân tộc uyển chuyển, mềm mại, hát các làn điệu dân ca trong sáng, bình dị, thiết tha và tham gia xây dựng nền nghệ thuật sân khấu cổ truyền tài hoa, hiếm có. Những người phụ nữ có điều kiện được học hành đã đem tài nghệ và tâm hồn hòa chung vào các dòng văn thơ, góp phần vào việc phát triển nền văn chương của dân tộc. Tiêu biểu là Nàng Điểm Bích đời Trần Anh Tông với bài thơ nổi tiếng và duy nhất bằng tiếng mẹ đẻ. Nữ học sĩ Ngô Chi Lan đời Lê Thánh Tông, nổi tiếng với chùm thơ "*Tứ thời*" (Vịnh bốn mùa); Nguyễn Thị Du, người làng Kiệt Đặc, Hải Dương cải trang nam giới đi thi Hội đã đỗ thủ khoa Triều Mạc (Tiến sĩ), làm đến chức Lễ sư ở triều đình nhà Hậu Lê; Bà Trịnh Thị Ngọc Trúc, giữa thời Lê Trịnh nhiễu nhương đã từ bỏ mọi vinh hoa phú quí để miệt mài hoàn thành bộ từ điển Hán - Việt cổ nhất của Việt Nam: "*Chỉ Nam Ngọc âm giải nghĩa*". Đặc biệt trong nền văn chương Việt Nam ở các thế kỷ XVIII, XIX đã nở rộ một chùm hoa đẹp của *"Văn học phụ nữ*" với những cây bút nổi tiếng như Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan và Ngọc Hân Công chúa. Do đó trên cả lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, người phụ nữ xưa đã biểu lộ sức sống dẻo dai, tinh thần dân tộc đậm đà, sức sáng tạo tinh tế và năng khiếu thẩm mỹ đặc biệt của họ.

Trải qua hàng nghìn năm, các thế lực ngoại bang thù địch của dân tộc đã bao đời mưu toan thủ tiêu các giá trị văn hóa Việt Nam bằng cách truyền văn hóa nước ngoài vào Việt Nam: từ những giáo hóa về hôn nhân gia đình của quan lại nhà Hán, đến chính sách đồng hóa về y phục, phong tục của quan lại nhà Minh v.v... Cùng với toàn dân tộc, phụ nữ Việt Nam không những cố gắng bảo vệ mà còn phát triển bản sắc của mình, bằng cách học và tiếp thu, biến thành của mình nhiều điều hay lẽ phải của người. Bằng cách đó, những thế hệ phụ nữ Việt Nam đã góp phần tích cực bảo vệ và phát triển nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

Do đó nói tới bản sắc văn hóa cổ truyền người Việt không thể không

khẳng định vị thế quan trọng của người phụ nữ trong ca dao. Bởi vì người phụ nữ trong ca dao vừa là đối tượng của cái đẹp, vừa sáng tạo ra cái đẹp, vừa giữ gìn cái đẹp vừa phát huy cái đẹp vào cuộc sống.

1.2.2.2 Hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

Từ khái niệm chung về ca dao ta hiểu rằng ca dao cổ truyền là những câu hát, bài hát dân gian được sáng tác theo phương thức tập thể, được lưu truyền và tái sáng tạo thông qua các hình thức diễn xướng ca hát khác nhau, để "*phô diễn tâm tình"* của quần chúng, theo quan điểm thẩm mỹ của nhân dân. Ca dao trữ tình người Việt về bản chất thẩm mỹ thể loại chính là những bài ca trữ tình trò truyện- khác với chất trữ tình của thơ bác học. Theo đó có thể nói, ca dao đã thể hiện được hết cái hay, cái đẹp của loại hình trữ tình của văn học dân gian. Là thứ nghệ thuật hướng nội, ca dao đã phản ánh, đã diễn tả một cách nhuần nhụy và tinh tế thế giới tâm hồn của con người. Trong ca dao "*tư tưởng tình cảm được chắp đôi cánh kỳ diệu của tưởng tượng, thể hiện được đầy đủ hơn tất cả sự phong phú và tầm rộng lớn, cao cả của tâm hồn"* [56,tr.34]

Ca dao cổ truyền là hình thức để người xưa thổ lộ tâm tình. Mà phụ nữ thường hướng nội và có nhu cầu tâm tình, có lẽ vì thế trong ca dao những cung bậc về cõi lòng người phụ nữ thường được giãi bày nhiều hơn nam giới. Trong ca dao, nhân vật phụ nữ hiện lên thông qua những tâm trạng, những nỗi niềm riêng tư và mang dấu ấn xã hội rất rõ nét. Hai tình cảm nổi bật trong những lời ca của người phụ nữ xưa có thể tập trung trong hai từ *"than*" và "*thương*". Xã hội phong kiến với quan niệm "*trọng nam khinh nữ*" đã xô đẩy nhiều phụ nữ đến với sự bất hạnh và đắng cay. Họ phải sống trong cảnh phụ thuộc và không tự quyết định được số phận của mình, họ than: "*Thân em là gái chưa chồng/Tơ duyên có chắc như dòng nước không?"*[28,tr.1010], hoặc "*Thân em như tấm lụa đào/ Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai"*[28,tr.796], và: "*Thân em như trái bòng trôi/ Gió đánh sóng dồi, nương tựa vào đâu"*.[28,tr.1011].v.v…

Ca dao cổ truyền còn miêu tả thật thấm thía tâm trạng đau đớn của những cô gái bị ép duyên, những người vợ có chồng ăn chơi, bạc tình bạc nghĩa, cảnh

làm lẽ, cảnh những nàng dâu có mẹ chồng ác nghiệt v.v... Chú ý đi sâu mô tả những nỗi niềm riêng, những khổ sở bất hạnh của người phụ nữ, ca dao xứng đáng là những bài ca mẫu mực về giá trị nhân đạo. Người phụ nữ trong ca dao còn là biểu tượng của vẻ đẹp truyền thống, họ ý nhị và kín đáo: *"Miệng cười như thể hoa ngâu/ Cái khăn đội đầu như thể hoa sen"*[29,tr.107]. Đặc biệt vẻ đẹp tâm hồn (biết hi sinh vì hạnh phúc gia đình, biết "*thương"*...) của người phụ nữ luôn được ca dao đề cao. Khi đang yêu, họ biết thương bạn tình, khi làm vợ họ tiếp tục thương chồng - thương đến cháy lòng: "*Bồng con ngồi tựa trên non/Trăng thu vằng vặc dạ còn nhớ trông"*. [27,tr.316]... Trong tình yêu lứa đôi họ yêu thiết tha, say đắm, chân chất và biết vượt khó: "*Lên non thiếp cũng lên theo/ Tay vịn chân trèo hái trái nuôi nhau"*. [27,tr.407]... Đặc biệt trong hôn nhân, họ là những người nhân hậu, vị tha và chung thuỷ hết mực:" *Trồng cây cũng muốn cây xanh/ Gá duyên cũng muốn với anh trọn đời"*.[27,tr.466], hoặc: *"Bông gì thơm bằng bông hoa lí/ Nghĩa nào thâm thúy bằng nghĩa thiếp với chàng*".[28,tr.531]

Trong sinh hoạt dân gian nhất là ca hát thì người phụ nữ có một vị thế rất quan trọng. Đi vào cụ thể của sinh hoạt dân ca trữ tình ta thấy hầu hết các bài ca dao cổ truyền đều được sáng tác trong quá trình lao động, vì vậy nó in đậm dấu ấn của người sáng tác ra nó. "*Phần lớn thơ ca trữ tình dân gian là những lời hát giao duyên nam nữ...Hình thức là hát đối đáp*" [12,tr.431]

Hát đối đáp ra đời một phần do quan điểm của cha ông ta từ xưa, quan điểm lưỡng hợp, mọi vật trên trái đất đều phải có đôi. Có con trống thì phải có con mái: Nghê đá đình làng cũng phải một đôi; voi phục cổng chùa cũng là hai con. Quan niệm này tạo ra sự tương xứng, cân bằng trong mọi lĩnh vực, dẫn đến những yếu tố tự nhiên cho sự ra đời của hát đối : có nam thì phải có nữ. Trong quá trình lao động người dân thường hát lên những câu ca có khi là có sẵn, cũng có khi tự họ sáng tác, và bao giờ cũng thế nếu bên nam lên tiếng trước thì bên nữ sẽ đối lại hoặc ngược lại. Lực lượng tham gia hát đối chủ yếu là thanh niên nam nữ *"Họ là hương vị của thôn quê, là linh hồn của những đêm*

trăng"[35,tr.97]. Cũng từ những cuộc hát đối đáp này mà tình yêu trai gái ra đời lại làm phong phú thêm cho ca dao. Lối hát đối đáp này còn in rõ dấu ấn trong kết cấu của nhiều bài ca dao, kiểu như :

- Gặp đây Mận mới hỏi Đào:
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?
Mận hỏi thì Đào xin thưa :
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.[29,tr.529]

Căn cứ vào cả nội dung và nghệ thuật, câu trên đây tiêu biểu cho lối hát đối đáp. Từ hát vặt, hát đối đến hát phường, hát hội, bất kỳ đâu cũng có sự tham gia của người phụ nữ. Người phụ nữ trong sinh hoạt dân ca vừa là đối tượng của cái đẹp, vừa sáng tạo ra cái đẹp, vừa giữ gìn cái đẹp vừa phát huy cái đẹp vào cuộc sống.

Tác giả Nguyễn Thị Huế trong bài viết *Người phụ nữ trong sinh hoạt dân ca* đã cho thấy người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt dân ca và bộc lộ tâm tình của mình :*"Giữ địa vị chủ yếu trong việc diễn xướng lối hò hát tâm tình, người phụ nữ ở đây đã nói về mình nhiều hơn, đã bộc lộ tâm trạng của mình một cách sâu lắng hơn ở lối hát đối đáp nam nữ. Với lối hát tự tình này họ đã gửi gắm lòng mình tới nhiều đối tượng, nhiều người để nhằm gián tiếp nói tới nhiều vấn đề xã hội. Họ nhắn tới những người xa vắng như bạn tình hay cha mẹ những tình cảm yêu thương, mong, nhớ, họ nhắn với chồng con những điều khuyên nhủ, dặn dò, họ nói về thân phận của họ, cùng với những ước mong một cuộc sống tốt đẹp hơn ..."* [9,tr.133]

Cho nên trong các lễ hội dù của một làng hay là của cả một miền thì tiếng hát về người phụ nữ bao giờ cũng ngân vang. Người phụ nữ qua những lời ca câu hát trong hội hè luôn luôn được tôn trọng, yêu thương dưới con mắt của các chàng trai- bạn hát của họ.

Những yếu tố của sinh hoạt trữ tình dân gian khẳng định vị trí của người phụ nữ trong ý thức của nhân dân là rất quan trọng. Hát đối đáp giao duyên nam nữ là một trong những hình thức sinh hoạt văn nghệ được yêu thích nhất của trai

gái nông thôn xưa kia. Loại hát này có thể xuất hiện lẻ tẻ trong cuộc sống hàng ngày hoặc có thể được hát có tổ chức trong những dịp hội hè đình đám. Khi tham gia vào cuộc hát, thành phần tham gia bao giờ cũng là một bên nam và một bên nữ, hoặc ít nhất là từ hai người trở lên. Họ bất chợt gặp nhau giữa đường hay trong lúc cầy cấy, gặt hái, người con gái có thể hát đối đáp với người con trai dăm ba câu hay nhiều hơn nữa. Đó chính là những cuộc hát lẻ. Bên cạnh những cuộc hát đối đáp tình cờ trong đời sống lao động, sinh hoạt thường ngày là những cuộc hát đối nam nữ có tổ chức, có lề lối. Những cuộc hát đó ở mỗi địa phương mang những tên gọi khác nhau như : hát Quan họ Bắc Ninh, hát Ghẹo Vĩnh Phú, hát Phường vải Nghệ Tĩnh, hát Đúm Hải Phòng, hát Trống Quân Hải Hưng, Thanh Hóa, hát hò đáp Mái Nhì, Mái Đẩy, hò Giã Gạo, hò Đâm Vôi, hò Đạp Xe nước.v.v...

Dù dưới bất kỳ hình thức nào, khi hát đối đáp rõ ràng là vai trò phía nam và phía nữ về căn bản đều phải cân bằng nhau. Trong một cuộc hát, nếu bên nam đưa ra một câu hát để hỏi thì bên nữ bắt buộc phải có ngay một câu đáp, hoặc ngược lại. Câu hát hay sẽ gây được hứng khởi và cuộc hát tiếp tục, câu hát đáp dở thì cuộc hát sẽ khó mà tiếp tục được. Chẳng hạn bất chợt gặp nhau giữa đường, chàng trai đã nắm tay chặn cô gái hỏi :

- Gặp đây anh nắm cổ tay
Ai nặn nên trắng ai day nên tròn...[28,tr.534]
- Sang đây anh nắm cổ tay
Hỏi rằng duyên ấy tình này làm sao?
Cái gì là mận là đào
Cái gì là nghĩa tương giao hỡi nàng.[29,tr.198]

Trong hoàn cảnh đó, muốn để chàng trai buông tay mình ra, người con gái sẽ buộc phải hát, những câu tha thiết :

- Xin chàng bỏ tay em ra
Ngày mai em sẽ lại qua chốn này
Chàng mà nắm mãi cổ tay

Ngày mai em biết chốn này là đâu.[28,tr.534]

- Chàng là mận thiếp là đào

Chúng mình kết nghĩa tương giao ở đời.[29,tr.198]

Hay:

- Truyện Kiều có mấy người hay

Đố chàng giảng được cầm tay thì cầm v.v...[28,tr.843]

Khi làm việc dưới đồng nếu thấy một chàng trai đi ngang qua, người phụ nữ có thể hát ra những câu như:

- Hỡi anh đi đường cái quan

Dừng chân đứng lại em than đôi lời...[29,tr.897]

Trong các cuộc hát, để làm cho các chàng trai buộc phải đối lại, nếu các chàng trai hát hỏi một cách bóng bẩy :

- Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng

Tre non đủ lá đan sàng nên chăng ?.[29,tr.554]

thì các cô gái nếu đồng tình sẽ trả lời bằng câu hát rất duyên dáng:

- Đan sàng thiếp cũng xin vâng

Tre non đủ lá, non chăng hỡi chàng ?.[29,tr.554]

Nếu các chàng trai hỏi với giọng trách móc sỗ sàng :

- Anh đến tìm hoa thì hoa đã nở

Anh đến tìm đò đò đã sang sông

Anh đến tìm em em đã có chồng.[29,tr.664]

thì các cô gái sẽ đáp lại khá đanh đá :

- Hoa đến thì hoa phải nở

Đò đã đầy đò phải sang sông

Đến duyên em phải lấy chồng

Em yêu anh thế còn mặn nồng tùy anh ![29,tr.664]

Với một số trường hợp được dẫn ra trên đây, chúng ta thấy rằng bên nữ đã không kém bên nam trong việc đối đáp bằng văn nghệ cũng như sáng tác và lưu truyền dân ca. Những cuộc hát như vậy đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa đối và

đáp, giữa cá nhân và tập thể.

Tác giả Nguyễn Thị Huế tìm hiểu qua những cuộc hát đối đáp nam nữ đã nhận xét : *"có những nghệ nhân nổi lên do tài thuộc được nhiều câu hát và tài ứng đối thông minh của họ, trong đó có nhiều phụ nữ đã là những nghệ nhân tỏ ra xuất sắc như một tài năng "thiên bẩm" trong lĩnh vực sinh hoạt dân ca. Chẳng hạn trong cuốn sưu tầm "Hát dặm Nghệ Tĩnh" của Nguyễn Đổng Chi có hơn 30 nghệ nhân dân gian, những "tay kể chuyện" có tiếng, thì nữ nghệ nhân lại chiếm đa số và có người còn trên tài nam giới như dì Tương, Tiu Hào và o Sĩ..."* [9,tr.133]

Vì thế qua hình thức sinh hoạt đối đáp người phụ nữ quả đã góp phần hình thành trong thơ ca dân gian một quy luật cấu tứ thơ trữ tình. Đó là quy luật cấu tứ theo lối đối đáp- phản ánh phương thức sáng tác thơ ca mà trong đó thi hứng đã nẩy ra do nhu cầu trao đổi tình cảm trực tiếp. Người phụ nữ cũng đã góp phần phản ánh lối sống lành mạnh, phóng khoáng của của nhân dân lao động Việt Nam. Họ đã vượt ra ngoài khuôn khổ giáo lý "*nam nữ thụ thụ bất thân*" của phong kiến, tích cực đáp ứng nhu cầu đòi giải phóng tình cảm con người, và phần nào đó thể hiện lý tưởng dân chủ được nẩy sinh ra trong thực tiễn lao động và cuộc sống.

Chính từ sự tham gia vào các hình thức diễn xướng dân ca đối đáp trên đây mà người phụ nữ còn góp phần tham gia vào truyền thống hò hát tâm tình như hò Mái Nhì, Mái Đẩy, hát Đò Đưa, hát Ví trên đồng, hát Ru, hát Lý...đã xuất hiện nhiều nơi trên đất nước ta. Lối hát này thường được phụ nữ hát lên khi họ đảm nhiệm những công việc như: chở đò trên sông, cấy gặt trên đồng, nuôi dậy trẻ nhỏ trong nhà...đó chính là hò hát tâm tình. Trên sông nước giọng hò phải ngân vang, trong suốt, bay bổng. Có lẽ vì thế mà những giọng hò trên thuyền đi ngược về xuôi thường là của các cô gái. Trên sông Lam giọng hát Đò Đưa êm đềm thường là các cô gái miền Nghệ Tĩnh, còn trên sông Hương phẳng lặng có giọng hò Mái Nhì, man mác của những cô gái Huế, trên sông Hậu, sông Tiền là giọng hò Đồng Tháp, hò Cần Thơ của các cô gái Nam Bộ thanh

nhẹ...Loại hát Ví trên đồng, cũng là một lối hát tâm tình của người phụ nữ trong lúc lao động như loại hò hát trên sông nước. Hát ru đó là loại hát hầu như của riêng phụ nữ. Đấy là lối hát trong gia đình, được những người phụ nữ hát lên khi họ dỗ con, dỗ cháu ngủ. Hát ru là lối hát vốn rất phổ biến ở nước ta, nhưng ở mỗi địa phương, có những giai điệu khác nhau và có những tên gọi khác nhau như hát Khúc Tĩnh Gia (Thanh Hóa), hát Dặm, hát Lý miền Trung và hát Đưa em, hát ầu ơ Nam Bộ...

Do đó vì giữ địa vị chủ yếu trong việc diễn xướng lối hò hát tâm tình, người phụ nữ ở đây đã nói về mình nhiều hơn, đã bộc lộ tâm trạng của mình một cách sâu lắng hơn ở lối ca hát đối đáp nam nữ. Với lối hát tự tình này họ đã gửi gắm lòng mình tới nhiều đối tượng, nhiều người để nhằm gián tiếp nói tới nhiều vấn đề xã hội đồng thời cũng là khẳng định cả vẻ đẹp hình thức và tâm hồn của họ. Bằng ca dao đối đáp giao duyên và những lối hát tâm tình, người phụ nữ đã góp cho thơ ca truyền thống tiếng nói của tình yêu, mang yếu tố dân chủ, và thể hiện được sự bình đẳng nam nữ trong một chừng mực nhất định. Nhà thơ Xuân Diệu có nói: *" Không ở đâu bằng trong văn học dân gian, trong ca dao, người phụ nữ đã ngang nhiên và dĩ nhiên thi hành cái quyền tự do diễn đạt tâm tình của mình"*. Và văn học bình dân, không biết từ bao lâu, đã là một nền văn học dân chủ, bình đẳng giữa nam và nữ. Với những điệu hò hát tâm tình, những lời hát ru, hát lý...người phụ nữ đã khẳng định nét đẹp của chính mình và còn góp thêm vào đó tiếng nói trữ tình, sâu lắng của người dân lao động trước cuộc sống. Trong những tiếng nói ấy có cả tiếng nói đấu tranh cho một số phận vốn bị đè nén trong xã hội cũ.

TIỂU KẾT

Bằng việc tìm hiểu những nét cơ bản về vị trí của người phụ nữ trong xã hội phong kiến và hình ảnh, vị thế người phụ nữ trong văn học dân gian, ca dao cổ truyền người Việt, chương viết đã cho thấy**:** Đối với pháp luật phong kiến cũng như lệ tục của làng xã, do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo nên vị

trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội xưa là rất mờ nhạt, thậm chí họ phải chấp nhận sự đối xử bất bình đẳng so với nam giới và bị đẩy xuống địa vị thấp kém. Các giáo lý cổ điển như "*Tam tòng*", "*Tứ đức*" đã xác định vị trí tối thượng của người cha, người chồng trong gia đình và trói buộc người phụ nữ vào một cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc, không có tự do và nhất là không được làm chủ chính cuộc đời mình .

Ngược lại, hình ảnh người phụ nữ được phản ánh trong các thể loại của văn học dân gian luôn xuất hiện với giá trị, vẻ đẹp và được tôn vinh. Mặc dù số phận, cuộc đời người phụ nữ được phản ánh trong các tác phẩm dân gian rất đúng với hiện thực của xã hội cũ, xã hội phong kiến. Họ vẫn phải chịu nhiều nỗi khổ, bất công, oan trái, nhưng họ được các tác giả dân gian đồng cảm, đề cao và nhất là họ được nói lên tiếng nói khát vọng tự do, khát vọng hạnh phúc chính đáng của mình.

Trong văn học dân gian và trong ca dao cổ truyền người Việt vẻ đẹp của người phụ nữ đã được phản ánh một cách toàn diện nhất cả về hình thức và tâm hồn. Bởi vì ca dao là hình thức để con người thổ lộ tâm tình mà người phụ nữ thường hướng nội và có nhu cầu bày tỏ tình cảm. Do giữ địa vị chủ yếu trong việc diễn xướng lối hò hát tâm tình, người phụ nữ ở đây đã nói về mình nhiều hơn, đã bộc lộ tâm trạng của mình một cách sâu lắng hơn ở lối ca hát đối đáp nam nữ. Cho nên cùng với những lời ca đối đáp khi giao duyên là lời ca tự tình của những khúc hát Ru, hát Ví, hát Lý.v.v...người phụ nữ đã gửi gắm lòng mình tới nhiều đối tượng, nhiều người để nhằm gián tiếp nói tới nhiều vấn đề xã hội đồng thời cũng là khẳng định cả vẻ đẹp hình thức và tâm hồn của họ.

Như vậy vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của những lời ca nên trong ca dao cổ truyền người Việt, vẻ đẹp của người phụ nữ luôn được khẳng định, trân trọng và ngợi ca.

Chương 2
NÉT ĐẸP HÌNH THỨC VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

2.1. NÉT ĐẸP VỀ HÌNH THỨC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

2.1.1.Quan niệm về vẻ đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền

Từ xa xưa sự đề cao sắc đẹp người phụ nữ vẫn là câu chuyện hàng đầu được đề cập tới. Điều này được biểu hiện rõ rệt trong văn chương bình dân đặc biệt là ca dao. Nhưng thế nào là một phụ nữ đẹp, điều này thiết nghĩ khó mà đưa ra một mẫu số chung của tiêu chuẩn, bởi thẩm mỹ quan mỗi người một khác nhau. Hơn nữa mỗi thời đại người ta nhận định khác nhau về định mức sắc đẹp. Nhưng dù xưa hay nay quan niệm người phụ nữ đẹp, đương nhiên cả tinh thần lẫn thể xác, người ta dường như vẫn không sai khác quan niệm mấy:

-Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.[27,tr.1170]

Trong văn chương bình dân, hình ảnh người con gái có nhan sắc đã được các tác giả dân gian diễn tả bằng những câu đơn sơ nhưng thắm đượm ý tình, khơi gợi nơi mỗi con người những ý niệm ngút ngàn lan tỏa:

Cô kia má đỏ hông hồng

Cô chửa lấy chồng còn đợi chờ ai.[29,tr.105]

Bài ca dao nói về "*Mười Thương* ", đã phác họa cho chúng ta thấy quan niệm về nhan sắc của người phụ nữ xưa như thế nào:

- Một thương tóc bỏ đuôi gà

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên

Ba thương má lúm đồng tiền

Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua

Năm thương cổ yếm đeo bùa

Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng

Bảy thương nết ở khôn ngoan

Tám thương miệng nói lại càng thêm xinh

Chín thương cô ở một nơi

Mười thương con mắt hữu tình với ai.[29,tr.238]

Xem như vậy tóc dài mới thật đẹp. Phải nuôi tóc sao cho dài, quấn quanh đầu trong mảnh khăn nhung hay nhiễu Tam giang vẫn còn ló ra ngoài một đoạn gọi là tóc bỏ đuôi gà, cho đúng thời và hợp ý thích của các chàng trai thời bấy giờ. Nhan sắc của người thiếu nữ đẹp lộng lẫy, kiêu sa bao nhiêu, bản thân họ đã tự cảm nhận thấy, bởi vậy họ không dễ gì chấp nhận ở đối tượng mọi sự dễ dàng, họ đã có điều kiện rõ rệt:

Lấy chồng cho đáng tấm chồng

Bõ công trang điểm má hồng răng đen.[27,tr.405]

Ngươì phụ nữ xưa thường nhuộm răng đen, một phong tục cổ mà ngày nay ít ai còn áp dụng:

-Răng đen nhoẻn miệng em cười

Dẫu trời đương nực cũng nguôi cơn nồng.[29,tr.307]

Người phụ nữ phải kín đáo, giữ được sự đoan trang những khi ăn nói, không cười toe toét, dễ bị người ta chê cười :

- Vô duyên chưa nói đã cười

Có duyên hỏi chín hỏi mười chưa thưa.[28,tr.183]

Nói đến thân hình người phụ nữ thì từ xưa cho đến nay người ta đều ưa vẻ đẹp thanh tú, duyên dáng:

- Những người thắt đáy lưng ong

Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con.[27,tr.1160]

Kinh nghiệm dân gian cho thấy, thường lưng ong đã đẹp (đẹp người) thì những cái khác cũng theo đó mà đẹp luôn (đẹp nết). Chọn vợ thì chọn cái lưng ong trước hết, vừa xinh giòn lại đảm đang vén khéo cho giang sơn nhà chồng, đẹp người đi liền với đẹp nết. Thật có lí khi dân gian Việt phân tích: vẻ đẹp

"*lưng ong"* thường lây lan sang vẻ đẹp tâm hồn và tính cách, biểu hiện ở hai phẩm chất đẹp nhất của người đẹp Việt Nam: " *chiều chồng*", " *nuôi con*". Rồi nữa, người đã lưng ong xinh, thì cái gì cũng xinh: *Người xinh cái bóng cũng xinh/ Người giòn cái tỉnh tình tinh cũng giòn*.[24,tr.1620] Chưa hết, người xinh cũng là người khỏe mạnh, đầy sức sống, được ca ngợi: *Trúc xinh trúc mọc bờ ao/ Em xinh em đứng một mình cũng xinh.*[25,tr.2280] Và người phụ nữ có cái nết đẹp phải là*: Gái thì giữ việc trong nhà/ Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa.*[24,tr.2156]

Chính vì thế các tác giả dân gian trong ca dao đã ca ngợi nét đẹp hình thức người phụ nữ, nhưng họ cũng luôn chú trọng tới vẻ đẹp của tâm hồn, phẩm chất bên trong theo quan điểm" *Cái nết đánh chết cái đẹp*"[10,tr.22]

2.1.2. Nét đẹp về thể chất của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

2.1.2.1. Thống kê các hình ảnh về nét đẹp thể chất của người phụ nữ

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 15, 16 (quyển thượng, quyển hạ) do Nguyễn Xuân Kính (chủ biên) là tư liệu chính chúng tôi dùng để khảo sát nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt. Bộ sách này, theo các tác giả, có 11.001 lời ca dao, chúng tôi đã lựa chọn ra 1.612 lời ca dao nói về nét đẹp thể chất của người phụ nữ, chiếm tỷ lệ 14,6%. Dưới đây là sự thống kê cụ thể nét đẹp về thể chất của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt:

Bảng thống kê nét đẹp về thể chất người phụ nữ
trong ca dao cổ truyền người Việt

STT	Tên	Số lượng hình ảnh
1	Tóc	153 hình ảnh / 11.001 lời ca
2	Lông mày	12 hình ảnh / 11.001 lời ca
2	Mắt	125 hình ảnh / 11.001lời ca
3	Răng	129 hình ảnh /11.001 lời ca
4	Mũi	3 hình ảnh /11.001 lời ca
5	Miệng	123 hình ảnh / 11.001 lời ca
6	Má	81 hình ảnh /11.001 lời ca
7	Tai	59 hình ảnh /11.001 lời ca
8	Cổ	6 hình ảnh /11.001lời ca
8	Ngực	4 hình ảnh /11.001 lời ca
9	Vú	21 hình ảnh /11.001 lời ca
10	Tim	6 hình ảnh / 11.001 lời ca
11	Gan	72 hình ảnh / 11.001 lời ca
12	Ruột	78 hình ảnh / 11.001lời ca
11	Vai	13 hình ảnh / 11.001 lời ca
12	Thắt lưng	6 hình ảnh / 11.001 lời ca
12	Bụng	26 hình ảnh / 11.001 lời ca
13	Mông	4 hình ảnh / 11.001 lời ca
14	Tay	539 hình ảnh / 11.001 lời ca
15	Chân	142 hình ảnh / 11.001lời ca
16	Nước da	10 hình ảnh / 11.001 lời ca

Qua bảng số liệu thống kê các hình ảnh mô tả về nét đẹp thể chất của người phụ nữ, chúng tôi thấy rằng nét đẹp về thể chất con người được biểu hiện rõ nhất ở trên khuôn mặt với 3 hình ảnh nổi bật **" Tóc- Răng- Mắt "** . Cụ thể ta thấy các hình ảnh này tương đối đồng đều nhau:

+ Tóc: 153 hình ảnh/ 1.612 lời ca = 9,49 %

+ Răng: 129 hình ảnh/1.612 lời ca = 8,0 %

+ Mắt : 125 hình ảnh/1.612 lời ca = 7,75 %

Các hình ảnh này tương đương, sóng đôi nhau, còn các hình ảnh khác như : Má: 81 hình ảnh/1.612 lời ca = 5,0 %, còn Mũi; Tai; Ngực... chiếm số lượng ít; Chân có 142 hình ảnh/ 1.612, bằng 8,8 % và nhiều nhất là Tay có 539 hình

ảnh/1.612, bằng 33%, được mô tả như những hình ảnh đẹp nhưng chủ yếu mang nghĩa gợi tả để diễn tả hành động, góp phần thể hiện tình cảm yêu thương của người phụ nữ.

2.1.2.2 .Ca ngợi nét đẹp thể chất của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền

Ca dao là khúc hát tâm tư sâu lắng của người bình dân. Xuất phát từ quan điểm thẩm mĩ của người bình dân xưa: *"Cái răng cái tóc là góc con người"*[10,tr.23], nên trong việc thể hiện nét đẹp thể chất của người phụ nữ, ca dao thường chú ý nhiều tới vẻ đẹp của Mái tóc- Hàm răng- Đôi mắt, sau là Má hồng và các dáng vẻ khác. Do đó nét đẹp về thể chất của người phụ nữ trong cuộc sống thường được ca dao mô tả qua vẻ đẹp của " *Ánh mắt- mái tóc- nụ cười"*. Vẻ đẹp của đôi mắt được diễn tả:

- Nghe đồn cặp mắt long lanh

Ai ai không ngó cứ anh em nhìn [25,tr.1710]

- Trời xanh con mắt là gương

Người ghét ngó ít người thương ngó hoài. [28,tr.318]

- Nhác trông con mắt đáng trăm

Miệng cười đáng chục, hàm răng đáng nghìn

Nhác trông con mắt ưa nhìn

Đáng trăm cũng chuộng, đáng nghìn cũng mua.[28,tr.223]

Đó là vẻ đẹp của mái tóc thề ngang vai hay mái tóc dài trong duyên gặp gỡ :

- Duyên là tóc, tóc là tơ

Xe tơ kết tóc, tóc đà ngang vai. [29,tr.644]

- Tóc em dài em cài hoa lý

Miệng em cười có ý em thương. [29,tr.347]

Còn đây là vẻ đẹp của nụ cười :

- Năm quan mua lấy miệng cười

Mười quan chẳng tiếc tiếc người răng đen

Răng đen ai nhuộm cho mình

Cho răng mình đẹp cho tình anh say.[29,tr.236]

- Nhớ khi khăn mở trầu trao

Miệng thì cười nụ biết bao nhiêu tình.[25,tr.1667]

Đi sâu vào tìm hiểu, khám phá lối miêu tả, biểu hiện trực tiếp của ca dao ta thấy rõ vẻ đẹp của lối diễn tả giản dị, ngôn ngữ bình dân, quan niệm thẩm mĩ dân gian sâu sắc, đặt bên cạnh vẻ đẹp ý nhị, ngầm ẩn và đa nghĩa. Chẳng hạn ca ngợi đôi mắt đẹp của người con gái :

-Những người con mắt lá dăm

Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.[27,tr.1160]

Từ thực tiễn cuộc sống, người nghệ sĩ dân gian đã dùng hình ảnh*" lá dăm"* để so sánh với hình tượng đôi mắt mà không cần đến những từ "*như", "tựa", "hơn"," kém"," bằng*" mà vẫn đạt được những dụng ý nghệ thuật sâu sắc.*" Mắt lá răm*" theo quan niệm của nhân dân ta là mắt dài và đẹp. Hình ảnh chiếc lá rau răm xinh tươi, hay lá liễu dài mềm mại thường được ví tương ứng với con mắt, lông mày của người thiếu nữ.

Hay khi miêu tả miệng cười :

Nhác trông thấy một bóng người

Răng đen nhưng nhức miệng cười như hoa.[29,tr.610]

Câu ca thật cụ thể, rõ ràng dễ hiểu. Ví miệng cười như hoa nở thì không gì hay hơn. Đồng thời còn biểu đạt một thái độ trân trọng, ngưỡng mộ và yêu thương. Người nghệ sĩ dân gian còn sử dụng gam màu thật đậm, thật sắc nét đặt trong thế tương phản "*trắng phau phau*" và "*đen nhưng nhức*"để miêu tả vẻ đẹp của người phụ nữ :

- Hai má nàng trắng phau phau

Răng đen nhưng nhức như màu hạt dưa[29,tr.188]

Bên cạnh đó chúng ta cũng phải thấy rằng con mắt của người đương đại không hoàn toàn giống với con mắt của người nghệ sĩ dân gian xưa từ góc độ thẩm mĩ tới góc độ tâm lí. Do đó mà ta phải hiểu răng đen là tiêu chuẩn cái đẹp của người xưa khi nói về người phụ nữ đẹp về thể chất. Còn trong quan niệm của người bình dân thời đó ai có *"răng trắng* " là không đẹp và bị lên án :

-Cô kia răng trắng hạt bầu

Hẳn cô ở khách bên Tàu mới sang

Cổ cô đeo chuỗi hạt vàng

Bây giờ cô lại vơ quàng vơ xiên.[29,tr.425]

Ngược lại trong thời đại ngày nay, hàm răng trắng bóng lại là tiêu chí của cái đẹp. Nếu ngày xưa răng đen nhánh nhai trầu môi đỏ thì ngày nay răng trắng lại giúp con người làm đẹp. Sự thay đổi trong quan niệm từ "*răng đen đến răng trắng*" là cả một quá trình thay đổi về nhận thức. Ngày nay vẫn còn nhiều mái tóc dài đen mượt của hoa lý mà còn có thêm những mái tóc cắt tỉa gọn gàng, phù hợp với thời đại công nghiệp. Không còn nụ cười răng đen lấp lánh mà thay vào đó là một hàm răng trắng bóng. Nhưng ta cũng nhận thấy rằng tất cả sự thay đổi đó dù nhằm mục đích gì đi chăng nữa thì cái tồn tại mãi với thời gian vẫn là nét duyên dáng, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng, bình dị của người phụ nữ Việt Nam. Chẳng hạn nét đẹp nụ cười là yếu tố quan trọng giúp người con gái luôn tươi trẻ, ca ngợi nụ cười cũng hàm ý khen vẻ đẹp trẻ trung đầy sức sống:

-Anh chỉ quen một cô nàng da trắng tóc dài

Miệng cười như nhánh hoa nhài nở nang.[29,tr.46]

Hoa nhài là loài hoa đẹp nhưng nhẹ nhàng bình dị, nó không cáo quý như hoa cúc, hoa lan mà gần gũi với cuộc sống, cho nên nói "*Miệng cười như nhánh hoa nhài nở nang"* là muốn nói đến vẻ đẹp khỏe khoắn bình dị của người lao động. Nụ cười bình dị ấy lấp lánh vẻ đẹp của sắc màu cuộc sống, cho nên không chỉ được so sánh với hoa nhài mà còn là *" hoa quế"* hay *" tai hoa hồng" :*

- Miệng em cười như cánh hoa nhài

Như nụ hoa quế như tai hồng.[29,tr.162]

Hình ảnh *tóc- răng- mắt* được khắc họa nhiều khi nói về nét đẹp thể chất của người phụ nữ ngoài lí do là theo quan niệm của người bình dân, còn do phương thức hát đối giao duyên nặng tình. Vào những đêm trăng thanh gió mát, những câu hò câu hát chứa chân tình cảm đã được cất lên. Trai- gái gặp nhau nơi *" đầu mày cuối mắt*", họ ấn tượng về nhau với một ánh mắt tha thiết, một nụ

cười của hàm răng đen, một mái tóc, để rồi nhớ, rồi thương, rồi yêu nhau. Lẽ vậy nên khi nhớ nhau, họ thường ấn tượng nhất với một nét ngoại hình nào đó. Hình ảnh đôi mắt vừa mang lại nét đẹp, vừa mang lại giá trị cho người phụ nữ :

-Những người con mắt lá răm

Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.[25,tr.1675]

Đôi mắt được đề cao *"đáng trăm quan tiền"* vì là *" lá răm, lá liễu* " và còn bởi đôi mắt ấy đã thể hiện cho tất cả nét đẹp tâm hồn của người phụ nữ:

- *Trời xanh con mắt là gương*

Người ghét ngó ít người thương ngó nhiều.[28,tr.318]

Cho nên thông qua các cuộc hát giao duyên mà ấn tượng khó phai về *mái tóc- hàm răng - nụ cười - ánh mắt* trao thương gửi nhớ đã được nói nhiều để ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ. Mỗi người phụ nữ lại có một nét duyên, một sự hấp dẫn riêng để làm say đắm lòng người khác phái. Nhưng tựu trung, nhan sắc của người phụ nữ cũng không ngoài những điều đã được ca dao truyền tụng. Có người phụ nữ đẹp nhờ mái tóc rậm dài, bồng bềnh, và đôi chân mày cong vòng như viền trăng non :

-Chân mày vòng nguyệt có duyên

Tóc mây gợn sóng đẹp duyên tơ hồng.[23,tr.879]

Có khi là một mái tóc dài :

-Tóc đến lưng vừa chừng em búi

Để chi dài bối dối dạ anh ?[29,tr.347]

Hay một nụ cười :

-Người bao nhiêu tuổi hỡi người

Người bao nhiêu tuổi miệng cười nở hoa.[25,tr.2109]

Có người phụ nữ lại đẹp nhờ hai má có hai lúm đồng tiền, mỗi khi nói nói, cười cười tạo nên một cái duyên hấp dẫn lạ thường:

- Hai má có hai đồng tiền

Càng nom càng đẹp, càng nhìn càng ưa.[29,tr.379]

- Mắt xanh tươi thắm môi trầu

Miệng cười lúm má, cho cầu thêm xinh.[23,tr.372]

Hay vì có nước da trắng nõn, đôi gò má đỏ au, đôi môi hồng hào và chiếc cổ cao ba ngấn làm nét mặt trở nên tươi thắm vô ngần, khiến các chàng trai vừa thoáng thấy đã phải chú ý rồi đem lòng trộm dấu thầm yêu:

-Ai xui má đỏ, môi hồng

Để anh nhác thấy đem lòng thương yêu.[29,tr.21]

- Cổ cao ba ngấn cổ cao

Răng đen hột đỗ miệng chào có duyên.[29,tr.107]

Sau hết phải kể tới vóc dáng. Người phụ nữ đẹp là người có thân hình thon thả, thanh tú :

-Người thanh tiếng nói cũng thanh

Chuông kêu kẽ đánh bên thành cũng kêu.[27,tr.1160]

Người thanh tất nhiên sẽ không phải là người béo, cũng không phải là người gầy, vì người đẹp phải là người có da, có thịt, cổ tay phải tròn lẳn:

-Cổ tay em trắng lại tròn

Để cho ai gối đã mòn một bên

Gối chăn gối chiếu không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay em.[29,tr.107]

Cộng vào đó người phụ nữ đẹp phải có eo thon, tạo nên sự cân đối và làm nổi bật được những đường nét yêu kiều cho vóc dáng :

- Hỡi người tóc tốt xanh non

Lưng ong thắt đáy như con tò vò.[29,tr.148]

- Những người thắt đáy lưng ong

Vừa khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con.[27,tr.1160]

Như vậy, ta thấy rằng khi khắc họa vẻ đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt, người bình dân đã chú trọng nhiều tới nét đẹp trên khuôn mặt: tóc- răng- mắt- má - miệng rồi mới đến giọng nói , vóc dáng, làn da... Qua đôi mắt yêu thương trìu mến của những người khác phái, người phụ nữ hiện lên không phải với vẻ đẹp yểu điệu ước lệ như trong văn học viết kiểu :

" Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da".

(Truyện Kiều- Nguyễn Du)

Cái đẹp thể chất của người phụ nữ trong ca dao là cái đẹp khỏe mạnh, tươi tắn, bình dị, gần gũi, tự nhiên và gắn bó với cuộc sống lao động. Khi miêu tả nét đẹp về thể chất của người phụ nữ nhân dân ta đã xuất phát từ quan niệm rất lành mạnh: Cái đẹp phải gắn với lao động, với thiên nhiên đất nước. *" Cái đẹp chính là cuộc sống"* (Tsecnusepxk)

2.1.2.3. Nét đẹp thể chất của người phụ nữ trong tình yêu lứa đôi

Trong tình yêu đôi lứa nét đẹp của người phụ nữ về thể chất được khắc họa nhiều nhất. Bởi vì theo quy luật tâm lý, các chàng trai khi yêu thường chú ý đến nhan sắc của người con gái :

Đầu năm ăn quả chanh yên

Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bòng

Vì cam cho quýt đèo bòng

Vì em nhan sắc cho lòng anh thương.[29,tr.129].

Trong buổi đầu gặp gỡ làm quen thì *ánh mắt, nụ cười, mái tóc* luôn để lại ấn tượng khó quên:

- Nhác trông con mắt ưa nhìn

Đáng trăm cũng chuộng đáng nghìn cũng mua.[28,tr.223]

-Mình về mình nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười[29,tr.236]

-Tóc xanh tươi tốt rậm rà

Răng đen nhanh nhánh tưởng là hạt na.[28,tr.220]

Hơn thế nữa nét đẹp về thể chất trên khuôn mặt của người con gái đã làm xao xuyến trái tim của các chàng trai:

Gặp em thấy khéo miệng cười

Thấy xinh con mắt thấy tươi má hồng

Gặp nhau giữa cánh đồng này

Bốn mắt liếc lại lông mày đưa ngang.[29,tr.291]

Từ việc ca ngợi nét đẹp tự nhiên về thể chất của người con gái mà có chàng trai đã tỏ tình thật mạnh bạo:

Nhìn em đôi má ửng hồng

Răng đen nhưng nhức mà lòng anh say.[29,tr.278]

Vẻ đẹp thể chất tự nhiên của người con gái còn bất chấp cả thời gian :

Má hồng còn có khi phai

Răng đen da trắng mái tóc dài anh yêu.[29,tr.221]

Các chàng trai khi yêu không ngại ngần khi bầy tỏ sự ngưỡng mộ vẻ đẹp thể chất của người con gái :

Cổ tay em trắng như ngà

Con mắt em liếc như là dao cau

Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.[29,tr.107]

Ấn tượng bởi những nét đẹp về thể chất của người phụ nữ, cho nên vì yêu cái duyên trời mà có chàng trai đã đưa ra mười tiêu chuẩn:

-Một thương tóc bỏ đuôi gà

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên

Ba thương má lúm đồng tiền

Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua

Năm thương cổ yếm đeo bùa

Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng

Bảy thương nét ở khôn ngoan

Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh

Chín thương cô ở một mình

Mười thương con mắt có tình với ai. [29,tr.238]

Trong mười tiêu chuẩn yêu thương ở bài ca dao trên thì tiêu chuẩn của hình thức cũng chiếm phần đa số 7câu /10 câu (1,2,3,4,5,6,8). Đi vào tìm hiểu một số bài ca dao, ta thấy rằng các chàng trai khi yêu bao giờ cũng có cảm tình

từ hình thức của người mình yêu nên dân gian mới nói *" Con trai yêu bằng mắt"*. Họ xao xuyến tâm hồn và muốn kết duyên cùng người đẹp mỗi khi có sự gặp gỡ :

-Thấy em hân hấn má đào

Thanh tân mày liễu dạ nào chẳng thương.[10,tr.741]

Trước nhan sắc của người phụ nữ họ còn táo bạo thổ lộ :

- Nước trong ai chẳng rửa chân

Cái má trắng ngần ai chẳng muốn thơm.[24,tr.1521]

- Cô nào mặt ngọc má hồng

Tôi đây muốn kết làm chồng nên chăng?[29,tr.310]

Tình yêu lứa đôi lại cũng vô cùng kỳ diệu, như có phép mầu làm nhan sắc của người phụ nữ thêm duyên dáng, đôi mắt thêm long lanh, nét mặt thêm rạng rỡ, mái tóc thêm mềm mại xanh mướt :

- Vì chưng ăn miếng trầu anh

Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.[28,tr.859]

- Nhấp nhánh là nhấp nhánh ơi

Mắt người lấp lánh như sao trên trời.[28,tr.226]

Hơn nữa, theo bản tính tự nhiên, người phụ nữ Việt Nam xưa cũng biết cách làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của mình. Họ được bác mẹ dậy rằng *"Cái răng cái tóc là góc con người* " nên luôn gắng gìn giữ và làm đẹp thêm vẻ đẹp tự nhiên. Suối tóc xanh trẻ trung được họ ướp hương bằng bông hoa lý thơm ngát :

-Tóc em dài em cài hoa lý

Miệng em cười có ý anh thương.[29,tr.347]

Còn đây là nụ cười, ai cũng biết nụ cười, khóe mắt là hai yếu tố tạo nên vẻ linh động, duyên dáng nhất trên khuôn mặt người phụ nữ. Và nhiều cô gái cũng sớm biết cho mình một cái duyên bằng nụ cười:

-Trăng rằm mười sáu trăng nghiêng

Thương ai chúm chím cười duyên một mình.[25,tr.2102]

- Gặp em thấy khéo miệng cười

Thấy xinh con mắt, thấy tươi má hồng.[29,tr.291]

Đó là nụ cười đầu môi như nụ hoa ngâu nhỏ xíu, khum khum hàm tiếu:

- Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.[29,tr.107]

Hay như búp hoa sen hồng, như ánh bình minh tinh khôi :

-Ngó lên lỗ miệng em cười

Như búp hoa sen nở, như mặt trời mới lên.[29,tr.258]

Nụ cười duyên dáng ấy chẳng những dễ dàng gây được thiện cảm với các chàng trai ngay trong buổi đầu gặp gỡ, mà còn mãi lưu lại tình quyến luyến trong ký ức của người yêu dấu:

-Nhớ khi khăn mở trầu trao

Miệng thì cười nụ biết bao nhiêu tình.[25,tr.1667]

Trong tình yêu khi trao thương gửi nhớ bao giờ cũng bắt đầu từ ánh mắt. Người ta thường nói rằng :" *Con mắt là cửa sổ tâm hồn",* cửa sổ tâm hồn ấy là nơi giãi bày tâm sự tình cảm một cách ý tứ và kín đáo. Theo số liệu thống kê tìm được gần 125 hình ảnh để diễn tả về đôi mắt. Có " *đôi mắt lim dim, mắt lừ đừ, mắt bồ câu, mắt lá răm, mắt xanh màu liễu, mắt thần, mắt tình, mắt đen sì, mắt ưa nhìn, mắt lóng lánh, mắt phượng...".* Mỗi hình ảnh đôi mắt lại mang hình dáng và sắc thái biểu hiện nét đẹp khác nhau. Đó là đôi mắt đẹp bởi chất chứa nỗi nhớ thương trong tình yêu :

-Thương em con mắt lá răm

Lông mày lá liễu thương năm nhớ mười. [25,tr.2119]

Đôi mắt đẹp cũng chính là nơi để bộc lộ trao thương gửi nhớ của người con gái khi yêu :

- Thấy người yểu điệu đi qua

Trùng trình mắt phượng cho ta mến tình.[10,tr.740]

Một ánh mắt trao tình :

-Yêu nhau đứng ở đằng xa

Con mắt liếc lại bằng ba đứng gần.[24,tr.1460]

Khi đã mạnh dạn trao lời, ánh mắt nhìn nhau tâm đầu ý hợp :

Ngọn đèn dọi tỏ lơ phơ

Mắt tình hơi liếc lòng ngơ ngẩn lòng.[24,tr.1579]

Ánh mắt làm say đắm lòng người:

- *Hoa thơm hoa ở trên cây*

Đôi con mắt em lúng liếng dạ anh say lừ đừ.[29,tr.190]

Khi *" mắt tình liếc "* chính là lúc người ta yêu, ý tứ và mê đắm trong đôi mắt ấy. Bởi đôi mắt đã ẩn chứa bao điều. Còn đây là "*mắt bồ câu, mắt phượng, con mắt sắc như dao*":

- Con mắt bồ câu

Làm cho phải khổ.[29,tr.347]

- *Thấy em mắt phượng môi son*

Mày ngài da tuyết đào non trên trời.[29,tr.330]

- Con mắt sắc như dao cau

Quả cau tiện chũm chào nhau ăn cùng.[29,tr.542]

Đó là con mắt mô tả hình thức, để rồi khi tình cảm đến đôi mắt gợi tả đã nhường chỗ cho đôi mắt tâm trạng. Tác giả Trần Đình Ngôn với*" Con mắt trong tục ngữ, ca dao với ngôn ngữ tạo hình điện ảnh*", nhận xét: *" Khác với tục ngữ, thành ngữ, con mắt trong ca dao thì lại đặc biệt thiên về biểu hiện tâm tư tình cảm của con người, nhất là trong tình yêu đôi lứa."* [40,tr.56]

Cho nên hình ảnh đôi mắt *" lim dim, lừ đừ, lửng lơ"* là con mắt của tâm trạng nhớ thương, hồi tưởng:

- *Nhớ ai con mắt lim dim*

Chân đi thất thểu như chim tha mồi.[25,tr.1660]

- Thương ai con mắt lừ đừ

Sầu riêng nhớ mãi đến giờ chưa nguôi.[25,tr.2118]

- *Nhớ chàng mắt lửng lơ trông*

Dạ bồi hồi tưởng chân rong rã hoài.[25,tr.1665]

Nỗi nhớ tình yêu đong đầy trong đôi mắt xanh đó và cả những âu lo, trăn trở cũng được bộc bạch và giãi bầy :

- *Ngồi nhà dựa bóng đèn xanh*

Mắt xanh xanh biếc, nhớ ngày thanh xuân.[25,tr.1715]

Tác giả Trần Đình Ngôn còn chỉ ra*:" Con mắt xuất hiện nhiều nhất vẫn là để biểu lộ tình cảm nhớ thương, buồn tủi, giận hờn, khao khát trong tình quê, tình nhà, tình yêu đôi lứa. Và trước các đối tượng giao tiếp, sức truyền cảm của con mắt thật là mạnh mẽ: Yêu nhau đứng ở đằng xa/Con mắt liếc lại bằng ba đứng gần. So với chuyện " ra đụng vào chạm để mà nhớ thương" thì con mắt liếc lại còn mãnh liệt hơn nhiều, cuốn hút hơn nhiều. Chả thế mà có người đã phải thốt lên: Gớm ghê thay con mắt hữu tình/Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi, hay :Lúng liếng là lúng liếng ơi/ Xiêu đình đổ quán như chơi cũng là! "* [40,tr.56]. Tác giả khẳng định nét đẹp về thể chất của người phụ nữ Việt được mô tả qua ánh mắt hiện lên thật đẹp, vì *" cái nhìn của con mắt trong ca dao chẳng những thể hiện các trạng thái tâm tư, tính cách con người mà còn chứa đựng phần nào cái bản sắc dân tộc nơi tâm hồn Việt Nam.*" [40,tr.58]

Cái nhìn ban đầu qua ánh mắt trao thương gửi nhớ khiến biết bao chàng trai và cô gái nhớ nhung rồi yêu nhau. Trong nỗi nhớ đằm sâu ấy, ngoài ánh mắt nụ cười còn có hình ảnh của mái tóc. *"Mái tóc"* trong quan niệm của người bình dân đó là sự dịu dàng, duyên dáng- một vẻ đẹp chân mộc của người phụ nữ xưa. Qua thống kê chúng tôi thấy có 153 hình ảnh nói về mái tóc. Đây là nét đẹp về thể chất được mô tả nhiều nhất trên khuôn mặt người phụ nữ. Những hình ảnh về mái tóc được lặp lại nhiều lần là: "*Tóc đuôi gà, tóc xanh, tóc dài, tóc ngang vai, tóc mai, tóc kết, tóc búi, tóc mây xanh, tóc tơ, tóc bạc, tóc sương"*. Điều đó chứng tỏ rằng mái tóc của người phụ nữ đã trở thành một nét đẹp, sự quyến rũ rất ấn tượng. Chẳng hạn dùng hình ảnh "*tóc xanh"* để nói về sự trẻ trung, về tình yêu chung thủy của người con gái:

- *Đèn năm canh, ngày cũng năm canh*

Thương người tuổi trẻ tóc xanh lỡ chừng.[23,tr.453]

Mái tóc dài thể hiện cho vẻ đẹp nữ tính, duyên ngầm của người con gái và cũng là mẫu chuẩn cho sự hiền từ, đằm thắm chung tình của người phụ nữ. Lẽ vậy mà bao chàng trai bị hút hồn theo sự duyên dáng chân mộc ấy :

- Anh gặp em đây rồi lại hỏi hờ

Ai xuôi mái tóc đợi chờ trao duyên.[28,tr.577]

- Thấy cô tóc bỏ đuôi gà

Anh về anh bán cửa nhà anh theo.[29,tr.329]

Không gọi tên mà chỉ nhờ hình dáng của mái tóc người con gái mình yêu nên người con trai đã rất mạnh bạo tỏ tình :

-Hỡi người tóc đến ngang vai

Lại đây tôi kết làm hai vợ chồng.[28,tr.149]

Hình ảnh *"mái tóc dài"* là một đặc trưng rất riêng cho người phụ nữ. Nói như nhà Mĩ học (Anh) Luxpaenick : *"Mái tóc dài tha thướt của nàng đã hút hồn tôi ngay từ buổi ban đầu*", với các thi sĩ, mái tóc là nguồn cảm hứng sáng tạo bất tận: " *Ngày xưa tôi thầm yêu một nàng thiếu nữ- Tóc em dài như gió mùa thu* " (Mối tình đầu- Thế Duy). Còn với ca dao mái tóc thể hiện cho tâm trạng. Mỗi biểu hiện lại là một hình ảnh mới của mái tóc:

Mái tóc dài làm chàng trai bối rối không yên lòng:

Tóc ngang lưng nửa chừng em búi

Để chi dài bối rối dạ anh .[29,tr.347]

Mái tóc ngang vai làm các chàng trai xao xuyến nhớ thương :

Tóc em mới chấm ngang vai

Cha mẹ thương ít con trai thương nhiều.[25,tr.1942]

Mái tóc đuôi gà trở thành tiêu chí đầu tiên của nỗi nhớ thương trong tình yêu đôi lứa:

-Một thương tóc bỏ đuôi gà

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên....[29,tr.238]

Không chỉ có mái tóc dài, tóc đuôi gà làm duyên làm dáng- mái tóc còn được dùng là hình ảnh của sự thủy chung chờ đợi. Vì vậy mà ta mới biết đến

"*tóc mai"* để kết tóc xe tơ*:*

- Tóc mai ngắn lắm không dài

Lời thề nặng lắm nhớ hoài không quên. [28,tr.297]

- Đôi ta đã thốt lời thề

Con dao lá trúc đã kề tóc mai.[23,tr.721]

Sự thề nguyền thủy chung lấy hình ảnh "*tóc bạc*"minh chứng cho tình cảm đằm thắm đó:

- Em ơi ta nguyện cùng nhau

Răng long tóc bạc ta đừng quên nhau.

Trăm năm quyết đợi quyết chờ

Dẫu mà tóc bạc như tơ cũng đành.[24,tr.729]

Khi yêu người con gái cũng tỏ rõ tình yêu của mình mãnh liệt bằng hình ảnh mái tóc dài chắc khỏe trong hành động *"cuốn tóc kèo nhà"* của cha mẹ, không thể chia lìa được tình yêu giữa họ :

Em thương anh dù cho cha mẹ có cuốn tóc kèo nhà

Đánh bằng roi sắt xa mà không xa.[25,tr.1898]

Sự phong phú trong những lời ca dao nói về nét đẹp của *Mái tóc,* khiến ta không chỉ cảm nhận được nét đẹp về thể chất mà cả về tâm hồn của người phụ nữ.

Nếu như ánh mắt gây ấn tượng, mái tóc là sự nữ tính duyên ngầm thì hàm răng nụ cười chính là điểm nhấn để giúp mọi người gần gũi nhau hơn. Nụ cười- với hàm răng đen nhuộm trầu là nét duyên của người phụ nữ xưa. Theo thống kê ở trên, chúng tôi thấy có 125 hình ảnh diễn tả hàm răng: *Răng đen, răng đen nhưng nhức, răng hạt na, răng hạt dưa, răng lánh hạt huyền, răng đen nhưng nhức,răng đen nhay nháy, răng đen lấp lánh, răng lổ đổ hạt cườm, răng hạt đỗ.v.v...* Răng đen - Theo quan niệm của người xưa là đẹp là duyên là quý phái, răng đẹp thể hiện cho người phụ nữ trẻ trung xuân sắc :

- Gặp người má đỏ hây hây

Răng đen rưng rức tóc mây rườm rà.[24,tr.936]

- Hai má nàng trắng phau phau

Răng đen nhưng nhức như màu hạt dưa.[29: 188]

Hàm răng đẹp, nụ cười tươi của người phụ nữ sẽ mang lại niềm hạnh phúc:

-Má hồng còn có khi phai

Răng đen da trắng mái tóc dài anh yêu

Răng đen nhoẻn miệng em cười

Dẫu trời đương nực cũng nguôi cơn nồng.[24,tr.1299]

Vì nụ cười luôn là một trong những vẻ đẹp quyến rũ của người phụ nữ :

-Miệng em cười anh thấy muốn xem

Phải chi có giấy anh đem họa hình.[29,tr.232]

Và lạ chưa, nhìn qua nụ cười , người ta có thể đoán được người phụ nữ đó có chồng hay chưa :

-Răng đen nhưng nhức hạt dưa

Miệng cười tủm tỉm như chưa có chồng.[24,tr.1078]

Chính nụ cười với hàm răng đen nhánh ấy đã đem đến biết bao nhiêu thi hứng trong ca dao, tạo ra nhiều từ ngữ, hình ảnh đẹp. Biết bao nhiêu chàng trai đã vì chúng, sau cuộc vui ra về còn ôm mãi mối tương tư :

-Mình về mình nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười

Răng đen ai khéo nhuộm cho cô mình

Để duyên cô mình đẹp

Cho cái tình chúng anh yêu.[24,tr.1386]

Hình ảnh *" mắt -tóc- răng*" những nét thể chất nổi bật đã khắc họa rất ấn tượng về nét đẹp của người phụ nữ Việt. Góp phần khẳng định chân giá trị thẩm mĩ của người bình dân xưa : Vẻ đẹp thể chất khỏe khoắn, bình dị, hài hòa với tự nhiên, gắn bó với cuộc sống lao động.Từ việc tìm hiểu các câu ca dao trên, ta thấy rằng các hình ảnh về nét đẹp thể chất của người phụ nữ trong đề tài tình yêu đôi lứa là một cách bày tỏ tế nhị, kín đáo nỗi niềm của người xưa về khát vọng hạnh phúc gia đình. Sự ẩn ý trong mỗi hình ảnh là nét duyên dáng của vẻ

đẹp tự nhiên, tiếp là sự gặp gỡ nhớ thương để kết nghĩa- kết tình thủy chung.

Tuy nhiên, trong ca dao cũng có nhiều lời ca dùng hình ảnh về thể chất để lên án phê phán những người phụ nữ thiếu thủy chung, cười cợt kẻ dâm tục, nhận định về tính cách của con người:

- *Mặt rỗ như tổ ong bầu*
Cái răng khấp khểnh như cầu rửa chân.[24,tr.1319]

- Cô gái Sơn Tây yếm thủng tày dần
Răng đen hạt nhót chân đi cù lèo
Tóc rễ tre chải lược bồ cào
Xù xì da cóc hắc lào tứ tung
Hai nách cô thơm như ổ chuột chù
Mắt thì gián nhấm chân đi cù lèo.[23,tr.480]

Sự phê phán xen lẫn yếu tố cười nhạo tạo nên bài ca dao riêng biệt. Nếu như trước đó ta bắt gặp mười tiêu chuẩn của vẻ đẹp hình thức thì ở bài ca dao sau mười cái xấu được gói gọn lại với nhau. Trí sáng tạo của người bình dân khá tài tình khi vận dụng vào vần điệu của ca dao :

-Một yêu mắt toét ba vành
Hai yêu miệng nói cười tình hơn ma
Ba yêu cái bộ răng hà
Bốn yêu miệng nói tựa hồ lợn kêu
Năm yêu cái tính chúa điêu
Sáu yêu cơm ít quà nhiều cũng no
Bảy yêu ngủ ngáy như bò
Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày
Tám yêu con mắt liếc trai
Chín yêu tài ngủ suốt đời dậy trưa
Lại còn cái thói chanh chua
Mười yêu đẹp quá chẳng vừa mắt ai.[27,tr.926]

Có những lời ca dao còn dùng những đặc điểm riêng về thể chất để giễu cợt

những người phụ nữ có thói xấu đáng lên án:

- Thôi tôi biết vợ anh rồi

Quăn quăn tóc trán là người hay ghen.[25,tr.1948]

- Thôi tôi biết vợ anh rồi

Vợ anh toét mắt bán xôi chợ Dừa.[25,tr.2074]

Mái tóc dài xanh mượt là đẹp nhưng chưa hẳn đã quyết định cho chuẩn mực về cái đẹp, cái cao cả :

- Tóc dài những búi mà trưa

Ham chi người đẹp mà thưa việc làm.[25,tr.1941]

-Tóc dài thì tốn tiền chanh

Nào ai bán tóc nuôi anh bao giờ.[25,tr.1941]

Đôi mắt lá răm làm xao xuyến trái tim chàng trai khi yêu lại cũng làm nên thói xấu trong những người phụ nữ lẳng lơ:

Những người con mắt lá răm

Ve trai như chớp hay nằm với trai.[25,tr.1675]

Với một số lời ca dao miêu tả về hình thức người phụ nữ với hàm ý phê phán, chúng tôi nhận thấy quan niệm về cái đẹp của nhân dân ta xưa không tách rời giữa vẻ đẹp bên ngoài và vẻ đẹp bên trong. Như vậy trong tình yêu đôi lứa cũng như trong cuộc sống của con người những nét đẹp về hình thức chỉ được ngợi ca khi vẻ đẹp thể chất kết chặt với vẻ đẹp tâm hồn, tạo nên sự hài hòa và hoàn hảo ở người phụ nữ.

2.1.3 Nét đẹp trang phục của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

2.1.3.1.Thống kê các hình ảnh về trang phục người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

Dưới đây là sự thống kê số lượng các câu ca dao nói về trang phục của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao cổ truyền người Việt :

Số thứ tự	Tên	Số lượng hình ảnh
1	Nón	46 / 11.001 lời ca
2	Khăn	44 /11.001 lời ca
3	Áo	68 /11.001 lời ca
4	Yếm	59 / 11.001 lời ca
5	Quần	11 / 11.001 lời ca
6	Váy	7 / 11.001 lời ca
7	Thắt lưng	6 / 11.001 lời ca
8	Hoa tai	5 / 11.001 lời ca
9	Xuyến vàng	4 / 11.001 lời ca
10	Nhẫn vàng	9 / 11.001 lời ca

Bộ Tổng tập Văn học dân gian người Việt, tập 15,16(quyển thượng, quyển hạ) có 11.001 lời ca dao, chúng tôi đã lựa chọn ra 259 lời ca dao nói về trang phục của người phụ nữ, chiếm 2,35%. Qua bảng thống kê ta thấy hình ảnh của chiếc áo: 68 hình ảnh /259 lời ca, chiếm 26,2%; Cái khăn: 44 hình ảnh / 259 lời, bằng 16,9%; Cái yếm: 59 hình ảnh /259 lời ca, bằng 22,7% ;Cái nón: 46 hình ảnh/259 lời ca, bằng 17,7% . Đây là những trang phục được nhắc tới nhiều hơn cả vì là trang phục cổ truyền và quen thuộc thường nhật của người phụ nữ Việt, làm tôn lên nét đẹp của họ. Trong đồ trang sức đi cùng thì chiếc nhẫn được nói tới nhiều hơn. Nhưng chủ yếu chiếc nhẫn được nhắc tới như một kỷ vật của tình yêu để ca ngợi sự vẹn tròn chung thủy trong khát vọng hạnh phúc lứa đôi.

Nếu so với những hình ảnh nói về nét đẹp thể chất, ta thấy hình ảnh về nét đẹp trang phục xuất hiện ít hơn. Tần xuất đó cho thấy được một quan niệm thẩm mĩ của nhân dân từ xưa đã rất coi trọng nét đẹp thể chất tự nhiên sẵn có của con người. Tuy nhiên các tác giả dân gian cũng khẳng định trang phục đã tôn thêm vẻ đẹp cho con người "*Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.*"[10:128] Do đó khi ca ngợi nét đẹp hình thức của người phụ nữ, các tác giả dân gian đã chú ý đến nét đẹp của người phụ nữ trong những trang phục truyền thống.

2.1.3.2. Trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt

Trang phục là nét văn hóa đặc trưng của mỗi dân tộc, mỗi vùng, miền. Nó không chỉ gói gọn trong yếu tố "*ăn chắc mặc bền*" mà còn là một nghệ thuật. Từ xa xưa, phụ nữ đã biết may mặc các kiểu trang phục truyền thống, khéo léo sử dụng nhiều màu sắc tự nhiên gần gũi với cuộc sống, biểu hiện một xu hướng thẩm mỹ. Đồng thời trang phục là một trong ba yêu cầu của đời sống vật chất (ăn, ở, mặc). "*Đó là sản phẩm văn hoá sớm nhất của xã hội loài người. Trang phục cũng được thay đổi theo quá trình phát triển của lịch sử. Ba nét nổi bật trong trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam là chiếc áo yếm, chiếc áo dài và nón lá*"[55,tr. 576]

Theo Trần Ngọc Thêm trong *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam*: " *thời phong kiến, trang phục của phụ nữ là váy đen, yếm trắng, áo tứ thân, đầu chít khăn mỏ quạ, thắt lưng hoa lý. Bộ lễ phục gồm ba chiếc áo, ngoài cùng là áo dài tứ thân bằng the thâm hay màu nâu non, kế đến là chiếc áo màu mỡ gà và trong cùng là chiếc áo màu cánh sen. Khi mặc, cả ba chiếc áo chỉ cài khuy bên sườn, phần từ ngực đến cổ lật chéo để lộ ba màu áo. Bên trong là chiếc yếm thắm. Đầu đội nón trông rất duyên dáng và kín đáo"*[55,tr.578].

Khi nói về " *Cách thức trang phục qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách ăn mặc của người Việt*, tác giả Trần Ngọc Thêm đã giúp ta thấy được : *Yếm*: Áo yếm là trang phục không thể thiếu của phụ nữ Việt xưa. Nó là một tấm vải hình thoi hoặc hình vuông, có sợi dây để quàng vào cổ, được dùng như một dạng áo để che ngực. Áo yếm thường được mặc chung với áo tứ thân. Cô thôn nữ tóc vấn khăn, yếm cổ xây hoặc cổ viền với quần sồi, quần lĩnh mộc mạc là hình ảnh tiêu biểu cho lối ăn mặc xưa. Cái yếm xuất hiện từ xa xưa và được định hình vào thế kỷ XII đời Lý. Đến năm 1696, phụ nữ lao động thường mặc yếm cổ xây, được khoét tròn và viền một cách tỉ mỉ. Nếu khóet chữ V gọi là yếm cổ xẻ, nếu xẻ xuống sâu nữa gọi là yếm cánh nhạn, mới hơn là yếm cổ kiềng. Chiếc cổ áo tưởng chừng như quá đơn giản này lại tôn thêm vẻ đẹp của chiếc cổ thiếu nữ ba ngấn. Với phụ nữ quý tộc thì trước yếm có thêm một vài

đường tết lại với nhau thành hình lưới quả trám. Đến năm 1802 trở đi, yếm là một miếng vải vuông đặt chéo lên ngực người mặc. Những dải yếm với màu sắc khác nhau từ hai mép yếm buộc choàng sau lưng, dải thừa buông xuống váy. Các cô gái thị thành thích mặc yếm trắng, yếm hồng, còn ở nông thôn mặc yếm nâu, hoa hiên, khi lễ hội là yếm đào, yếm đỏ... Thông thường, yếm mặc trong áo buông vạt, nên một phần yếm trước phô thấp thóang sau hai tà áo. Sau khi mặc yếm, các cô gái mặc ra ngòai chiếc áo trắng không cài cúc cổ làm tôn màu yếm hoa hiên hay đỏ thắm. Khi ra ngòai mặc thêm chiếc áo dài, bên dưới mặc váy lưỡi trai bằng lĩnh hay sồi đen dài chấm gót. Lưng có dải yếm thắt màu gà, phía cạnh sườn đeo xà tích bạc, chân đi dép, đầu vấn khăn nhiễu hay nhung, trùm ngòai là chiếc khăn mỏ quạ, tóc để đuôi gà, đội chiếc nón quai thao,... Tất cả những thứ đó kết hợp với chiếc yếm làm nên vẻ đẹp duyên dáng mà kín đáo của người phụ nữ.

Áo dài **:** Áo tứ thân miền Bắc là chiếc áo dài đầu tiên của Việt Nam. Áo tứ thân được tạo ra từ thế kỷ XII và được sử dụng như trang phục hàng ngày đến đầu thế kỷ XX. Ngày nay, áo tứ thân chỉ được mặc trong các dịp lễ tết. Áo nâu với hai vạt trước buộc chéo thả xuống đi với quần lĩnh đen và thắt lưng lụa. Rồi áo tứ thân biến đổi thành áo mớ ba mớ bảy – áo dài ba chiếc, ngòai cùng là áo năm thân bằng the màu thâm hoặc màu nâu hay tam giang, hai chiếc trong màu mỡ gà, cánh sen, vàng chanh hay hồ thủy. Cổ áo cao khỏang 2cm, tay may bó khít cổ tay, chiều rộng ngực eo bằng nhau. Điểm đặc biệt là ngòai vạt chính còn có vạt phụ (vạt con) dài sát gấu áo. Khuy áo được tết vải, cài cúc cạnh sườn. Cổ áo lật chéo để lộ ba màu áo (hoặc bảy màu áo). Phụ nữ miền Trung mặc áo dài năm thân, kín cổ. Người nhiều tuổi hay mặc áo màu đậm, các cô gái mặc áo màu nhẹ, xanh da trời hoặc trắng... Màu tím được dùng nhiều ở Huế. Đôi khi mặc áo mớ ba nhưng khác miền Bắc là cái cúc kín, cổ áo trong cao hơn cổ áo ngòai để lộ ba màu khác nhau. Tà áo khép kín nhưng mép tà vẫn lộ ba màu. Phụ nữ miền Trung thường mặc quần trắng chít ba (nghĩa là hai bên mép cạp quần được may ba lần gấp, mỗi bên khỏang 1cm, để khi đi lại ống quần xòe ra cho

đẹp, hãn hữu lắm mới mặc quần đen.

Càng về sau chiếc áo dài càng được cải tiến và mang sắc thái riêng của từng miền, ở những chi tiết nhỏ để đáp ứng sở thích và yêu cầu thẩm mỹ của thời đại. Áo dài không chỉ tôn vinh vẻ đạp bên ngoài của người phụ nữ mà còn phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

Khi lao động hay trong những hoạt động bình thường, phụ nữ cũng thường mặc áo ngắn có hai túi phía trước, có thể xẻ tà hoặc bít tà. Ngoài Bắc gọi là áo cánh, trong Nam gọi là áo bà ba. Áo có đính cúc nhưng phụ nữ thường không cài cúc cho mát, vừa để hở cái yếm trắng làm duyên. Áo bà ba là sản phẩm đặc trưng của vùng Nam bộ. Phụ nữ miền Nam, các cô gái mặc áo bà ba trắng, có việc, mặc áo dài phủ lên chiếc quần lĩnh đen.

Bên cạnh quần áo, trang phục phụ nữ Việt còn có những bộ phận khác không kém phần quan trọng như như thắt lưng và đồ đội đầu.Thắt lưng ban đầu có mục đích giữ cho đồ mặc dưới khỏi tuột (có thể là một sợi dây, gọi là dải rút), rồi phát sinh thêm mục đích giữ áo dài cho gọn và tôn tạo cái đẹp trên cơ thể phụ nữ. Các bà, các cô còn dùng thắt lưng bao còn gọi là ruột tượng để kiêm nhiệm thêm mục đích thứ tư là làm túi đựng đồ vật (tiền, trầu cau,...).Trên đầu thường đội khăn, khăn có nhiều kiểu và tên gọi khác nhau. Ở miền Bắc có khăn mỏ quạ vì khi đội lên đầu có hình giống "*mỏ qua*". Còn ở miền Nam, loại khăn ăn sâu vào tâm hồn và đặc trưng nhất là khăn rằn quấn cổ. Trên khăn hoặc thay cho khăn là nón để che mưa nắng. Việt Nam là quê hương của ba loại nón: nón ba tầm, nón quai thao và nón bài thơ. Cái nón là hình ảnh và âm hưởng của quê hương, góp thêm một nét đậm đà, khó quên trong nền văn hóa truyền thống. [55]

Có thể nói trang phục là thứ không thể thiếu được trong mục đích trang điểm, làm đẹp của người phụ nữ. Mỗi dân tộc có cách ăn mặc khác nhau, vì vậy trang phục trở thành biểu tượng của văn hóa dân tộc. Và người phụ nữ Việt Nam muôn đời vẫn vậy, luôn làm đẹp một cách tế nhị và kín đáo.

2.1.3.3 Nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ ở ca dao cổ truyền

Bên cạnh sắc đẹp về thể chất, trang phục cũng giúp người phụ nữ thêm duyên dáng, xinh đẹp. Trong bộ y phục của người phụ nữ Việt xưa, cái yếm che ngực lại được để ý hơn cả. Nó được để lộ ra sau lớp áo cánh xẻ nách, có cổ thìa mổ trễ xuống gần lũng ngực và tấm áo dài không gài nút. Cả hai đều màu nhã, do đó cái yếm mặc trong thường được chọn màu cho thật nổi :

Khi thì là yếm trắng tinh :

Hỡi cô yếm trắng lòa xòa
Yếm nhiễu, yếm vóc hay là trúc bâu
Hay là lụa bạch bên Tầu
Người cắt cũng khéo, người khâu cũng tài.[29,tr.202]

Khi thì là yếm đào "*Hỡi cô mặc yếm hồng đào* [29,tr.200], khi lại là yếm thắm"*Hỡi cô yếm thắm bao xanh*".[29,tr.200]. Và bao giờ người phụ nữ cũng biết thắt thêm chiếc thắt lưng khác với màu yếm, thường là màu xanh hoa lý cho tăng phần duyên dáng " *Cô kia thắt dải lưng xanh*".[29,tr.200]

Theo thống kê, con số 58 hình ảnh/ 259 lời ca, bằng 22,7%, cho thấy chiếc yếm chính là một nét trang phục đẹp, truyền thống của người phụ nữ Việt trong ca dao cổ truyền. Một số nhà nghiên cứu cho rằng chiếc yếm được ra đời là để tôn lên cái lưng ong vốn được xem là một nét đẹp của người phụ nữ trong văn hóa Việt Nam. Hình ảnh người phụ nữ thôn quê giữa ngày hè nóng bức mặc yếm không, để cả phần lưng và lườn hở từng đươc coi là đẹp "*Đàn bà yếm thắm hở lườn mới xinh."*[10,tr.62] Vì theo quan niệm truyền thống của người Việt, một người phụ nữ đẹp là phải có cái lưng được thắt đáy nhỏ nhắn như cái lưng ong. Người Việt xưa cho rằng những cô gái với cái lưng ong không chỉ mang một dáng hình đẹp mà còn có đầy đủ tất cả những đức hạnh của một người vợ, người mẹ:

-Những người thắt đáy lưng ong
Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con. [27,tr.1160]

Nhưng áo yếm không chỉ đơn giản là một thứ trang phục mà còn có những ý nghĩa và giá trị về tinh thần cũng như nghệ thuật. Lãng mạn trong các

câu ca dao, chiếc yếm ấm áp tình người đã trở thành một hình ảnh đẹp, trong sáng của tình yêu:

- Ước gì sông hẹp chừng gang

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.[24,tr.1264]

Hình ảnh chiếc yếm đã đi sâu vào ca dao Việt Nam. Nó đã trở thành một chủ đề quán xuyến quen thuộc, tạo nên sự lãng mạn và đáng yêu cho những câu ca dao tình tứ của dân tộc. Từ những câu tỏ tình của các chàng trai trong các cuộc gặp gỡ:

- Hỡi cô yếm thắm đeo bùa

Bác mẹ có bán anh mua nửa người.[29,tr.200]

- Hỡi cô yếm trắng kia là

Lại đây anh gửi lược ngà cùng gương.[29,tr.201]

Cho đến câu nhớ nhung, mong đợi của kẻ xa quê:

Mình về mình có nhớ chăng

Ta về như lạt buộc khăn nhớ mình.

Ta về ta cũng nhớ mình

Nhớ yếm mình mặc, nhớ tình mình trao.[29,tr.594]

Rồi chiếc yếm lại trở thành vật trao tình của các cô gái trẻ:

- Ở gần mà chẳng sang chơi

Để em ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu.

Mồng tơi chẳng bắc được đâu

Em cởi dải yếm bắc cầu anh sang.[24,tr.1257]

Hay dải yếm lại trở thành một biểu tượng cho tình yêu giữa đôi trai gái:

-Trời mưa gió rét kìn kìn

Đắp dôi dải yếm hơn nghìn chăn bông.[29,tr.371]

Tình yêu có biết bao điều kỳ diệu. Chính vì vậy, người ta không thể mang những thực tế logic thường ngày để đánh giá nó. Chỉ một đôi "*dải yếm*" thôi cũng có thể sưởi ấm lòng người vượt qua sự giá lạnh đáng sợ của mùa

đông. Đối với những đôi trai gái không được nên duyên nên phận vợ chồng như mong ước, chiếc yếm lại hiện lên trong câu thơ xót thương tiếc nuối của các chàng trai:

-Kiếp sau đừng hóa ra người

Hóa ra dải yếm buộc người tình nhân.[29,tr.205]

Tính phi thực tế của cách nói ngoa dụ trong ca dao mới tài tình, mới tuyệt diệu làm sao khi chàng trai mượn đôi dải yếm để kéo đò mắc cạn còn nàng thôn nữ lấy đôi dải yếm để bắc chiếc cầu qua con sông tình cảm cho người mình yêu:

-Thuyền anh mắc cạn lên đây.

Mượn đôi dải yếm làm dây kéo thuyền.[29,tr.334]

- Ước gì sông hẹp chừng gang.

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.[24,tr.1264]

Vì sao chàng trai hay cô gái không thích bắc cầu bằng một thứ khác? Dải lụa? Hay chiếc khăn buộc đầu? Mà cứ khư khư bắc cầu bằng dải yếm? Có lẽ... vì cả chàng trai và cô gái đều ngầm hiểu một sự thật bí mật, tế nhị mà vô cùng táo bạo rằng, dải yếm chính là thứ mà chàng trai khát khao được chiêm ngưỡng nhất trong trang phục, trên cơ thể người thiếu nữ. Sự ngăn sông cách núi trong cách nói và trong thơ ca cổ xưa chính là sự xa cách của những tâm hồn, những nỗi lòng mong nhớ. Nỗi niềm trong câu ca dao cũng giống như một ước nguyện khó có thể và nói đúng hơn là không thể nào thực hiện được. Dòng sông sao có thể "*chừng gang*" và "*dải yếm"* sao có thể trở thành cây cầu. Đó là lối nói thậm xưng quen thuộc trong dân gian. Dòng sông này cũng có thể là tồn tại trên thực tế nhưng có thể chính là dòng sông ngăn trở trong lòng của mỗi người. Câu ca dao này đã vượt qua khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Chiếc cầu dải yếm là một sự tượng hình ý nhị đầy ẩn ý. Nó cũng như là lời bày tỏ tình cảm của một cô gái ẩn chứa sự thẹn thùng trong mỏng manh của "*cầu dải yếm"*. Nó vừa rất gần mà cũng rất xa. Bước qua cây cầu "*dải yếm*" là ngưỡng cửa của những tâm hồn, của những thể xác đang rạo rực, đang yêu. Ý nhị và trữ tình hơn khi cô gái

muốn mượn dải yếm nơi mình, ấp ủ tình cảm trong sáng muốn gửi gắm tới chàng trai:

Trầu em têm tối hôm qua.

Buộc trong dải yếm mở ra mời chàng.[28,tr.764]

Không chỉ gợi cho người ta một vẻ đẹp cao quý, trong sáng mà hình ảnh "*áo yếm"* còn là một cái gì đó hết sức thực tế và trần tục. Yếm dùng để che ngực bởi vậy xung quanh chiếc yếm này là những câu chuyện trữ tình. Theo quan niệm xưa những màu chói như màu đào, màu thắm chỉ các cô gái bạo dạn mới dám mặc, và khi đã mặc thì đến nhà tu hành cũng không thể nào tránh khỏi những đam mê trần tục:

-Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư

Sư về sư ốm tương tư

Ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu.[27,tr.830]

Ý nghĩa biểu cảm của chiếc áo yếm cũng giống như cái duyên đằm thắm, mặn mà của người con gái. Với một mảnh vải vát nhọn ở phía dưới được vòng quanh cổ và ngang ngực bằng những dây buộc mảnh, kín đáo mà hết sức tự nhiên chân thực nó đã góp phần tạo ra một cái đẹp hoàn hảo, làm say lòng bao nhiêu quân tử:

-Nhác trông cái yếm cũng xinh

Khen ai khéo dệt ra hình hoa mai

Khen người khâu yếm cũng tài

Cổ thêu con nhạn có hai đường viền

Cổ thì em ngả màu hiên

Thắt lưng màu huyền dải yếm cũng xinh

Khen ai khâu yếm cho mình

Đường lên đường xuống ra hình lưng ong....[29,tr.273]

Lời ca thật trữ tình tha thiết, bắt đầu từ chiếc yếm chàng trai đã không chỉ ca ngợi được tài may vá mà còn khéo thể hiện sự ngưỡng mộ, yêu thương nét

đẹp cả về thể chất và tâm hồn của người con gái mình yêu thương. Hơn thế, chiếc áo yếm còn hàm chứa trong nó bao nhiêu tình, bao nhiêu ý:

-Hoa cúc vàng nở ra hoa cúc tím
Em có chồng rồi trả yếm cho anh
Hoa cúc vàng nở ra hoa xúc xanh
Yếm em em mặc, yếm chi anh đòi.[10,tr.535]

Lời đối đáp của những người có tình, rất thật, rất nhẹ nhàng, mà lại bông đùa. Hoa tình yêu giờ đã đổi màu, không vàng, không tím cũng giống như tình yêu đã không cập được đến bến bờ hạnh phúc. Vẫn là người con gái ấy, vẫn áo yếm duyên dáng chỉ khác rằng hoa cúc đã màu xanh và chiếc áo yếm như lời ước hẹn nay đã thành lỗi hẹn. Sự trách móc mang chút dỗi hờn chưa dứt giữa hai người. Dải yếm mỏng manh không thể níu người ở lại nhưng cũng đủ làm vương vấn một chút tình. Con người mang theo cuộc sống trong mình luôn luôn chuyển động nhưng sự độc đáo và đặc sắc của áo yếm dường như là một vẻ đẹp vĩnh hằng. Yếm có mặt từ thuở trong nôi tới khi có sự gặp gỡ Đông Tây, để từ đó người phụ nữ lựa chọn, nhập thân chiếc yếm cổ truyền vào chiếc nịt ngực hiện đại. Ngày nay, trong cuộc sống hàng ngày, người ta không còn mặc yếm nữa. Nhưng không phải vì thế mà giá trị nghệ thuật của nó bị mất đi. Ta có thể thấy những người phụ nữ áo yếm với áo tứ thân, nón quai thao tại những ngày hội hoặc nghe hát chầu văn. Vẫn là nó, vẫn đơn giản mà cuốn hút kỳ lạ không gì thay thế được. Và cũng chính vì vậy mà nó vẫn tiếp tục là nguồn cảm hứng sáng tác không chỉ cho thơ ca hiện đại mà còn cho các nhà tạo mẫu. Những bộ trang phục cách tân dựa trên hồn của chiếc áo yếm luôn luôn đầy sự khám phá và sáng tạo. Ở một nơi nào đó rất xa, có lẽ chiếc áo yếm vẫn còn tồn tại ngay cả trong cuộc sống thường ngày.

Cùng với chiếc yếm là cái áo. Ngày xưa, người phụ nữ bước chân ra khỏi nhà là phải mặc áo dài. Chiếc áo dài của người phụ nữ Việt miền Bắc thường là áo tứ thân (áo phía sau nối suốt dọc sống kể là hai thân, áo phía trước có hai vạt rời dài bằng nhau không có nút gài mà buộc chéo trước bụng rồi thả thõng

xuống). Nhiều người phụ nữ vì phải gánh gồng buôn bán, vai áo chóng rách, để khỏi bỏ phí cả chiếc áo, người phụ nữ đã khéo léo thay nửa thân áo trên bằng loại vải có màu xẫm hoặc nhạt hơn, gọi là áo vá vai hay vá quàng:

- Có chồng rồi bớt áo thay vai...[23,tr.401]

- Nhác trông em cái áo vá vai

Thầy mẹ em vá hay tài vá nên.[28,tr.273]

-Thương em thuở áo mới may

Bây giờ áo rách hai vai vá quàng.[28,tr.339]

Áo vá quàng vì thêm màu sắc trông lại có duyên, nhiều phụ nữ thường mặc, trở thành nét duyên, nét đẹp chung:

-Áo em áo vải

Trong lót lụa hồng

Ngoài thêu chỉ thắm. [28,tr.509]

Nếu là phụ nữ hàng phố thường mặc áo năm thân, còn gọi là áo năm tà. Họ thường mặc để đi chơi hay khi phải tiếp khách (vạt trước và vạt sau đều nối dọc ở giữa thành mỗi vạt kể là hai thân, lại thêm một vạt con để cài khuy) :

-Vải nâu may áo, kìa áo năm tà

Ai may cho cô mình mặc

Xem hội cái đêm hôm rằm, rằm tháng giêng.[10,tr.854]

Trong những ngày lễ tết chắc hẳn người phụ nữ mặc những chiếc áo đó rất đẹp nên có chàng trai đã không cầm lòng được :

-Thấy người đẹp áo xinh quần

Lòng tôi muốn kết yên phần gia cư.[28,tr.220]

- Nhác trông mùi áo như in

Đáng trăm cũng chuộng, đáng nghìn cũng mua.[28,tr.224]

Hình ảnh cái áo xuất hiện nhiều nhất trong ca dao cổ truyền khi nói về trang phục của người phụ nữ 68 hình ảnh /259 lời ca bằng 26,2%. Sở dĩ hình ảnh chiếc áo xuất hiện nhiều như vậy là vì trong ca dao cổ truyền người Việt chiếc áo đã trở thành tín hiệu giao duyên để trao thương gửi nhớ. Mà độc đáo

hơn cả là có chàng trai trong một bài ca dao được nhiều người yêu thích đã khéo léo dùng chiếc áo làm "*cái cớ"* để tỏ tình:

-Hôm qua tát nước đầu đình,

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen...[24,tr.1119]

Thật ra, *"mất áo*" trước sau vẫn là một câu chuyện hư cấu, một chuyện "*bịa đặt"*. Sở dĩ nó hấp dẫn, nó rung động lòng người, rung động các thế hệ mai sau là vì nó đã được "*bịa đặt*" và hư cấu theo quy luật của cái đẹp, theo nhu cầu chân thực và chân chính của trái tim con người. Không ở đâu, hình ảnh "*cái áo*" được chàng trai đang yêu khai thác và sử dụng một cách tích cực, sáng tạo và hết sức độc đáo như ở bài ca dao này. Từ mở đầu cho đến kết thúc, bài ca dao luôn xoay quanh câu chuyện cái áo: mất áo, xin áo, nhờ khâu áo, trả công, giúp đỡ người khâu áo, v.v… Có thể nói *"cái áo đã đắp kín cả mối tình của đôi bạn trẻ"* [53,tr.40]. Do đó trong ca dao tình yêu, đặc biệt là bộ phận ca dao tỏ tình, "*cái áo*" là một phương tiện nghệ thuật rất quan trọng, độc đáo, trở thành tín hiệu để trao duyên:

- Phải duyên áo rách cũng màng

Chẳng duyên áo nhiễu, nút vàng không ham.[28,tr.248]

- Yêu nhau cởi áo cho nhau

Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.[28,tr.335]

- Tình cờ bắt gặp nàng đây

Mượn cắt cái áo, mượn may cái quần.[29,tr.345]

Chiếc áo đời thường trong cuộc sống lao động "*Một nắng hai sương*" nhưng đảm đang tảo tần của người phụ nữ là cái áo rách, áo vá vai, áo vá quàng đã trở thành biểu tượng khi ca ngợi nghĩa tình thủy chung trong tình yêu đôi lứa :

-Thương em hồi áo mới may

Bây giờ áo rách thay tay vá quàng

Trăm năm duyên nghĩa vẹn toàn

Dầu thương áo rách vá quành cũng thương.[29,tr.339]

Người nghệ sĩ dân gian không đi vào miêu tả vẻ đẹp của chiếc áo ngắn, áo

dài hay áo tứ thân mà dùng chiếc áo để ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. Người vợ nhận phần vất vả khó khăn về mình *" Áo ngắn em mặc, cởi áo dài anh mang"* [23,tr.135] Hay: " *Trời nắng cho chí trời mưa/ Để em cởi áo che mưa cho chàng*" [28,tr.507]. Đó còn là nỗi lòng nhớ thương tha thiết: " *Đêm qua hết đứng lại nằm/ Năm thân áo vải ướt đầm như mưa*."[28,tr.393] , hay xót xa đau đớn vì cảnh ngộ:" *Tiếc thay cái tấm lụa đào/ Áo rách chẳng vá, vá vào áo tơi*".[28,tr.472]

Cho nên hình ảnh chiếc áo được biểu hiện trong ca dao không phải với vẻ đẹp của màu sắc, hình dáng hay kiểu cách mà trở thành một biểu tượng độc đáo ca ngợi nét đẹp tinh thần của người phụ nữ.

Trong trang phục của người phụ nữ còn không thể thiếu chiếc khăn. Trước hết hình ảnh chiếc khăn đội đầu là để tôn thêm nét đẹp thể chất tự nhiên của người phụ nữ. Kết hợp với trang phục họ còn biết vấn khéo vành khăn, cố tình để lộ đuôi tóc dài như đuôi gà ,vắt vẻo trên đầu, lại phất phơ, đong đưa theo bước đi, trông rất gợi cảm. Lối bỏ tóc đuôi gà này cũng đã tạo nên cái mốt một thời; "*Một thương tóc bỏ đuôi gà* " là vậy. Chiếc khăn đội đầu đã làm bào chàng trai say mê thương nhớ:

-Ngó lên đầu tóc em bao

Chéo khăn em bịt, dạ nào chẳng thương.[29,tr.257]

Trời lạnh, trên đầu người phụ nữ lại chít thêm chiếc khăn vuông, khăn chít khum khum, ôm lấy khuôn mặt trẻ trung mơn mởn, khác nào như cánh hoa sen :

-Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.[23,tr.448]

Chiếc khăn vuông đội đầu luôn gắn với nét đẹp thể chất tươi tắn trên khuôn mặt của người phụ nữ, nên cách liên tưởng so sánh thật đẹp. Màu sắc của chiếc khăn cũng góp phần tôn thêm nét đẹp cho người phụ nữ:

- Tấm áo nâu sồng xếp nếp em để trong nhà

Ba vuông khăn tím phất phơ em đội đầu.[28,tr.123]

- Bẩy yêu khăn thắm thêu hoa...[28,tr.240]

Chiếc khăn màu hồng được liên tưởng tới màu của hoa đào ẩn ý bao nhiêu tình :

-Khăn vuông đào vắt ngọn cành mơ

Mình xuôi đằng ấy bao giờ mình lên.[28,tr.584]

Chất liệu bằng nhung hay nhiễu làm nên chiếc khăn cũng tạo ra vẻ đẹp cho chiếc khăn đội đầu của phụ nữ:

-Muốn cho trước giếng sau bàu

Khăn nhung sánh với nhiễu tàu được chăng?[28,tr.195]

Cho nên có chàng trai đã chọn tiêu chí đầu tiên để yêu :

-Một yêu khăn nhiễu Tam Giang

Khen ai khéo nhuộm cho nàng nàng ơi.[28,tr.240]

Hay đó là vẻ đẹp:

Cau non năm đợi tháng chờ

Ba vuông nhiễu thắm em đội phất phơ trên đầu.[29,tr.356]

Chiếc khăn rằn nét đẹp riêng của người phụ nữ Nam Bộ cũng được nhắc tới trong nhiều lời ca:

- Bước lên xe đầu đội khăn rằn

Dáng đi yểu điệu, ngồi gần say mê.[10,tr.261]

- Khăn rằn nhỏ sọc, khăn rằn tây

Thấy em ốm ốm mình dây anh ưng lòng.[29,tr.205]

- Khăn rằn nhúng nước ướt mem

Tại anh chậm bước nên em có chồng.[28,tr.413]

Sau nữa chiếc khăn còn được nhân cách hóa để nói về người phụ nữ. Chiếc khăn được biểu hiện như một nỗi nhớ thiết tha của người yêu đối với người yêu.

- Khăn thương nhớ ai,

khăn rơi xuống đất,

khăn thương nhớ ai,

khăn vắt lên vai...[28,tr.961]

Chiếc khăn được phả vào trong đó nhiều nỗi niềm, nhiều tâm trạng "*khăn thương", "khăn nhớ"*...tất cả để nói cho hết cái bồn chồn trong dạ, xao xuyến trong lòng:

- Bao giờ cho hương bén hoa.

Khăn đào bén túi cho ta bén mình.[29,tr.22]

"*Ta - mình*" bén nhau như "*khăn đào bén túi*" vừa thiết tha đằm thắm, lại vừa gần gũi chân thành. Và có khi chỉ là chiếc " khăn gói" mà lại làm nền cho sự tương phùng của đôi lứa:

- Tiền trinh đổ lẫn tiền vàng,

Ở trong khăn gói đố nàng biết chi?

Tiền trinh đổ lẫn tiền chì,

Ở trong khăn gói đố gì hỡi anh.[29,tr.645]

Chính cái "*khăn gói"* là thứ keo kết dính làm nên điều kỳ diệu cho sự hoà hợp của tình yêu thương. Chiếc khăn gói, khăn tay bọc trầu cau, vì thế đã góp phần khẳng định tình yêu sâu sắc của con người:

-Trầu bọc khăn trắng cau tươi

Trầu bọc khăn trắng đãi người xinh xinh.[28,tr.413]

- Em ra về cho anh mượn cái khăn tay

Gói câu tình nghĩa kẻo lâu ngày quên đi.[29,tr.167]

Do đó, cũng như hình ảnh của chiếc áo, chiếc khăn đã trở thành vật để trao thương gửi nhớ, trao tình gửi nghĩa của tình yêu đôi lứa :

-Chàng về mua chỉ mua kim

Thêu loan, thêu phượng mới nên khăn này.[28,tr.557]

- Em về mua thuốc nhuộm răng

Mua khăn chít lại cho bằng duyên anh.[28,tr.125]

-Gửi khăn, gửi túi, gửi lời

Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa.[28,tr.525]

Một trong những vật dụng đi kèm với trang phục cổ truyền của người phụ nữ Việt là chiếc nón. Nón đã có mặt lâu đời ở nước ta. Nón là là *"Đồ dùng để*

đội đầu, hình chóp, tròn, thường lợp bằng lá màu trắng". Từ khi có mặt với chức năng là *"cái nón",* thì chiếc nón đã theo chân người nông phu ra đồng, theo người phụ nữ đi sớm về trưa, được bà dùng để quạt đưa cháu vào giấc ngủ, được các bà mẹ vỗ về đội vào đầu và nắm tay dìu con đến trường. Nón cùng với người lính thú xông pha ngoài chiến trận, nón theo tài tử giai nhân đi trẩy hội, nón theo cung phi vào cung cấm, nón theo các nàng công chúa, các bà hoàng đi chùa cầu duyên cầu tự. Nón cũng được các bà mẹ sụt sùi nước mắt đặt nhẹ lên đầu người con gái thương yêu trước khi lên xe hoa về nhà chồng...Chiếc nón còn có mặt trong sách vở thi ca, qua câu hò tiếng hát của người bình dân để ngợi ca tình yêu trai gái... và chiếc nón thực sự trở thành một phần trong đời sống vô cùng đẹp và lãng mạn của người phụ nữ Việt Nam. Nhiều loại nón ngày xưa, nay không còn được sử dụng và mai một. Có loại nón được cách tân cho hợp với thời đại và thị hiếu thẩm mỹ của con người, làm cho chiếc nón vượt lên khỏi chức năng "*che mưa che nắng*", trở thành đồ trang sức, làm duyên cho người phụ nữ. Có thể nói không sợ quá lời rằng: không có dân tộc nào có chiếc nón, như chiếc "*nón lá*" gắn bó, gần gũi với con người như dân tộc Việt Nam. Chiếc nón có nhiều tên gọi rất phong phú. Theo thông thường, chiếc nón khi ra đời được đặt tên theo vật liệu làm nên nó(nón quai mây, nón quai thao hay nón lá, nón bài thơ...) và tạo thêm nét đẹp cho người phụ nữ:

-Tiếc vì nón lá quai mây,

Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm.[10,tr.755]

-Hỡi cô đội nón quai thao

Đi qua Thanh Liệt thì vào làng anh. [28,tr.199]

Chiếc nón cũng được đặt tên theo hình dạng, với vẻ đẹp riêng của người phụ nữ khi đội nón thúng quai thao:

-Chửa chồng nón thúng quai thao

Chồng rồi nón rách quai nào thì quai.[27,tr.356]

Nón cũng còn được đặt tên theo địa phương sản xuất, làm nên vẻ đẹp của người phụ nữ từng miền:

- Em đã xinh em lại có nhiễu đội đầu

Em đội cái nón xứ Nghệ ra màu điểm trang.[25,tr.1970]

- Cưới nàng đôi nón Gò Găng

Xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn.[27,tr.196]

Chiếc nón xứ Nghệ, có nơi còn gọi là nón ba tầm hay nón thượng quai thao khi đến vùng Kinh Bắc được dùng để làm duyên hơn là che mưa nắng, chẳng thế mà khi đi xem hội ban đêm người phụ nữ cũng đội :

Cái nón ba tầm, quai thao mỏ vịt bịt bạc là nón ba tầm

Để cho em đội qua rằm tháng giêng.[29:65]

Đây là một thứ nón mặt tròn, đường kính chừng 80cm, có bờ cao chừng 5 hay 6cm, quai nón có tua thao dài, buông thõng xuống hai bên:

-Cái nón ba tầm

Quai thao một nắm, áo trầm một đôi.[29,tr.65]

Nếu đi nhanh, hai tua thao sẽ quất vào mặt, nên khi đội nón này, mọi cô gái đều bắt buộc phải từ tốn chậm bước, tạo nên vẻ đẹp yểu điệu, dịu dàng. Khiến bao chàng trai xao xuyến tâm hồn khi chợt nhìn thấy khuôn mặt của người đẹp qua vành nón chao nghiêng:

-Ai làm cái nón có thao

Để cho anh thấy cô nào cũng xinh![29,tr.14]

Cái nón từ lúc xuất hiện, đi liền với đôi quai được làm bằng dây, mây, vải,... vừa để giữ chiếc nón, vừa để điểm tô cho người phụ nữ thêm duyên, thêm dáng, thêm sang trọng và quí phái theo cái nhìn thẩm mỹ bấy giờ.

-Tiếc vì nón lá quai mây,

Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm.[28,tr.747]

-Tròng tành như nón không quai

Như thuyền không lái như ai không chồng! [29,tr.365]

Chiếc nón của xứ Huế lại có dáng vẻ nhẹ nhàng, mang theo trong nó cái "*duyên ngầm*" của người con gái Huế đội "*nón nghiêng che*" lãng mạn. Nón Huế nhìn soi qua ánh nắng mặt trời, trông như là bức tranh thủy mạc, mãi mãi là

cái gì đặc trưng và "*rất Huế*" không sao tả hết được:

- Xinh thay cái nón mới đan

Đôi hàng chữ thập, ba hàng kết hoa.[29:659]

- Ai qua xứ Huế mộng mơ

Mua vài chiếc nón bài thơ làm quà.[10,tr.202]

- Nón này là nón nghiêng che

Nón này để đội cho vừa đôi ta.[25,tr.1901]

Chiếc nón Huế làm vẻ đẹp của người phụ nữ thêm rạng ngời, duyên dáng và làm mê mẩn biết bao chàng trai :

- Nón này là nón u mê,

Nón này là nón đi về che chung.[28,tr.233]

Chiếc nón trong ca dao cổ truyền người Việt không chỉ có "*nhiệm vụ che nắng che mưa*", mà rõ ràng còn trở thành cái để làm duyên của người phụ nữ và cũng được dùng để bày tỏ tình yêu, tình nghĩa vợ chồng hay ẩn dụ nhiều điều ...

-Bao giờ nón bạc quai vàng

Thì em kết nghĩa với chàng, chàng ơi.[28,tr.531]

-Ới người đội nón chung quai

Chung thầy chung mẹ ghé vai chung tình.[28,tr.247]

Dầu chiếc nón lá làm ra không dành riêng cho phái nữ, nhưng nói đến cái nón lá xưa nay người mình có thói quen liên tưởng đến người phụ nữ "*nón nghiêng che"* đầy ấn tượng:

- Ra đường nghiêng nón cười cười,

Như hoa mới nở, như người trong tranh.[10,tr.709]

Đời sống văn minh, phát triển nhưng nón lá Việt nam vẫn thuần túy nguyên hình của nó. Ở bất cứ nơi đâu, từ rừng sâu hẻo lánh, trên đồng ruộng mênh mông, dọc theo sông dài biển cả, đều thấy chiếc nón lá ngàn đời không đổi thay. Chiếc nón Việt Nam với nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam vì vậy là một vẻ đẹp kỳ diệu và thật sự trở thành một phần trong đời sống Văn hóa của chúng ta.

Như vậy trang phục là thứ không thể thiếu được trong mục đích trang điểm, làm đẹp của người phụ nữ. Người phụ nữ biết dùng trang phục để tôn lên nét đẹp thể chất vốn có của mình. Họ làm đẹp một cách tế nhị và kín đáo, giữ gìn và phát huy nét dịu dàng và duyên dáng của người phụ nữ Việt. Hình ảnh của chiếc yếm, cái áo,cái khăn và cái nón được ca ngợi nhiều vì đây chính là trang phục cổ truyền và quen thuộc thường nhật của người phụ nữ Việt, làm tôn lên vẻ đẹp của họ. Đồng thời vẻ đẹp trang phục cổ truyền của người phụ nữ cũng đã ẩn chứa trong đó bao tình nghĩa đậm đà của hồn quê đất Việt, làm nên bản sắc muôn đời của con người, dân tộc, đất nước Việt Nam.

2.2.NÉT ĐẸP TINH THẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

Ca dao ra đời từ ngàn xưa, gắn với cuộc sống trăm đắng ngàn cay nhưng đậm tình nặng nghĩa. Những câu hát phản chiếu đời sống tâm hồn, đời sống tình cảm của người bình dân, chứa đựng những đạo lí dân gian sâu sắc. Những đề tài ca dao bắt nguồn từ thực tế cuộc sống lao động sản xuất và những sinh hoạt đời thường, từ những rung động tinh tế trước thiên nhiên, từ đời sống thuần hậu chất phác của người lao động. Chính vì thế, những hình ảnh ca dao mộc mạc nhưng mang theo bao hơi thở tâm tình , những nỗi niềm thân phận và luôn chứa đựng nét đẹp tinh thần của con người và đặc biệt là nét đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Toát lên từ những lời ca là ý thức về phẩm giá, nhân cách, là những tình cảm thương nhớ đợi chờ, là khát vọng được sẻ chia, là ước ao về cuộc sống thủy chung mặn nồng. Nét đẹp tinh thần của người phụ nữ được bộc lộ trong nhiều hoàn cảnh, rất phong phú đa dạng và sâu sắc. Ở phạm vi của luận văn, chúng tôi đi vào tìm hiểu một số nét đẹp tinh thần của người phụ nữ thuở con gái và khi đã thành gia thất.

2.2.1. Người phụ nữ thuở con gái và nét đẹp tinh thần

Một trong những nét đẹp tinh thần tiêu biểu của người phụ nữ Việt là luôn hiếu thảo, nghe lời cha mẹ. Trong tờ báo *Nữ giới chung* của Sương Nguyệt Anh có nói về người phụ nữ hiếu thảo, trước hết phải: " *Thương yêu cha mẹ,*

thuận hòa với anh em, sắc mặt cho vui vẻ, phải lo trau mình, giữ tánh hạnh, tất là làm sao cho cha mẹ được danh thơm, tiếng mình được miệng lành bay muôn dặm". [65]

Khi còn ở nhà với bố mẹ, người con gái luôn luôn sẵn sàng nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ:

-Nửa đêm ra đứng giữa trời

Cầm tờ giấy bạch chờ lời mẹ răn.[10,tr.646]

Nhớ công ơn sinh thành của cha mẹ, người con gái luôn luôn tự nhủ với lòng mình rằng:

-Ở nuôi cha mẹ trọn niềm

Bao giờ trăng khuyết lưỡi liềm hẵng hay. [10,tr.688]

Tấm lòng hiếu thảo của cô gái ở đây thật cao đẹp, biết lo lắng, hi sinh cho cha mẹ. Thật là một người con sống có ý thức, có trách nhiệm. Cô gái này làm ta nhớ đến người con hiếu thảo Thúy Kiều trong "*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du- Người con gái thông minh, tài sắc, hiếu hạnh nết na. Khi gia đình nàng gặp gia biến, nàng đã không cần đắn đo, quyết định:

"Đệ lời thệ hải minh sơn

Làm con trước phải đền ơn sinh thành"

Hiểu được đạo lí của phận làm con như vậy cũng là bản chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa và nay. Do đó ngay từ thuở thiếu thời, người con gái luôn băn khoăn làm sao đền đáp cho hết công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ:

- Mẹ cha trượng quá ngọc vàng

Đền bồi sao xiết muôn vàn công ơn..[27,tr.529]

- Ơn cha nặng lắm ai ơi

Nghĩa mẹ bằng trời chin tháng cưu mang.[25,tr.2051]

Cho nên lúc nào người phụ nữ cũng cố gắng giữ đạo làm con, luôn luôn kính yêu và vâng lời cha mẹ:

-Mẹ cha là biển là trời

Nói sao hay vậy, đâu dám cãi lời mẹ cha.[10,tr.587]

Họ biết rõ phận mình là gái không giúp gì được nhiều cho cha mẹ:

-Cha mẹ ôi sinh tôi là gái

Biết bao giờ trả ngãi mẹ cha. [23,tr.433]

Người phụ nữ lo lắng một ngày mai phải từ giã cha mẹ đi lấy chồng, ở nhà biết hai đỡ đần hai thân:

-Xiết bao bú mớm bú trì

Đến khi con lớn con đi lấy chồng

Có con đỡ gánh, đỡ gồng

Con đi lấy chồng vai gánh, tay mang.[25,tr.2672]

Không may lấy phải chồng xa, nỗi lo càng chất chứa trong lòng người phụ nữ bội phần:

-Chim đa đa đậu nhánh đa đa

Chồng gần không lấy mà lấy chồng xa

Mai sau cha yếu mẹ già

Bát cơm ai đỡ, chén trà ai dâng?[23,tr.532]

Do đó bây giờ khi còn được sống dưới gối cha mẹ, người phụ nữ luôn hết lòng phụng dưỡng cho cha mẹ :

- Ba tiền một khứa cá buôi

Cũng mua cho đặng mà nuôi mẹ già.[27,tr.487]

- Cau non khéo bổ cũng đầy

Trầu têm cánh phượng để thầy ăn đêm.[23,tr.487]

- Đói lòng ăn đọt chà là

Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.[23,tr.781]

Người phụ nữ đến tuổi lấy chồng mà vẫn mong muốn được báo đáp công lao cho cha mẹ: *-Lấy chi trả thảo cho cha*

Đền ơn cho mẹ con ra lấy chồng. [24,tr.1381]

Khi lớn lên đến tuổi trưởng thành, trong chuyện riêng tư đôi lứa người con gái cũng luôn nghe lời cha mẹ:

- Thuyền em lựa bến cắm sào

Em chờ phụ mẫu định nơi nào sẽ hay. [27,tr.560]

Nghe lời cha mẹ răn dạy nên người con gái đã biết giữ mình trong mọi hoàn cảnh: *-Trình rằng bác mẹ tôi răn*

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.[28,tr.780]

Trong quan hệ giao tiếp nói chung ngày xưa *"Miếng trầu là đầu câu chuyện"*, " *Miếng trầu nên dâu nhà người*". Miếng trầu trao nhau làm nên nghĩa nên tình, nên gia nên thất, khi bố mẹ đã nhận trầu cau của người ta thì số phận của cô gái coi như đã được định đoạt. Ở đây người con gái tuân thủ theo lời răn dạy của cha mẹ, sẵn sàng chối bỏ ngoài tai những lời tán tỉnh quyến rũ :

-Bông ngâu rụng xuống cội ngâu

Em còn phụ mẫu dám đâu tự tình.[27,tr.489]

Người con gái hiếu thảo đã xác định rất rõ, lá và hoa dù có xinh đẹp đến đâu khi rụng cũng rụng ngay xuống cội. Cũng như con có cha có mẹ, mọi việc phải biết sống theo khuôn phép mà đặc biệt là chuyện hôn nhân:

- Ngọc còn ẩn bóng cây ngâu

Em đang tùng phụ mẫu dám đâu tự tình.[27,tr.545]

Xã hội xưa " *Trọng nam khinh nữ*", con gái lớn lên là cha mẹ gả chồng, coi như là xong bổn phận. Người con gái từ khi lấy chồng cũng lo bổn phận riêng " *Xuất giá tòng phu*"và gần như sống tách biệt hẳn với cha mẹ đẻ. Nhưng vẫn có những người con gái trước cảnh cha già mẹ yếu, em thơ đã đặt nghĩa vụ cao cả của mình trên tình yêu hạnh phúc riêng. Người con gái xin được ở vậy để lo tảo tần buôn bán, kiếm tiền phụng dưỡng cha mẹ, dạy dỗ các em :

- Công sinh dục sánh bằng tạo hóa

Có cha có mẹ sau mới có chồng

Nhớ khi dìu dắt ẵm bồng

Em nguyền ở vậy, nuôi cha mẹ cho trọn lòng hiếu ngay.[27,tr.509]

Người con gái hiếu hạnh với cha mẹ xuất phát từ tâm nguyện của mình, nên khi gặp nghịch cảnh cô tự nguyện cương quyết hi sinh hạnh phúc riêng để lo việc

báo hiếu cha mẹ trong những ngày tuổi già bóng xế:

-Ai bưng bầu rượu đến đó

Phải chịu khó bưng về

Em đang ở hầu cha mẹ cho trọn bề hiếu trung.[23,tr.51]

Mặc dù từ khi mới sinh ra rồi đến khi khôn lớn, lấy chồng, người phụ nữ luôn phải chịu nhiều thiệt thòi, vất vả bởi quan niệm và lễ giáo phong kiến. Nhưng người phụ nữ vẫn sống rất hiếu hạnh với cha mẹ . Họ luôn giữ trọn đạo lí của phận làm con.

Một nét đẹp tinh thần nổi bật nữa của người phụ nữ xưa là luôn luôn giữ gìn ý tứ, ứng xử tế nhị trong mọi tình huống. Như trên ta đã thấy người phụ nữ trong xã hội xưa luôn phải sống phụ thuộc. Không được làm chủ trong tình yêu hạnh phúc, nên khi bước vào tình yêu lứa đôi người phụ nữ thường rất ưa sự thẳng thắn, dứt khoát, rõ ràng :

-Liệu bề thương được thì thương

Đừng trao gánh nặng giữa đường cho em.[23,tr.184]

- Em thương anh như chỉ buộc trọn vòng

Anh đừng bạc dạ đem lòng quên em.[28,tr.635]

Nhưng thẳng thắn,dứt khoát, rõ ràng không có nghĩa là không kín đáo. Ta hãy cùng lắng nghe lời dặn dò nghĩa tình sâu sắc đối với người yêu của một cô gái :

-Em thương anh như chỉ buộc trọn vòng

Anh đừng bạc dạ đem lòng quên em.[28,tr.635]

Bản tính của người phụ nữ Việt thường hay e lệ, rụt rè, nhưng khi gặp được "*ý trung nhân*" họ trở nên mạnh bạo mà vẫn bày tỏ tình cảm một cách ý tứ và nhẹ nhàng kín đáo về tình yêu của mình:

- Em là con gái kẻ Mơ

Em đi bán rượu tình cờ gặp anh

Rượu ngon chẳng quản be sành

Áo rách khéo vá hơn lành vụng may...[28,tr.626]

Đọc bài ca dao ta thấy không có một từ yêu đương nào bộc lộ ra qua lời lẽ của cô hàng rượu, nhưng nếu để ý kỹ qua lời giới thiệu đầy tự hào "*em là",* ta đoán biết được cô gái đã thầm yêu trộm nhớ với một chàng trai nào đó và kín đáo bộc lộ tình yêu của mình. Người phụ nữ Nam Trung Bộ lại khéo léo dùng hình ảnh "*cau"* luôn gắn với "*trầu*" để bày tỏ một cách tế nhị, tinh tế về khát vọng tình yêu, hạnh phúc:

- Anh về cuốc đất trồng cau
Cho em giâm ké dây trầu một bên
Chừng nào trầu nọ bén lên
Cau kia ra trái lập nên cửa nhà.[23,tr.122]

Bằng hình ảnh anh "*cuốc đất trồng cau",* còn em "*giâm ké dây trầu một bên"*, cô gái đã thể hiện được sự tin cậy "*trao thân gửi phận*" của mình với chàng trai yêu thương. Hai câu sau cô gái đã khéo khẳng định tình yêu của mình sẽ đơm hoa kết trái.

Cũng có khi người phụ nữ lại tỏ tình rất mộc mạc chân tình, nhưng ẩn chứa trong đó lại là cả một tấm lòng chân thật, bền bỉ, sâu sắc:

-Phải chi cắt ruột đừng đau
Để tôi cắt ruột tôi trao anh mang về. [23,tr.354]

Trong tình yêu, người con gái cũng rất khéo léo khôn ngoan từ chối khi người yêu có ý định "*ỡm ờ*":

-Thôi thôi em chẳng ỡm ờ
Khôn ba năm dại một giờ mà thôi
Một mai nên lứa nên đôi
Trăm năm ân ái vui chơi mặc lòng. [23,tr.574]

Đọc bài ca dao ta thấy cô gái không chỉ biết giữ mình mà còn khéo léo phân tích cho người yêu thấy được cái hay, cái đúng, cái sai, cái dở để khẳng định tất cả cũng vì tương lai tốt đẹp của hai người. Người phụ nữ không chỉ kín đáo tế nhị trong tình yêu mà cả trong cách ứng xử xã hội. Người xưa nói:*"Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu",* cho nên khi ra đường có bị

mọi người trêu trọc sàm sỡ thì người con gái cũng rất nhỏ nhẹ, giữ gìn ý tứ, lấy lời lẽ rõ ràng khuyên bảo có tình có lí, tỏ ra cương quyết nhưng vẫn giữ được nét dịu dàng của người phụ nữ Việt Nam:

-Cậu cai buông áo em ra
Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa
Chợ trưa rau đã héo đi
Lấy gì nuôi mẹ, lấy gì nuôi em.[27,tr.1004]

Một trong những nét đẹp tinh thần rất dễ nhận thấy của người phụ nữ Việt Nam là lòng chung thủy. Ta nhận thấy rằng người phụ nữ thường tha thiết, chung thủy trong tình yêu :

-Đò này thiếp chẳng dám sang
Đầy vơi thiếp cũng chờ chàng chàng ơi.[28,tr.610]

Lòng chung thủy với tình yêu đã khiến nhiều người phụ nữ dám vượt xé rào cản luân lí nho giáo, vượt quyền cha mẹ kiên quyết bảo vệ tình yêu của mình:

-Em thương anh trầu hết lá lương
Cau hết nửa vườn cha mẹ nào hay
Dầu mà cha mẹ có hay
Nhất đánh nhì đày hai lẽ mà thôi
Gươm vàng kề cổ anh ơi
Chết thà chịu chết lìa đôi không lìa. [23,tr.170]

Biết rằng khi trái lời cha mẹ tự do đến với tình yêu sẽ phải chịu nhiều đắng cay, thậm chí bị cha đày, mẹ đánh, hơn nữa cái chết có thể kề cổ nhưng cô gái trong lời ca dao trên vẫn nhất quyết không chịu từ bỏ tình yêu của mình: *"Chết thà chịu chết lìa đôi không lìa*". Dù phải chịu cực hình nào đi chăng nữa, khi yêu người phụ nữ dường như không sợ điều gì:

-Mặc dầu cha đánh mẹ treo
Đứt dây té xuống cũng theo chung tình.[28,tr.678]

Khi đã tìm hiểu nhau, tình yêu đã nảy nở rồi, người phụ nữ luôn chăm lo

cho tình yêu. Họ vừa tự nói với mình phải chung thủy vừa nhắn nhủ người yêu cần giữ trọn lời thề:

-Chàng về giẫm cội cho bền

Gió rung mặc gió, em không quên ngãi chàng.[23,tr.326]

Chung thủy trong tình yêu nên người phụ nữ cũng muốn người yêu của mình không thay lòng đổi dạ, trước sau như một. Cách bày tỏ, nhắn gửi tới người yêu cần giữ thủy chung thật sâu sắc, nghĩa tình:

-Công cha nghĩa mẹ thiếp đền

Xin chàng đừng có kết duyên chốn nào

Xin đừng đứng thấp trông cao

Xin đừng tơ tưởng chốn nào hơn đây

Xin đừng tham gió bỏ mây

Tham vườn táo rụng bỏ cây nhãn lồng.[10,tr.393]

Tác giả Lê Như Hoa đã nhận xét như sau: " *Đọc những lời ca dao Bắc Bộ, ta cảm nhận được sắc thái tình cảm nhẹ nhàng, dìu dịu đằm thắm, tha thiết trong lời ca dao trên, người con gái như đang rót mật vào tai chàng trai. Cái duyên dáng tươi trẻ, dịu dàng thanh lịch của người con gái xứ Bắc đã níu giữ chân chàng trai lại, và điệp từ "xin đừng" khiêm nhường mà không hạ mình, nhắc nhở mà không giáo điều, giáo huấn, người nghe không chỉ cảm nhận được điều hay lẽ phải, còn cảm nhận được phẩm chất đẹp đẽ, lịch lãm, thanh cao đáng trọng của người con gái xứ Bắc*" [8,tr.67].

Còn đây là lời khẳng định lòng chung thủy tuyệt đối của một cô gái Nam Trung Bộ khi biết người yêu có ý định thay lòng đổi dạ:

- Yêu em em cũng như vầy

Ghét em em cũng như ngày anh yêu.[23,tr.253]

Dù cho "*vật đổi sao rời*" thì trước sau cô gái trong bài ca vẫn như một, đều*"cũng như vầy*", không hề thay đổi, dù người yêu có "*ghét*" cô vẫn "*như ngày anh yêu*". Lời nói từ tốn của cô gái trong bài ca vừa cho thấy tấm lòng vị tha, cao thượng vừa khẳng định lòng chung thủy tuyệt đối với tình yêu. Do đó

mà cho dù "*Vật đổi sao rời*", "*Non mòn biển cạn*", "*Đá nát vàng phai*", "*Trúc mọc thành mai*" thì người con gái khi đã yêu vẫn giữ trong lòng mình tình yêu chung thủy:

-Lòng lại dặn lòng, dù non mòn biển cạn
Dạ lại dặn dạ, dù đá nát vàng phai
Dù cho trúc mọc thành mai
Em cũng không xiêu lòng tạc dạ nghe ai phỉnh phờ.[24,tr.1403]

Vì vậy ta có thể khẳng định rằng khi đã yêu người phụ nữ luôn luôn chung thủy với tình yêu và còn lại mãi với thời gian là những lời ca chứa chan ân tình:

- Hồng Hà nước đỏ như son
Chết đi thì chớ sống còn lấy anh.[28,tr.665]
- Lời thề chứng có cao xanh
Nguyện cùng thiên địa yêu anh trọn đời.[28,tr.792]
- Thủy chung em giữ trọn lời
Chết thì chịu chết lìa đôi không lìa.[28,tr.814]

2.2.2.Người phụ nữ khi thành gia thất và nét đẹp tinh thần

Trước hết người phụ nữ luôn ý thức vai trò làm vợ, làm mẹ, nuôi dậy con cái. Nhân dân ta xưa vẫn quan niệm rằng trời sinh ra người phụ nữ là để sinh con, chăm lo con cái, thu vén lo toan, tề gia nội trợ gánh vác mọi công việc trong gia đình. Đây là thiên chức cao quí, và cũng là gánh nặng mà người phụ nữ phải lo toan trong suốt cuộc đời mình. Chính những nhiệm vụ nặng nề và cao cả đó cũng góp phần làm sáng ngời vẻ đẹp của người phụ nữ xưa. Ca dao cổ truyền người Việt đã phản ánh rất rõ nét đẹp tinh thần đó của người phụ nữ Việt Nam. *" Theo tờ báo Nữ giới chung quan niệm: Đức tính quí báu của người phụ nữ là: Đảm đang, nhẫn nại, đức hi sinh, lòng vị tha...biết an phận, tần tảo, buôn bán, nuôi con, nuôi chồng theo đường ăn học*"[65]. Trong ca dao về chủ đề hôn nhân, những đức tính ấy của người phụ nữ không những được thể hiện rõ nét mà còn được thể hiện một cách đa dạng, phong phú ở nhiều phương diện trong cuộc sống gia đình và ngoài xã hội. Khi đã trưởng thành, người phụ nữ ý thức

rất cao về vai trò trách nhiệm của mình đối với gia đình chồng, với chồng, với con, ý thức rõ vị trí làm vợ, làm mẹ. Họ hiểu rõ sự khác biệt giữa thời còn con gái và khi đã có chồng:

-Có chồng phải lụy cùng chồng

Nắng mưa phải chịu, mặn nồng phải theo. [27,tr.359]

Có chồng, người phụ nữ xác định rõ trách nhiệm, bổn phận của mình lo cho gia đình, làm tròn trách nhiệm dâu con trong nhà:

- Phụ mẫu thiếp cũng như phụ mẫu chàng

Hai bên phụ mẫu tạc bốn chữ vàng thờ chung.[27,tr.551]

Không những vậy người phụ nữ khi thành gia thất đã xác định rõ vai trò trách nhiệm làm vợ của mình:

-Chưa chồng chơi đám chơi đu

Chồng rồi chẳng dám ngao du chốn nào.[27,tr.355]

-Chưa chồng đi dọc đi ngang

Có chồng cứ thẳng một đàng mà đi.[27,tr.356]

Họ luôn tâm niệm về đạo lý vợ chồng là tình cảm thiêng liêng sâu nặng:

-Ai chèo ghe bí qua sông

Đạo vợ nghĩa chồng nặng lắm anh ơi. [27,tr.301]

Tiếng hát tình nghĩa của người vợ được cất lên bằng tất cả tấm lòng thiết tha, sâu lắng:

-Cầu nào cao bằng cầu danh vọng

Nghĩa mô nặng bằng nghĩa chồng con

Ví dù nước chảy đá mòn

Xa nhau nghìn dặm lòng còn nhớ thương. [27,tr.330]

-Vợ chồng là nghĩa phu thê

Tay ấp má kề sinh tử có nhau. [27,tr.478]

Người phụ nữ có chồng thấu hiểu quan niệm Nho giáo, chấp nhận theo chồng trong bất cứ hoàn cảnh nào nhưng xuất phát điểm là tình thương chứ không phải sự áp đặt:

-Có chồng thì phải thương chồng

Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo[27,tr.359]

Theo quan niệm phong kiến, phụ nữ phải *"Tam tòng tứ đức*", phải luôn phấn đấu để sống thật tốt, đạt những tiêu chuẩn về công, dung, ngôn, hạnh mà gia đình, họ hàng, làng nước yêu cầu. Người phụ nữ sẵn sàng chấp nhận khó khăn, vất vả, không quản "*dãi dầu*", "*đắng cay*" để phục vụ, chăm sóc chồng :

- Em nghe anh đau đầu chưa khá

Em băng rừng bẻ lá anh xông

Ở làm sao cho trọn nghĩa vợ chồng

Đổ mồ hôi em chặm, ngọn gió lồng em che. [27,tr.440]

Hình ảnh người vợ che chở cho chồng tránh khỏi cơn gió độc, chăm sóc chồng tận tình chu đáo khi chồng đau yếu là hình ảnh sâu sắc thể hiện nghĩa tình sâu nặng của đạo làm vợ. Cho nên bổn phận làm vợ, làm mẹ luôn được người phụ nữ xác định rõ:

-Ghe bầu trở lái về đông

Làm thân con gái thờ chồng nuôi con. [23,tr.1119]

Lúc làm mẹ, người phụ nữ phải hi sinh những cuộc vui chơi ca hát hội hè để nuôi con cho trọn đạo:

-Có con áo xạc gấm xài

Phải như con gái nút cài liền khuy.[23,t253]

Người phụ nữ khi đã là người mẹ hiền*"Mẹ nuôi con biển hồ lai láng",* chăm sóc, nâng niu cho các con từ khi còn bé cho đến khi khôn lớn trưởng thành. Làm mẹ, nuôi con, đây là chức năng thiêng liêng và cao quí mà thượng đế ban tặng cho người phụ nữ nên họ xác định rõ trách nhiệm:

-Mẹ nuôi con bấy lâu rồi

Nuôi con cho đến thành người mới nghe. [24,tr.1470]

Đặc biệt mỗi khi trái gió trở trời, con cái ốm đau, những người mẹ lại phải ngày đêm vất vả, chăm sóc lo lắng thuốc thang cho con, có khi phải thức thâu đêm suốt sáng vì con:

-Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Đêm năm canh chày thức đủ năm canh.[27,tr.519]

Người phụ nữ khi đã có con luôn làm tròn bổn phận, trách nhiệm của mình và dành tất cả tình yêu thương cho con :

- Có con nên phải thua người

Mắc công cho bú, mắc cười với con.[29,tr.557]

- Có con gây dựng cho con

Có chồng gánh vác nước non nhà chồng.[27,tr.360]

Thời phong kiến, cuộc sống bấp bênh, người phụ nữ phải chịu bao nhọc nhằn cay đắng. Nhưng khi làm mẹ thì mọi lo lắng là cuộc sống là tương lai của con :

-Ru bồng, ru bổng, ru bông

Mẹ ru con ngủ, mẹ dông lên làng

Giật vay mớ gạo, mớ lang

Ít nhiều qua bữa, quấy quang qua ngày

Sinh con gặp phải buổi này

Bao giờ mở mặt, mở mày con ơi.[27,tr.554]

Dù hoàn cảnh có gieo neo đến mấy thì lời ru của người mẹ vẫn ngọt ngào, tha thiết. Lời ru ấy là tất cả tấm lòng yêu thương vô bờ bến của tình mẹ và nhắn nhủ mong con nên người:

-Giấc hòe, giấc quế êm êm

Chữ trung, chữ hiếu mẹ tìm mẹ ru

Ru con ước những khang cù.[27,tr.517]

Bao lời ru ngọt ngào, tha thiết cùng tấm lòng của người mẹ đã mãi mãi là ngọn lửa nồng nàn ấm áp sưởi ấm tâm hồn con, truyền cho những người con tình yêu và sức mạnh- sức mạnh của sự hy sinh âm thầm lặng lẽ của người mẹ.

Người phụ nữ còn luôn giàu lòng yêu thương, thủy chung son sắt với chồng. Chung thủy là một trong những nét đẹp tinh thần truyền thống của người phụ nữ. Do đó kể cả khi bước vào tình yêu hay khi đã trưởng thành ở người phụ

nữ Việt Nam luôn sáng ngời nét đẹp này. "*Một trong những điểm nổi bật của những bài ca dao về quan hệ vợ chồng là tiếng hát ca ngợi lòng chung thủy của người bình dân, nhất là của người vợ. Lòng chung thủy là một yếu tố quan trọng giúp cho gia đình êm ấm, hạnh phúc, quan hệ vợ chồng thắm thiết, bền chặt*" [2,tr.60]

Mặc dù như trên ta đã thấy người phụ nữ có thể lấy chồng là do "*Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy",* song dù có lấy phải người chồng nghèo khó, cuộc sống vất vả cơ cực họ vẫn chung thủy hết lòng với chồng:

- Dầu ai áo rách nón xơ

Quyết theo nhau cho trọn đạo, ông tơ đã đề.[28,tr.589]

Người phụ nữ trong xã hội phong kiến khi đã có chồng thì chỉ biết duy nhất có chồng mình. Dù đói, dù rách thì cũng là chồng mình, thậm chí thấy chồng nghèo khổ người phụ nữ còn yêu hơn, thương hơn:

-Chồng người xe ngựa người yêu

Chồng em áo rách, em chiều em thương.[23,tr.265]

Tình cảm thiết tha gắn bó với người bạn đời luôn thường trực trong người phụ nữ ngay cả khi đang lao động:

- Đôi ta chồng cấy vợ cày

Chồng nay sương sớm vợ nay sương chiều

Ta nghèo vui phận ta nghèo

Quản chi sương sớm sương chiều hỡi anh![27,tr.662]

Khi đã lấy chồng người phụ nữ xác định cho mình phải có bổn phận, trách nhiệm, nguyện đi theo chồng để giữ trọn đạo làm vợ:

-Vai mang khăn gói theo chồng

Mẹ kêu con dạ, trở vào lậy mẹ cùng cha

Xưa kia con ở nội gia

Bây giờ con xuất giá tòng phu, nội gia tòng phụ

Sách có chữ: Tam cang thường ngũ

Ngoài bìa có chữ: phu phụ đạo đông

Thương cha nhớ mẹ, đạo thương chồng phải theo.[27,tr.473]

Người phụ nữ trong bài ca dao này quả là hiểu biết rõ đạo lí của nho gia xưa, nghe lời tâm sự ta thấy đúng là một con người biết lễ nghĩa với cha mẹ, một lòng thủy chung son sắt khi theo chồng. Dù đạo " *Tam tòng*" có trói buộc người phụ nữ nhưng rõ ràng người phụ nữ cũng đã có ý thức, tự xác định bổn phận, trách nhiệm một lòng một dạ đi theo chồng:

-Thiếp vì chàng thiếp mới lênh đênh nơi biên ải
Chàng vì thiếp mới lỗi đạo tâm can
Em đây thủ tiết buồng lan
Dẫu hồn về chín suối hãy còn mang tượng chồng.[27,tr.449]

Trong xã hội phong kiến người con trai thì năm thê bảy thiếp nhưng người phụ nữ chính chuyên lại chỉ được có một chồng. Người phụ nữ dù lấy chồng đa mang đèo bòng nhưng vẫn nguyện chung tình:

-Lấy ai cũng lấy một chồng
Kiếm ăn ngày tháng no lòng thì hơn.[28,tr.212]
-Trăm năm quyết chí một chồng
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.[28,tr.832]

Một nét đẹp tinh thần nữa thể hiện phổ biến trong ca dao truyền thống viết về người phụ nữ là sự đảm đang, chịu khó, lo toan, quán xuyến mọi việc trong gia đình. Khi người phụ nữ đã thành gia thất đức tính này càng được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Cuộc sống thường nhật với bao công việc cần phải lo toan, thu xếp, người phụ nữ đã khéo thu vén mọi việc:

-Anh về hái đậu trảy cà
Để em đi chợ kẻo mà lỡ phiên
Chợ lỡ phiên tốn công thiệt của
Miệng tiếng người cười rủa sao yên
Lấy chồng phải gánh giang sơn
Chợ phiên còn lỡ giang sơn còn gì. [23,tr.176]

Người phụ nữ này không chỉ biết lo toan thu vén công việc mà còn khéo

ứng xử với chồng một cách nhẹ nhàng. Viện có "*miệng tiếng người cười*" để động viên anh chồng cùng làm việc chia sẻ vất vả với mình. Họ còn thường tự nguyện đặt lên đôi vai của mình trách nhiệm gánh vác công việc nhà chồng mà không một lời oán thán kêu ca:

-Có con phải khổ vì con

Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.[23,tr.606]

Người phụ nữ luôn xác định khi có con, nuôi con khôn lớn, gây dựng gia đình cho con là trọng trách lớn lao của mình. Để có thể đảm đương được nghĩa vụ, trách nhiệm của một người vợ, người mẹ, người phụ nữ luôn chịu thương chịu khó trong mọi công việc:

-Đất màu trồng đậu trồng ngô

Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn

Ngày rồi em lại đi buôn

Quanh năm no ấm em buồn nỗi chi? [23,tr.816]

Người phụ nữ trong lời ca dao này biết rõ được từng vụ mùa, luân canh làm màu, không để cho đất ngơi nghỉ, khi nông nhàn lại xoay ra buôn bán, lo toan, đảm bảo sao cho gia đình*" trong ấm ngoài êm"*. Bản tính của người phụ nữ hay lam hay làm, nên dù đã lo trọn công việc sản xuất, buôn bán tảo tần khiến gia đình lúc nào cũng no ấm nhưng vẫn cảm thấy lo lắng chưa yên lòng.

Người phụ nữ xưa còn động viên chồng đi lính, một mình quán xuyến, lo toan, hứa hẹn làm tốt mọi việc:

-Chàng ơi phải lính thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi.[27,tr.809]

-Khuyên anh đi lính cho ngoan

Cho dân được cạy, cho quan được nhờ.[27,tr.816]

Biết rõ bổn phận của mình đối với làng, với nước, mọi khoản thuế khoá của làng nước người vợ đều lo lắng cho chồng đầy đủ. Người phụ nữ khuyến khích, động viên chồng làm tròn bổn phận của kẻ nam nhi:

-Tổ tiên để lại em thờ

Anh ra ngoài ải, cầm cờ theo vua.[24,tr.1277]

Lời ca dao trên thể hiện sự hi sinh cao quí của người vợ có chồng đi lính. Tình yêu quê hương, yêu chồng, yêu con đã giúp họ có nghị lực, sẵn sàng quán xuyến công việc ở nhà để chồng được yên tâm lên đường " *Trả nợ nước non*". Thấu hiểu nỗi vất vả gian khổ của chồng nơi trận mạc, có người phụ nữ còn muốn được đi lính thay cho chồng ít năm:

-Phải chăng bạc để lộn vàng

Thiếp đi lính thế cho chàng ít năm.[27,tr.823]

Bởi ở nơi *" hòn tên mũi đạn*" người chồng đang phải đối diện với bao hiểm nguy, liệu có tránh khỏi đau thương mất mát. Người phụ nữ trong cảnh xa chồng phải gánh vác chăm lo mọi việc một mình lại canh cánh nỗi niềm hướng về chồng đang chinh chiến nơi trận mạc. Họ luôn hoàn thành xuất sắc vai trò, bổn phận của mình trong gia đình.

Người phụ nữ có chồng theo nghiệp khoa cử thì luôn động viên chồng đi học, đi thi vì mong chồng lập được công danh:

-Em thời canh cửi trong nhà

Nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng

Trước là vinh hiển tổ đường

Bõ công đèn sách, lưu phương đời đời.[27,tr.338]

- Anh đi em ở lại nhà

Hai vai gánh vác mẹ già con thơ

Lầm than bao quản nắng mưa

Anh đi anh liệu đua chen với đời.[23,tr.111]

Người vợ đảm đang ở đây đã thấu hiểu được sự lo âu của chồng, nên hứa cố gắng hết lòng phụng dưỡng cha mẹ già, chăm nom con dại. Cho dù phải chịu cảnh cơ hàn, dưa muối đạm bạc, người phụ nữ này sẵn sàng làm tất cả mọi việc để chồng yên lòng đua chen lập công danh với đời. Hành động cao đẹp đó của người phụ nữ xưa thật đáng ngợi khen. Họ còn không quản nắng mưa, tần tảo sớm hôm để nuôi chồng ăn học bởi họ hiểu rất rõ sự học của chồng:

-Đôi bên bác mẹ cùng già

Lấy anh hay chữ để mà cậy trông...[27,tr.380]

Đây là hình ảnh người phụ nữ tiêu biểu cho giới vợ hiền ngày xưa được phản ánh rõ nét trong ca dao truyền thống: cần cù nhẫn nại và cam phận. Dù người phụ nữ trong xã hội phong kiến thường phải chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ trong gia đình cũng như ngoài xã hội, nhưng họ đã hy sinh cả cuộc đời vì sự nghiệp của chồng. Hạnh phúc lớn lao nhất của họ là chồng con được vinh hiển:

-Em thì canh cửi việc nhà

Chàng thì đi học, đỗ ba khoa liền

Khoa trước thì đỗ giải nguyên

Khoa sao tiến sĩ đỗ liền ba khoa

Vinh quy bái tổ về nhà

Để thiếp trông thấy thiếp hòa mừng thay...[27,tr.387]

Đôi khi anh chồng lơ là việc bút nghiên, người vợ lại ân cần nhắc nhở một cách khéo léo, tế nhị, nhẹ nhàng :

- Chàng về giữ việc bút nghiên

Đừng tham nhan sắc mà quên học hành

Một mai chiếm được khoa danh

Trước là rạng nghiệp sau mình vinh thân.[28,tr.775]

Cho nên họ không quản ngại thức khuya dậy sớm chăm sóc, nhắc nhở chồng trau luyện thi phú:

- Khuyên anh đọc sách ngâm thơ

Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.[27:788]

- Việc nhà em liệu lo toan

Khuyên chàng học tập cho ngoan kẻo mà.[27,tr.445]

Để khích lệ chồng cũng như mình vượt qua được những khó khăn trở ngại, những giây phút nhọc nhằn, người phụ nữ đã tiếp thêm niềm lạc quan tin tưởng khi mở ra một tương lai xán lạn ngày chồng được đăng khoa bảng vàng:

-Nữa mai chúa mở khoa thi

Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh.[24,tr.679]

Và nhất là cảnh tượng huy hoàng, náo nhiệt ngày chồng được vinh quy bái tổ:

-...Võng anh đi trước, em thì võng sau

Tàn, quạt, hương án theo hầu

Rước vinh quy về nhà bái tổ

Ngả trâu bò làm lễ tế vua

Họ hàng ăn uống say sưa

Hàng tổng, hàng xã mừng cho ông nghè.[27,tr.319]

Người phụ nữ ở bài ca này rất tự hào vì người chồng đỗ đạt sẽ làm vẻ vang tổ tông và đảm bảo cho gia đình một đời sống sung túc, ấm no.

Một nét đẹp tinh thần nữa của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao truyền thống là lòng bao dung độ lượng, ứng xử khéo léo. Bất cứ người phụ nữ nào, khi lấy chồng, cũng mong muốn có được một tấm chồng đàng hoàng tử tế, yêu vợ thương con, chí thú làm ăn. Nhưng nếu không may gặp phải người chồng không ra gì, họ cũng đành nhẫn nhục cam chịu và chỉ nhỏ nhẹ nhắc nhở mỗi lúc chồng sa ngã cờ bạc bỏ bê công việc:

-Anh đi ghe nổi chín chèo

Bởi anh thua bạc nên nghèo nợ treo

Nợ treo mặc kệ nợ treo

Em bán bánh bèo trả nợ nuôi anh. [29,tr.552]

Lẽ thường khi chồng cờ bạc, nợ nần người vợ sẽ rất bất bình nhưng người phụ nữ trong cảnh ngộ này đã khéo nén lòng phân tích nhắc nhở cho người chồng thấy công việc vất vả "*đi ghe nổi chín chèo"* mà ham mê cờ bạc *" nên nghèo nợ treo*" đeo đẳng cuộc sống. Lòng cao thượng, vị tha của người phụ nữ trong hoàn cảnh này là vẫn yêu thương chồng không hề oán thán kêu ca, cố gắng tần tảo buôn bán trả nợ cho chồng và thậm chí nuôi cả chồng. Khi đã thành gia thất người phụ nữ còn tỏ ra rất khéo léo ở cách ứng xử trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Họ xác định đã về nhà chồng phải tuân theo gia đình nhà chồng. Phải thờ cha mẹ chồng và tổ tiên nhà chồng, phải theo chồng cho đúng đạo:

-Em về Đập Đá quê cha

Gò Găng quê mẹ, Phú Đa quê chồng.[27,tr.516]

-Ai về cầu ngói, Giạ Lê

Cho em về với thăm quê bên chồng.[27,tr.305]

Cũng có lúc người phụ nữ gặp cảnh chồng say mê tửu sắc, mải mê chơi bời, dù rất đau lòng nhưng họ chỉ khéo léo nhỏ nhẹ nhắc nhở bằng lời lẽ đôn hậu đằm thắm:

-Anh đi chơi nhởn đâu đây?

Phải cơn mưa này ướt áo lấm chân

Chậu nước em để ngoài sân

Em chờ anh rửa xong chân, anh vào nhà

Vào nhà em hỏi tình ta

Trăm năm duyên ngãi mặn mà hay không?[23,tr.110]

Chúng ta thấy rõ cách ứng xử của người phụ nữ này thật là tế nhị, mặc dù không vừa lòng về chồng con nhưng vẫn nhẹ nhàng, đằm thắm. Họ đã biết nén lại tất cả nỗi bực dọc vào trong lòng, vẫn chu tất quan tâm đến chồng. Bởi hơn ai hết người vợ đó hiểu rõ "*xấu chàng thì hổ ai"* và vợ chồng không nên không phải cần*"đóng cửa bảo nhau*", nên đã dùng cách *" Lạt mềm buộc chặt*" dùng tình thương yêu, nghĩa vợ chồng để giữ chồng bên mình. Khi chồng giận người vợ biết chủ động làm lành:

-Chồng giận thì vợ làm lành

Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì?[27,tr.347]

-Đang khi chồng giận mình đi

Hết khi nóng giận, đến khi vui vầy

Ngãi nhơn như bát nước đầy

Bưng đi mà đổ hốt rày đặng đâu.[27,tr.371]

Phải là một người phụ nữ sống sâu sắc nghĩa tình thì mới có thể nghĩ trước, nghĩ sau giữ cho trong ấm ngoài êm đến như vậy. Vì thấu hiểu đạo lí, nghĩa vợ chồng thiêng liêng nên người vợ đã ứng xử rất khéo léo, tế nhị để gia

đình luôn hòa thuận. Không chỉ chu đáo ứng xử với chồng, với gia đình nhà chồng, người phụ nữ còn rất chu đáo khi tiếp đãi khách của chồng:

-Cái bống là cái bống bình
Thổi cơm nấu nước một mình mồ hôi
Rạng ngày có khách đến chơi
Cơm ăn rượu uống cho vui lòng chồng
Rạng ngày ăn uống vừa xong
Tay nhấc mâm đồng, tay trải chiếu hoa
Nhịn miệng đãi khách đằng xa
Ấy là của gửi chồng ta ăn đàng.[27,tr.319]

Người phụ nữ đã khéo cư xử nhịn ăn để đãi khách, làm đẹp mặt chồng và làm chồng tự hào, vui vì mình đúng như câu tục ngữ cũng đã nói *" Giàu vì bạn, sang vì vợ".*[10:81]

Dù ở hoàn cảnh nào người phụ nữ Việt Nam đều tần tảo đảm đang trong cuộc sống. Ở họ luôn sáng ngời vẻ đẹp của đức hi sinh, làm tròn bổn phận, vai trò của một người con, người vợ, người mẹ. Luôn thủy chung son sắt, yêu chồng thương con, hết lòng lo toan, đảm đang gánh vác công việc, nuôi dạy con cái, rồi động viên chồng đi học đi thi, đi lính... Đặc biệt phụ nữ Việt Nam tỏ ra khéo léo trong cách ứng xử giao tiếp. Đó là cơ sở cho sự khẳng định, phát triển vai trò địa vị của họ trong xã hội hiện đại.

TIỂU KẾT

Chương viết đã khảo sát nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt ở hai phương diện cơ bản nét đẹp về hình thức và nét đẹp về tinh thần. Trong Nét đẹp về hình thức có: nét đẹp về thể chất và nét đẹp về trang phục. Còn nét đẹp về tinh thần thể hiện ở hai chặng cuộc đời quan trọng của người phụ nữ: người phụ nữ thuở con gái và người phụ nữ khi thành gia thất.

Về nét đẹp hình thức, đầu tiên là nét đẹp thể chất của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao cổ truyền người Việt. Xuất phát từ quan điểm thẩm mĩ của người bình dân xưa : *" Cái răng cái tóc là góc con người* ", nên nói về nét

đẹp thể chất của người phụ nữ, ca dao cũng đã chú ý nhiều tới vẻ đẹp "*Tóc-răng- mắt*", sau đó là má hồng và dáng vẻ khác. Qua những vẻ đẹp đó, ta thấy nét đẹp thể chất của người phụ nữ trong ca dao là cái đẹp khỏe mạnh, tươi tắn, gần gũi, tự nhiên và gắn bó với cuộc sống lao động. Nét đẹp thể chất tồn tại mãi với thời gian là nét duyên dáng, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng, bình dị của người phụ nữ Việt Nam. Đồng thời trong tình yêu đôi lứa cũng như trong cuộc sống của con người những nét đẹp về hình thể chỉ được ngợi ca khi vẻ đẹp thể chất kết chặt với vẻ đẹp tâm hồn, tạo nên sự hài hòa và hoàn hảo ở người phụ nữ. Một nét đẹp hình thức nữa của người phụ nữ là nét đẹp trong trang phục. Hình ảnh của chiếc yếm, cái áo, cái khăn và cái nón được ca ngợi nhiều vì đây chính là trang phục cổ truyền và quen thuộc thường nhật của người phụ nữ Việt, làm tôn lên vẻ đẹp của họ. Đồng thời vẻ đẹp trang phục cổ truyền của người phụ nữ cũng đã ẩn chứa trong đó bao tình nghĩa đậm đà của hồn quê Đất việt, làm nên bản sắc văn hóa muôn đời của con người, dân tộc, đất nước Việt Nam.

Về nét đẹp tinh thần trước hết là nét đẹp tinh thần của người phụ nữ thuở con gái. Ca dao cổ truyền người Việt đã biểu đạt những nét đẹp tinh thần rất dễ nhận thấy của người phụ nữ Việt Nam là luôn hiểu thảo, nghe lời cha mẹ, luôn giữ gìn ý tứ, ứng xử tế nhị trong mọi tình huống và lòng chung thủy son sắt trong tình yêu. Đến khi đã thành gia thất, ca dao tiếp tục cho thấy dù ở cảnh ngộ nào nét đẹp tinh thần của người phụ nữ vẫn phát huy và ngời sáng. Người phụ nữ luôn ý thức bổn phận, vai trò làm con, làm vợ, làm mẹ. Người phụ nữ luôn giàu lòng yêu thương, thủy chung son sắt với chồng. Để có thể gánh được trọng trách cao cả nhưng rất nặng nề, người phụ nữ rất đảm đang, chịu khó, lo toan, quán xuyến mọi việc trong gia đình và nuôi dạy con cái, rồi động viên chồng đi học, đi thi, đi lính...Và ở họ luôn có một tấm lòng bao dung độ lượng, ứng xử khéo léo trong mọi hoàn cảnh

Như vậy dù ở chặng đời nào, hoàn cảnh nào, xã hội có khắt khe bởi những luân lí thì người phụ nữ Việt vẫn ngời sáng vẻ đẹp cao quý của đức hy sinh luôn hướng về hạnh phúc gia đình.

Chương 3

NGHỆ THUẬT BIỂU ĐẠT NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CA DAO CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

3.1. NHẬN THỨC VÀ HƯỚNG LÍ GIẢI

Ca dao vốn là những bài hát tình tứ, là khuôn thước của thơ trữ tình dân gian. Người dân lao động gửi gắm tâm tình của mình trong từng lời ca. Từ cảm xúc mà cấu tạo nên lời ca, do đó trong từng lời ca mang đậm dấu ấn tư tưởng. Những bài ca dao trữ tình không chỉ mang lại tình cảm tha thiết sâu lắng của tâm hồn con người mà còn khẳng định, ngợi ca, phát huy những phẩm chất tốt đẹp mang tính nhân văn của con người Việt Nam nói chung và người phụ nữ Việt nam nói riêng.

Bởi ca dao là thơ trữ tình nên hình thức nghệ thuật của nó về cơ bản khác hình thức tự sự bằng thơ và các thể loại tự sự khác. Nếu các thể loại tự sự như thần thoại, sử thi, cổ tích... các yếu tố về sự kiện, hiện tượng có mặt chủ đạo thì trong ca dao (thơ trữ tình) việc biểu hiện mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng bằng tư tưởng và tình cảm là chủ yếu. Các thể loại tự sự có ưu thế lớn trong việc kể về những gì xẩy ra trong cuộc sống còn thơ trữ tình lại có khả năng đặc biệt trong việc biểu đạt những sự kiện và truyền đạt tư tưởng cảm xúc để những sự kiện đó tác động vào tâm hồn con người.

Những tư tưởng tình cảm được biểu đạt trong ca dao không trừu tượng mà bằng phương thức nghệ thuật cụ thể và những tư tưởng, tình cảm được phản ánh trong các phương thức nghệ thuật đã tạo nên những giá trị tư tưởng thẩm mĩ cho ca dao.

** Khái niệm tư tưởng thẩm mĩ*

Những quan niệm và ý nghĩ chung của con người đối với việc cảm thụ và hiểu biết về cái đẹp trong tự nhiên, trong xã hội, ở trong con người, trong nghệ thuật được gọi là tư tưởng thẩm mĩ.

** Giá trị tư tưởng thẩm mĩ.*

Ta biết rằng nhu cầu về cái đẹp là nhu cầu rất quan trọng có tính bản chất của con người. Dù ở đâu, làm gì, khi nào, con người cũng luôn có xu hướng vươn lên cái đẹp. Không phải chỉ ở riêng nghệ thuật mới thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp, song trong lĩnh vực giá trị của thẩm mĩ, nghệ thuật có trách nhiệm nặng nề hơn cả. Nghệ thuật là nơi nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ của con người, nơi gìn giữ và phát triển chất nghệ sĩ có trong mỗi tâm hồn, khơi dậy và tiếp sức cho những rung động về cái đẹp, nơi giữ cho tâm hồn người không bị chai sạn mà luôn mới mẻ, nhậy cảm với cái đẹp, nhạy cảm với vẻ đẹp của từng giọt sương, chiếc lá, một tia nắng, một ánh trăng...và do đó cũng không bao giờ nguội lạnh, thờ ơ với vẻ đẹp của con người. Để từ đó mà con người biết căm phẫn, đau đớn xót xa trước cái xấu, cái ác và tha thiết yêu thương hướng về cái đẹp, cái thiện. Nghệ thuật chân chính sẽ bồi đắp cho cảm xúc thẩm mĩ thêm phong phú, đồng thời cũng làm cho cuộc sống luôn hướng tới những điều tốt đẹp và cao cả.

Để làm nên giá trị tư tưởng thẩm mĩ, mỗi tác phẩm đều được sáng tạo bằng những chất liệu riêng biệt. Chất liệu của âm nhạc là giai điệu, âm sắc của nhạc cụ, chất liệu của hội họa là hình khối, đường nét, mảng, màu sắc còn chất liệu của văn học là ngôn từ. Cho nên muốn khám phá được giá trị tư tưởng thẩm mĩ của tác phẩm văn học, rõ ràng ta phải xem xét tác phẩm văn học như là một chỉnh thể thống nhất giữa các thành tố thi pháp ở những cấp độ nghệ thuật như: ngôn ngữ, kết cấu, nhân vật, thời gian, không gian, lời văn nghệ thuật, quan niệm nghệ thuật của tác giả về xã hội và con người...

Mỗi thành tố thi pháp ở những cấp độ khác nhau đều bao gồm cả hai phương diện nội dung tư tưởng ở trong hình thức thẩm mĩ và hình thức thẩm mĩ mang tính nội dung.

3.2. MỘT SỐ YẾU TỐ THI PHÁP

Mỗi bài ca dao là cả một tấm lòng của người nghệ sĩ dân gian mà kết cấu của nó là một kiến trúc, một tổ chức phù hợp với nội dung phản ánh. Những tư

tưởng, tình cảm được biểu đạt trong ca dao không trừu tượng mà bằng những phương thức nghệ thuật cụ thể. Những đặc điểm cấu trúc tác phẩm, hệ thống những phương tiện phản ánh, những chức năng tư tưởng thẩm mĩ...đã tạo thành thi pháp ca dao. Để diễn tả nét đẹp của người phụ nữ, ca dao đã sử dụng một số yếu tố thi pháp như: Đặc điểm cấu trúc, thể thơ, thế giới biểu tượng, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật .v.v...

3.2.1. Đặc điểm cấu trúc

Ca dao Việt Nam thường có cấu trúc ngắn gọn, tác giả Phạm Thu Yến trong Những thế giới nghệ thuật của ca dao đã đưa ra những con số thống kê về cấu trúc ca dao. Khảo sát tổng số 2572 bài ca dao trong cuốn Ca dao trữ tình Việt nam:" *Số bài viết có cấu trúc ngắn hai dòng thơ chiếm 53% (1376 bài). Số bài bốn dòng thơ chiếm 29% (734 bài)...từ bốn dòng thơ trở lên chiếm 18% (462 bài)* [64,tr.29]

Bàn về tính chất ngắn gọn của thể thơ lục bát trong ca dao, tác giả Nguyễn Xuân Kính cũng đã trích dẫn ý kiến của Hoàng Tiến Tựu : *" Trong tổng số 1.295 bài của cuốn ca dao Việt Nam trước cách mạng, số bài hai dòng là 635 (50%), số bài bốn dòng: 360 (25%), số bài sáu dòng: 121 (10%), số bài mười dòng: 59 (5%), gộp các bài từ 12 dòng trở lên chỉ khoảng 5% (64 bài)"* [15,tr.120]

Nhìn vào sự thống kê trên cùng với việc tìm hiểu những bài ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ, chúng tôi nhận thấy : ngắn gọn là đặc điểm của cấu trúc ca dao người Việt, đặc điểm này đã chi phối cách cấu tứ của ca dao về các chủ đề. Khi xem xét phương diện cấu trúc của bài ca dao, các nhà nghiên cứu đã tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau. Tác giả Đỗ Bình Trị trong cuốn Văn học-giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ Cao đẳng sư phạm và sư phạm 12+2 (tập 2) đã nhận định: " *Trong ca dao chỉ có hai hình thức kết cấu cơ bản và một số biến thể do hai hình thức gốc ấy biến hóa ra. Đó là: 1/ lối đối đáp;2/ lối kể chuyện*".[60,tr.268]. Trong hai hình thức kết cấu trên, lối đối đáp là hình thức kết cấu đặc trưng, đa năng và phổ quát hơn cả " *vì phần lớn ca dao trữ tình đều*

nẩy sinh và sử dụng, lưu truyền trong sinh hoạt ca hát đối đáp nam nữ." [60,tr.268].

Nguyễn Xuân Kính trong *Thi pháp ca dao* đã chỉ ra các dạng cấu trúc của bài ca dao: " *Kết cấu một vế đơn giản, kết cấu một vế có phần vần*" [15,tr.155-156]; *" Kết cấu hai vế đối lập, kết cấu hai vế tương hợp, kết cấu nhiều vế nối tiếp*". [15,tr.159-160-161]

Và trong *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, tác giả Phạm Thu Yến đã nêu rõ hai hình thức cấu trúc của ca dao*: kết cấu một vế* [63,tr.31] và *kết cấu đối đáp* [64,tr.32].

Trong khi tìm hiểu những bài ca dao cổ truyền nói về nét đẹp của người phụ nữ, chúng tôi nhận thấy những bài ca dao này cũng có hai hình thức cấu trúc chủ yếu: Kết cấu đối đáp và kết cấu một vế. Bên cạnh đó còn có những bài ca dao có kết cấu gợi mở, mượn chuyện này nói chuyện kia để biểu đạt sâu sắc nét đẹp tinh thần của người phụ nữ.

***3.2.1.1. Kết cấu đối đáp*:**

Như đã trình bầy ở trên, ca dao trữ tình được sáng tác một phần lớn do nhu cầu hát xướng đối đáp nam nữ, do đó nhiều bài được làm dưới hình thức đối đáp là điều dễ hiểu. Và hình thức này đã trở thành thông dụng khiến nhiều bài ca dao dù không được làm ra để hát xướng đối đáp vẫn có hình thức đối đáp. Chẳng hạn đối đáp hai vế :

-Vào vườn hái quả cau non
Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.
Hai má có hai đồng tiền
Càng nom càng đẹp, càng nhìn càng ưa.
Anh đà có vợ con chưa
Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.
Mẹ già anh để nơi nao
Để em tìm vào hầu hạ thay anh. [10,tr.860]

Bài ca dao trên có cấu trúc đối đáp hai vế rõ rệt. Lời tỏ tình của chàng trai

thật khéo, vừa bày tỏ được khát vọng nên duyên để tiến tới hôn nhân vừa ngợi ca vẻ đẹp tự nhiên duyên dáng của người con gái mình yêu. Lời của cô gái cũng vậy vừa khen " *Mà anh ăn nói gió đưa ngọt nào*", vừa đặt câu hỏi " *Anh đà có vợ hay chưa*",vừa đồng cảm để sẵn sàng tiến tới hôn nhân *" Mẹ già anh để nới nao/ Để em tìm vào hầu hạ thay anh"*

Đây là đối đáp một vế :

-Hỡi người ngồi hát bên này

Răng đen nhay nháy tựa màu hạt na.[28,tr.227]

Dù chỉ có một vế là lời của chàng trai, nhưng ta vẫn có thể hiểu có một người con gái đang lắng nghe lời bày tỏ tình cảm của chàng trai. Sự im lặng của người con gái cũng chính là câu trả lời với chàng trai mà cô rất đỗi thương yêu. Khi tìm hiểu những bài ca nói về nét đẹp về hình thức của người phụ nữ, chúng tôi nhận thấy nổi trội hơn cả là cấu trúc một vế. Bởi những bài ca này có thể là lời ngợi ca của người khác phái hay của chính người phụ nữ vừa là chủ thể vừa là đối tượng của nội dung lời ca dao.

Đại từ nhân xưng là hình thức ngôn ngữ thể hiện rõ phương thức diễn xướng qua lối kết hợp câu đối đáp trong ca dao dân ca, chủ yếu ở ngôi thứ nhất và thứ hai như: *anh - em, chàng - thiếp, mình - ta, đó - đây, anh ba - em, chị hai - tôi, qua - bậu, tui - mình, bạn - ta, anh - cô nường.....:*

- Hỡi cô yếm trắng kia là

Lại đây anh gửi lược ngà cùng gương.[29,tr.201]

- Ta về ta cũng nhớ mình

Nhớ yếm mình mặc, nhớ tình mình trao.[29,tr.594]

Đó là những lời thơ thể hiện rõ dấu ấn của lối kết cấu đối đáp, trò chuyện mang đặc trưng bản chất thể loại của ca dao. Với lối trò chuyện, đối đáp trực tiếp, đại từ nhân xưng trong ca dao đã được sử dụng một cách hết sức linh hoạt và độc đáo. Và cách xưng hô trong ca dao là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng khẳng định phương thức diễn xướng của thể loại. Phương thức

diễn xướng của thể loại ca dao dân ca với lối sử dụng đại từ nhân xưng là sự thể hiện của phong cách ngẫu hứng trong sinh hoạt diễn xướng dân ca. Đôi khi đó chỉ là những lời hát bâng quơ của những cặp nam nữ bất chợt gặp nhau trên đường hay là những câu ca đối đáp của gái trai trong quá trình lao động, cũng có khi nó là những cuộc hát có tổ chức vào những dịp lễ hội nhất định. Song dù dưới hình thức nào thì hành động diễn xướng ở đây không nhất thiết phải là "*đối giọng*" mà còn được thể hiện qua "*đối lời*" vì vậy cách xưng hô trong ca dao đóng vai trò quan trọng nhằm diễn tả mọi sắc thái biểu cảm nội dung ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Tính phiếm chỉ, xu hướng không cá thể hóa nhân vật là đặc điểm của thơ ca dân gian Việt Nam mà lối sử dụng đại từ nhân xưng là một trong những thủ pháp nghệ thuật nổi bật làm tăng thêm giá trị diễn xướng của những lời ca nói về nét đẹp của người phụ nữ.

3.2.1.2. Kết cấu gợi mở

Lối kết cấu này thường được dùng để khắc họa nét đẹp tinh thần hay chính là vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. Chẳng hạn từ sự việc bình thường: trong một đêm buồn nhớ chồng xa vắng lâu ngày, người phụ nữ không ngủ được, trở dậy ra bờ ao ngắm nhìn cảnh vật cho khuây khỏa nỗi lòng:

-Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ

Nỗi buồn của người phụ nữ mỗi lúc một rõ rệt hơn, thấm thía hơn:

Buồn trông con nhện giăng tơ

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Buồn trông chênh chếch sao mai

Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?

Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà

Chuôi sao tinh đẩu đã ba năm tròn.

Đến hai câu cuối:

Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy, hãy còn trơ trơ. [10,tr.469]

Ta thấy hai câu này không nhằm kết ý toàn bài theo cách thông thường của một bài thơ cổ điển, nghĩa là thay vì phải tập trung vào tâm sự buồn nhớ trầm thiết trong lòng vợ bấy giờ, thì ở đây, ý thơ lại đột ngột chuyển biến, mở ra một niềm tin yêu mãnh liệt của người vợ đối với người chồng xa vắng.Tình yêu thủy chung son sắt của người phụ nữ thách đố cả với thời gian và không gian:

" Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy, hãy còn trơ trơ".

Ca dao cổ truyền người Việt khi khắc họa nét đẹp tinh thần của người phụ nữ đã sử dụng phương thức diễn đạt độc đáo này. Đây là lối trình bầy gián tiếp qua từ ngữ, sự việc mà chúng ta phải dựa vào ý tứ của bài ca dao mới suy ra được chủ ý của tác giả. Như nói về từ "*trông*", sự *"trông*" nhưng cốt gián tiếp nói đến nỗi *"nhớ"*. Chẳng hạn:

-Ngày ngày em đứng em trông
Trông non non ngất, trông sông sông dài.
Trông mây, mây kéo ngang trời
Trông trăng trăng khuyết, trông người người xa. [10,tr.652]

Hay như nói về từ "*nhớ*", nỗi "*nhớ*" nhưng cốt gián tiếp nói tới niềm "*yêu*":

Nhớ ai em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
Nhớ ai ra ngẩn, vào ngơ
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai. [10,tr.661]

Độc đáo hơn cả là có những bài ca dao khi nói về tâm tình của người phụ nữ sử dụng đến thủ pháp nói ngược với đề tài, nhưng tình ý gửi gắm vẫn đạt được hiệu quả mong muốn:

-Từ ngày ăn phải miếng trầu
Miệng ăn môi đỏ, dạ sầu đăm chiêu
Biết là thuốc dấu hay bùa yêu
Làm cho thiếp phải nhiều điều xót xa.
Làm cho quên mẹ, quên cha

Làm cho quên cửa, quên nhà

Làm cho quên cả đường ra, lối vào

Làm cho quên cá dưới ao

Quên sông tắm mát, quên sao trên trời. [10,tr.834]

Bài ca dao trên không một lần nhắc đến từ "*nhớ*" nỗi *"nhớ*", mà trái lại đã sử dụng điệp ngữ "*quên*" đến 8 lần để kể lể về những sự quên. Từ "*quên cha, quên mẹ"* là những người thân yêu nhất đến quên hết những thú vui vầy cùng thiên nhiên mà người thiếu nữ ở đây hằng ưa thích. Như thế, càng nói *"quên*" bao nhiêu lại càng làm nổi bật ý "*nhớ"* bấy nhiêu, vì chỉ nhớ một người mà làm cho quên tất cả. Hình ảnh và tình yêu người đó đã chiếm trọn vẹn tim óc của người thiếu nữ này đến nỗi không còn một hình ảnh, một tình cảm nào len lỏi vào được nữa. Thế mới biết ma lực của tình yêu có thể làm cho con người ta trở thành mê muội, mất hết cả sáng suốt và quân bình cần có giữa đời sống tình cảm và lý trí. Hay ở trong bài ca dao:

- Nhớ xưa anh bủng, anh beo

Tay nâng chén thuốc lại đèo múi chanh.

Bây giờ anh tốt, anh lành

Anh âu duyên mới, anh đành phụ tôi.

Đất xấu nặn chẳng nên nồi

Chàng đi lấy vợ để thiếp tôi đi lấy chồng

Chàng đi lấy vợ cách sông

Thiếp tôi lơ lửng lấy con ông lái đò.

Phòng khi chàng có sang đò

Sông sâu, sóng cả thiếp lo cho chàng.[10,tr.675]

Người phụ nữ ở đây bị chồng có ý ruồng rẫy để đi lấy người khác. Nhờ có tình nghĩa và nhất là nhờ vào sự ăn nói khôn ngoan, biết dùng thủ pháp nói *"ly*" để hướng về *"hợp"* mà nàng đã cứu gỡ được hoàn cảnh tan nát của gia đình, vừa giữ được chồng, vừa gây thêm được tình nghĩa keo sơn gắn bó. Bốn câu đầu (1-4) người phụ nữ kể lể công lênh tình nghĩa của mình đối với

chồng khi chàng đau ốm, để có cớ trách ai kia nay đang tâm phụ rẫy nàng. Sáu câu tiếp (5-10) nàng chấp nhận chuyện chia ly "*Chàng đi lấy vợ để thiếp tôi đi lấy chồng*", nhưng nàng bước đi bước nữa không phải để trả thù theo thói thường tình "*ông ăn chả, bà ăn nem",* như trong một bài ca dao dị bản khác:

- Anh đi lấy vợ cách sông

Em đi lấy chồng giữa ngõ anh ra..[29:665]

mà chẳng qua là sự vạn bất đắc dĩ, vì thân cô, thế cô, bơ vơ không nơi nương tựa:

-"Thiếp tôi lơ lửng lấy con ông lái đò"

Hơn nữa*, "lấy con ông lái đò"* cũng là vì nghĩ đến chồng*:*

" Phòng khi chàng có sang đò

Sông sâu, sóng cả thiếp lo cho chàng".

Người phụ nữ ở đây tỏ ra rất sành tâm lý, đã phải đặt ra vấn đề ly hôn để thỏa mãn ý chồng, có thế người chồng mới có đủ rộng lượng và kiên nhẫn để nghe vợ kể lể nỗi niềm. Nhờ đó, người phụ nữ đã có dịp đem chuyện tình nghĩa mà thuyết phục. Chắc hẳn người vợ trong hoàn cảnh này đã thành công, vì có người chồng nào lại nỡ phụ một người vợ thủy chung, chí tình chí nghĩa với mình như vậy. Tóm lại, nghệ thuật độc đáo của bài ca dao này chính là phép nói *"ly"* để thuyết *"hợp"* vậy.

3.2.1.3. Hiệu quả của thể lục bát

Ta thấy ca dao là một thể loại của văn học dân gian có tính trữ tình, có vần điệu, phần lớn là thể thơ lục bát. Nhịp điệu của thể thơ này linh hoạt, uyển chuyển, không gò bó, không bị hạn chế về độ dài ngắn của tác phẩm. Thể thơ lục bát có sở trường trong việc diễn đạt các trạng thái xúc cảm đa dạng. Trong cuốn ***Thi pháp ca dao***, tác giả Nguyễn Xuân Kính đã trích dẫn ý kiến của Nguyễn Đình Thi nói về sự ưu việt của thể thơ lục bát: "*Dùng một hình ảnh ta có thể ví lối thơ Đường luật như một chiếc bình pha lê kết tinh trong suốt nhưng không đủ sức lôi cuốn của một dòng sông. Thơ lục bát, trái lại, vì hợp với tiếng nói nước ta hơn nên có thể dùng được nguồn cảm hứng tràn lan, đó là thể thơ*

ca hát, kể chuyện của dân chúng".[15,tr.119]

Theo Tổng tập văn học dân gian người Việt (tập 15), Nguyễn Xuân Kính chủ biên cho biết: *" Trong bài tựa sách* ***Quốc âm từ điệu*** *ở TK XIX, Phạm Đình Toái đã nhận xét: "Thể thơ lục bát đâu đâu cũng quen thuộc không hẹn mà giống nhau, tao nhân mặc khách mở miệng nên thơ, gái dệt, trai cày nói lời hợp điệu, cho đến câu hát của xóm làng, lời đùa của trẻ con cũng không gì là không nhịp nhàng, hợp vần"* [27,tr.64].

"*Trong sách Kho tàng ca dao người Việt, có 10.305 lời ca dao trên tổng số 11.825 lời được sáng tác theo thể lục bát, chiếm 87%*".[27,tr.64]

"*Trong sách Ca dao Việt Nam, có 973 lời trên tổng số 1015 lời được sáng tác theo thể lục bát, chiếm 95%*" [27,tr.64]

Do yêu cầu phản ánh, thể hiện tình cảm cần lời ít mà ý sâu, càng ngắn gọn càng dễ nhớ, dễ lưu truyền, phổ biến nên tính kiệm lời, cô đọng, ngắn gọn là đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật biểu hiện của ca dao. Cho nên những bài ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ cũng thường có một đơn vị tác phẩm (một cặp 6/8) hoặc gồm hai đơn vị tác phẩm(hai cặp 6/8). Tuy nhiên khác với truyện cổ, phương thức biểu hiện tình cảm của ca dao ngắn gọn, cô đọng nhưng giàu sức chứa chở cảm xúc. Ví dụ: khi đề cập đến thân phận, cuộc đời, tương lai của người phụ nữ, mỗi miền đất lại có cách thể hiện khác nhau: Các cô gái miền Bắc nói về tâm trạng mình:

-Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?[10,tr.774]

Cùng tâm trạng, tình cảm đó, cô gái Trung Bộ thể hiện:

-Thân em như chiếc thuyền tình

Mười hai bến nước linh đinh

Biết đâu trong đục nương mình gửi thân.[10,tr.775]

Trên miền đất Nam Bộ, dù thiên nhiên có hào phóng ban tặng nhiều sản vật phong phú thì người con gái vẫn có nỗi lo:

-Thân em như trái bần trôi

Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu?[10,tr.740]

Những thân phận mong manh, lênh đênh như "*tấm lụa đào*", "*chiếc thuyền tình", "trái bần trôi*" đã mang tâm hồn, tình cảm, dấu ấn thiên nhiên miền đất sinh sống của những người con gái không có quyền định đoạt số phận, hạnh phúc, cuộc đời. Nỗi đau khổ, cay đắng chất chứa trong tiếng thở than nghẹn ngào đã làm rung lên niềm thương cảm của trái tim bao người nghe. Do đặc điểm ngắn gọn nên dung lượng phản ánh của mỗi lời ca dao rất hàm súc. Hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú, đa dạng, phức tạp. Tâm hồn, cảm xúc của con người rất tinh tế, nhiều cung bậc. Mỗi lời ca dao đã phản ánh một khía cạnh của cuộc sống, nên từ đó có hiện tượng trái nghĩa, hay có nhiều cách biểu hiện khác nhau. Ta hãy nghe một cô gái miền Bắc nói về bổn phận:

-Có chồng thì phải theo chồng

Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng theo.[27,tr.359]

Tương tự, cô gái miền Nam cũng nói:

-Có chồng phải luỵ cùng chồng

Nắng mưa phải chịu, mặn nồng phải theo.[27,tr.359]

Thực tế lại có lời ca dao biểu hiện thái độ:

-Có chồng thì mặc có chồng

Còn đi chơi trộm kiếm đồng mua rau.[27,tr.359]

Bên cạnh lời ca dao ca ngợi người phụ nữ chung thuỷ:

-Đã nguyền hai chữ đồng tâm

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.[27,tr.370]

thì lại có những lời có nội dung trái ngược:

-Chính chuyên chết cũng ra ma

Lẳng lơ chết cũng khiêng ra ngoài đồng.[10,tr.304]

Trong những câu ca này ta cần hiểu thủ pháp tương phản để thể hiện sự phản kháng quyết liệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, chống đối lại lễ giáo hà khắc và những quan niệm cực đoan.

Như vậy, qua nhiều lời ca dao nói chung và những bài ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ nói riêng, ta thấy tính thống nhất nổi bật đó là sự ngắn gọn, kiệm lời, cô đọng, hàm súc. Tính chất ngắn gọn là một đặc điểm chung, thống nhất của ca dao cổ truyền và nó được thể hiện chủ yếu thông qua thể lục bát, là thể thơ chiếm số lượng lớn trong ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ.

3.2.2. Thế giới biểu tượng

3.2.2.1. *Một số biểu tượng biểu đạt nét đẹp người phụ nữ*

Trong cuốn *Thi pháp ca dao*, tác giả Nguyễn Xuân Kính đã khẳng định: "*Biểu tượng là hình ảnh cảm tính về hiện thực khách quan, thể hiện quan niệm thẩm mỹ, tư tưởng của từng nhóm tác giả (có khi của riêng một tác giả), từng thời đại, từng dân tộc và từng khu vực cư trú....Trong các tác phẩm văn học, để tạo nên các biểu tượng, nghĩa đen, nghĩa biểu vật của các từ ngữ sẽ không được khai thác, ở đây chủ yếu nghĩa biểu cảm, nghĩa bóng của ngôn ngữ sẽ phát huy tác dụng. Cơ sở để tạo nên các biểu tượng là hiện thực khách quan.*"[15,tr.185].

Ca dao cổ truyền ra đời từ ngàn xưa, gắn với cuộc sống trăm đắng ngàn cay nhưng đậm tình nặng nghĩa của nhân dân Việt nam. Những câu hát phản chiếu vẻ đẹp của con người Việt Nam và đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam đã được biểu đạt sâu sắc với một thế giới biểu tượng phong phú. Những đề tài ca dao bắt nguồn từ thực tế cuộc sống lao động sản xuất và những sinh hoạt đời thường, từ những rung động tinh tế trước thiên nhiên, từ đời sống thuần hậu chất phác của người lao động. Chính vì thế, những biểu tượng được dùng trong ca dao mộc mạc nhưng mang theo bao hơi thở tâm tình, những nỗi niềm thân phận. Toát lên từ những lời ca là ý thức về phẩm giá, nhân cách, là những tình cảm thương nhớ đợi chờ, là khát vọng được sẻ chia, là ước ao về cuộc sống thủy chung mặn nồng. Ta hãy nghe những lời tình tự trong mô-tip "*thân em*" quen thuộc của ca dao:

-Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.[28,tr.796]

Không ngẫu nhiên khi những ví von về người phụ nữa lại gắn với hình ảnh *"tấm lụa đào"* gợi cảm, vừa mềm mại dịu dàng như bản tính cố hữu của người phụ nữ, vừa tươi tắn sắc đào tươi như sức sống mãnh liệt của tâm hồn. Thế nhưng tấm lụa cao quí ấy đã trở thành món hàng trao đổi – phất phơ giữa chợ. Thân phận người phụ nữ ngày xưa là thế, mỏng manh, phụ thuộc không biết đi đâu về đâu giữa dòng đời trong đục khó phân. Bởi thế, lời ca dao như một tiếng than, ngậm ngùi trong câu hỏi vọng lên biết vào tay ai? Dẫu phải rơi vào những nghịch cảnh như vậy, những lời ca về thân em vẫn toát lên một niềm kiêu hãnh về phẩm giá:

-Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen
Ai ơi, nếm thử mà xem
Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.[28,tr.794]

Trong lời ca dao này, chứa đựng cái nhìn dân gian quanh việc đánh giá hình thức - nội dung, hiện tượng - bản chất qua một so sánh trực quan với củ ấu gai nhỏ bé. Vẫn là cách nói nhún nhường thân em, nhưng kín đáo bộc lộ vẻ đẹp *"ruột trong thì trắng"* đối lập với vẻ bề ngoài đen đủi xấu xí. Lời nhắn nhủ *"ai ơi nếm thử mà xem"* vừa như trách móc, vừa như thiết tha mong mỏi ai ơi kia sẽ đến với nhau vì cái *"ngọt bùi"* nồng nàn tình nghĩa. Không chỉ là tiếng nói tỏ bày tấm lòng, bài ca dao còn ẩn chứa nỗi niềm cay đắng thân phận, bởi lẽ người đời đôi khi lại phũ phàng thờ ơ với những vẻ đẹp thực chất mà đuổi theo cái hào nhoáng bề ngoài. Bởi thế, những tâm tình cất lên như một sự cảnh tỉnh, một lời nhắc nhở con người đến với nhau bằng tấm lòng. Ca dao có khả năng chắt lọc nghệ thuật sống từ chính những cái cụ thể gần gũi trong đời sống hàng ngày để tạo ra những liên tưởng gắn với thế giới tâm hồn phong phú tinh tế, với những tình cảm phức tạp của con người. Một vị khế chua mang theo bao xót xa cho tình duyên không trọn vẹn. Những nghịch cảnh bất công trong cuộc đời cũ luôn là lực cản khiến cho đôi lứa phải chia lìa. Trong những trái ngang ấy, lời ca dao cất lên bao thiết tha nhung nhớ:

... Mặt trăng sánh với mặt trời

Sao hôm sánh với sao mai chằng chằng

Mình ơi! có nhớ ta chăng?

Ta như sao vượt chờ trăng giữa trời.[28,tr.473]

Tâm sự *"mình –ta"* biết bao quyến luyến! Mô-tip "*mình - ta*" bao giờ cũng đọng lại những ân tình sâu nặng trong đời sống tình cảm của người bình dân. Tình yêu đôi lứa được sánh với ánh sáng mặt trăng, mặt trời, đặc biệt là các liên tưởng gắn với *sao hôm, sao mai* –tuy hai mà một thật khăng khít. Từ đó các biểu tượng "*mặt trăng với mặt trời*"," *sao hôm với sao mai"* là hướng tới những giá trị cao cả bất tử của tình nghĩa dành cho nhau. Và cũng thật thú vị biết bao khi ánh sao kia lại biến thành biểu tượng "*Sao vượt*" băng qua bao trở lực đón nhận tình cảm nồng nàn. Ca dao còn diễn tả nỗi lòng hướng về nhau thật tinh tế qua biểu tượng của "*chiếc khăn, ngọn đèn"*:

-Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

Đèn thương nhớ ai

Mà đèn chẳng tắt...[28,tr.961]

Ta nghe như có bao dùng dằng thương nhớ trong từng lời nồng nàn. *Khăn thương nhớ ai, đèn thương nhớ ai*… từng động tác, từng cái nhìn như mang theo cái bồn chồn lo lắng cho duyên tình trắc trở. Nhịp thơ dàn trải, mong manh. Có thể hình dung ra từng cử chỉ, từng động tác dồn nén nhớ thương. Lời ca dao gợi lên bao suy ngẫm về hoàn cảnh trớ trêu của người phụ nữ không tự định đoạt được duyên tình của mình. Bức tranh tâm trạng ấy vừa được tạo nên bằng những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng nối kết "*khăn – đèn"* với hình ảnh của đôi mắt, vừa là điệp khúc tâm trạng đầy day dứt *"... thương nhớ ai"* – hàm chứa trách móc giận hờn . Khoảnh khắc người con gái đối diện chính mình cũng là lúc ta nhận ra chiều sâu tâm hồn đằm thắm thủy chung, nhận ra nỗi lòng ngổn

ngang trăm mối tơ vò. Bài ca dao này cũng như một lời ca dao tương tự *: Đêm qua ra đứng bờ ao/ trông cá cá lặn trông sao sao mờ*…[28,tr.86] Mỗi vật được nhắc đến như chứa đựng trong đó cả tấm tình hướng về nhau. Nhịp lục bát khép lại tâm tư trĩu nặng:

-Đêm qua em những lo phiền

Lo vì một nỗi không yên mọi bề.[28,tr.321]

Lời ca dao kín đáo như oán như than, hé mở bao bất công ngang trái, trắc trở tình duyên. Không gian cảnh vật như chứa đựng nỗi niềm con người, thành tâm trạng cất lên lời nhắn nhủ tha thiết. Nhưng có thể thấy cùng với niềm tin son sắt, tình cảm nhớ nhung, không bao giờ ca dao lại đem đến cảm giác ủy mị yếu đuối mà luôn đau đáu một tấm lòng chung thủy. Ngay trong những hoàn cảnh đắng cay chua xót, trong sự cách xa chia lìa, tấm lòng người bình dân dành cho nhau thật bền bỉ:

-Muối ba năm muối đang còn mặn

Gừng chín tháng gừng hãy còn cay

Đôi ta tình nặng nghĩa dày

Có xa nhau đi nữa ba vạn chín nghìn ngày mới xa.[29,tr.857]

Biểu tượng *"muối mặn – gừng cay"* từ lâu đã gắn với cuộc sống bình dị của người dân quê: *"Tay em cầm gói muối gừng – Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau"*[28,tr.831]. Cái mặn nồng của ân tình, cái cay cực cùng nếm trải đã kết lại những tấm lòng. Thời gian dù có cách xa, vị đời có thể nhạt nhẽo, nhưng những ân tình đã thành gừng cay muối mặn thì không có một trở lực nào có thể làm lạt phai. Ân tình ấy được đo bằng thời gian đời người ba vạn chín nghìn ngày – trăm năm, đã trở thành lẽ sống đậm đà tình nghĩa thủy chung của dân tộc. Thật cụ thể và sâu sắc biết bao những lời lẽ mộc mạc mà chắc nịch chi li như vậy, Tình yêu, lòng chung thủy đã gắn kết nên đôi lứa, giúp con người vượt qua qui luật khắc nghiệt của tạo hoá. Độ nồng nàn của tình cảm, sức mạnh của tình yêu vượt lên cả cái chết.

Trong thế giới biểu tượng của ca dao có rất nhiều biểu tượng được dùng để

biểu đạt cho thân phận, vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Chẳng hạn như biểu tượng *con cò, con bống, con cá.* Với biểu tượng *con bống*, theo Vũ Ngọc Phan, đối với người Việt, " *con bống chỉ có thể là hình ảnh của người thiếu nữ hay thiếu phụ*".[15,tr.203]. Với *Chủ đề gia đình trong ca dao cổ truyền người Việt*, tác giả Đỗ Thị Thu Thủy đã làm rõ ý nghĩa biểu tượng của *con cò, con bống, con cá*: *" Con cò, con bống chủ yếu tượng trưng cho cuộc đời người phụ nữ trong gia đình. Thông qua những biểu tượng ấy, ta thấy được thân phận của họ, vất vả, nhọc nhằn khuya sớm, lo toan gánh vác việc nhà, chịu thương chịu khó, nhẫn nhịn trong cư xử để gia đình hòa thuận*." [57,tr.89]. Hay " *Biểu tượng con cá xuất hiện trong những bài ca dao còn nói lên một phẩm chất đáng quý của vợ chồng người Việt là thủy chung, càng trong cảnh khốn khó càng thương yêu nhau, càng xa cách biệt li càng nhớ thương đợi chờ son sắt*." [57,tr.93].

Hình ảnh *hoa đào* trong vai trò biểu tượng cho tình yêu được ca dao sử dụng nhiều theo từng cặp biểu tượng cho đôi bạn tình. Cặp biểu tượng thường gặp nhất và cũng quen thuộc nhất với người Việt Nam là "*mận - đào*" qua những lời ca dao tỏ tình nổi tiếng:

- Bây giờ mận mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa? [29,tr.529]
- Đêm qua mận mới hỏi đào
Vườn xuân đã có ai vào hái hoa?[29,tr.139]

Sự quấn quít của "*mận - đào*" đã thể hiện mơ ước về một tình yêu đôi lứa hạnh phúc.

-Muốn cho mận ở với đào
Tình ở với tính lúc nào chẳng vui.[10,tr.597]

Sự trách móc, hờn dỗi trong tình yêu được ca dao thể hiện rất đặc sắc thông qua lời tự tình của cặp bạn tình: "*đào - mận*":

-Vì đào nên mận chẳng quên
Vì đào nên mận ngậm phiền nhớ mong
Vì đào nên mận long đong

Xin đào chớ ở ra lòng Bắc Nam.[10,tr.556]

Thế giới biểu tượng trong ca dao rất phong phú gần gũi, tinh tế và sâu sắc phản ánh vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc. Mỗi biểu tượng trong ca dao mang theo bao tâm tư, khát vọng, giúp con người vượt lên nghịch cảnh, sống với nhau trọn vẹn nghĩa tình. Cũng nhờ vậy, những vẻ đẹp cuộc đời đi vào ca dao đáng yêu, đáng quí biết bao. Sức sống ca dao mãi mãi trường tồn cùng dân tộc, gắn với nét đẹp của người phụ nữ là những biểu tượng trong ca dao.

3.2.2.2. Biểu tượng" hoa" với vẻ đẹp người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt

Một trong những biểu tượng biểu đạt sâu sắc nét đẹp của người phụ nữ cả về hình thức và tinh thần chính là biểu tượng "*hoa"*. Trong phạm vi của luận văn, chúng tôi đã đi vào tìm hiểu ý nghĩa của biểu tượng hoa khi khắc họa những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

"*Hoa*" từ xưa đến nay đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống của xã hội loài người nói chung và đối với người phụ nữ nói riêng. Hình ảnh "*hoa*" có giá trị biểu tượng cao và rất phong phú: biểu tượng cho cái đẹp, cho phẩm chất, cho sức sống, sự trắng trong, cho tình yêu và hạnh phúc. Trong tiếng Việt, số lượng nghĩa phái sinh của từ "*hoa*" khá lớn. Trong vườn hoa văn chương giàu hương sắc, hình ảnh "*hoa*", qua bàn tay của người nghệ sĩ ngôn từ, đem đến người thưởng lãm những sắc màu mới, hương vị mới, tình cảm mới, cảm giác mới...Và, đặc biệt là hương vị, sắc màu ấy vốn dĩ chóng phai, mau nhạt do sự đố kị của hoá công đã trở nên bất tử khi đi vào thế giới của văn chương nghệ thuật. Vấn đề biểu tượng "*hoa"* với người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt từ trước đến nay có một số tác giả đã đề cập đến, song hầu như mới chỉ làm rõ nỗi khổ của thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa, chưa đề cập đến nghĩa biểu tượng sâu sắc của hình tượng hoa để ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ.

Để xem xét việc các tác giả dân gian sử dụng các loài hoa khi nói về người phụ nữ, chúng tôi đã thống kê số lượng và tần số xuất hiện các loại hoa trong cuốn *Tổng tập VHDG người Việt* (Tập ca dao gồm tập 15 và tập 16 quyển

thượng, quyển hạ do Nguyễn Xuân Kính (chủ biên). Trong 11.001 lời ở 9 chủ đề lớn[27,tr.112], chúng tôi đã thấy có tới 763/ 11.001 câu sử dụng danh từ " *hoa"*, " *bông*" và các loại hoa cụ thể (bằng 6,94%). Tần số trên chiếm một vị trí nhất định trong tâm thức, tư duy liên tưởng của người Việt. Hình ảnh "*hoa*" đi vào ca dao đã khai nhị những nét nghĩa biểu tượng vô cùng phong phú, thể hiện một tư duy liên tưởng độc đáo, giàu sức sáng tạo và phát hiện của nhân dân. Như vậy rõ ràng hoa là một hình ảnh được dùng ở mức độ phổ biến trong ca dao để nói về người phụ nữ. Sau đây là bảng thống kê cụ thể :

Số thứ tự	Tên hoa	Số lần xuất hiện
1	Hoa	304
2	Bông	42
3	Đào	70
4	Nhài	42
5	Huệ	38
6	Sen	37
7	Cúc	33
8	Lan	30
9	Mai	29
10	Thiên lí	27
11	Hồng	22
12	Lựu	19
13	Gạo	9
14	Quế	7
15	Cải	6
16	Tầm xuân	4
17	Chanh	4
18	Quỳ	3
19	Hiên	3

20	Ngâu	3
21	Hồi	2
22	Cà	2
23	Trang	2
24	Sói	2
25	Bưởi	2
26	Khoai	2
27	Sim	1
28	Điều	1
29	Ngải	1
30	Anh đào	1
31	Cau	1
32	Riềng	1
33	Trúc	1
34	Liễu	1
35	Vải	1
36	Thông	1
37	Chanh	1
38	Sứ	1
39	Lăng	1
40	Rau muống	1
41	Cẩn	1
42	Vông	1
43	Mù u	1
44	Súng	1
45	Bắp	1

Với việc thống kê, đối chiếu trên chúng tôi thấy từ *Hoa* được sử dụng nhiều nhất 304 lần/763 (39,8%), Hoa đào 70 lần/763(9,17%), hoa nhài 42 lần/763(5,5%), hoa huệ 38 lần/763(4,98%), hoa sen 37 lần/ 763 (4,84%), hoa cúc 33 lần/763(4,32%), hoa lan 30 lần/763(3,93), hoa mai 29 lần/763(3,80%), hoa thiên lí 27 lần/763(3,53), hoa hồng 22 lần/ 763(2,88%), hoa lựu 19 lần/ 763(2,49%), hoa gạo 8 lần/763 (1,04%)....

Ta nhận thấy các loài hoa có tần số xuất hiện nhiều trong các câu ca dao khi nói về người phụ nữ là những loài hoa đẹp, có sắc, có hương thơm rất gần gũi và được yêu chuộng trong cuộc sống.

Chúng tôi đã tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng "*hoa*" với vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống trong ca dao cổ truyền. Trước hết, có thể nói "*hoa*" là một biểu tượng riêng cho phái đẹp. Giữa người phụ nữ và hoa có nhiều nét tương đồng làm cơ sở cho sự so sánh hoặc chuyển nghĩa ẩn dụ. Đấy là vẻ đẹp, sự dịu dàng, trắng trong, tinh khiết; sức hấp dẫn, nét đáng yêu, cả sự yếu đuối, dễ bị tổn thương rất cần sự trân trọng, nâng niu, che chở...Trong ca dao cổ truyền của người Việt, "*hoa*" thường được dùng để biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ :

- Thiếu chi hoa lí hoa lài
Mà anh đi chuộng hoa khoai trái mùa....[29,tr.696]
- Hoa đào héo nhụy anh thương
Anh mong bẻ lá, che sương cho đào.[29,tr.190]
-Trăm hoa đua nở mùa xuân
Cớ sao cúc lại muộn mằn tiết thu.[29,tr.649]

Ở đây, nét nghĩa biểu tượng của "*hoa*" không dừng ở việc miêu tả, ca ngợi vẻ đẹp hay than thân trách phận của chủ thể trữ tình mà chủ yếu muốn có một cách nhìn về người phụ nữ, một sự đồng cảm về thân phận và nỗi khổ đau mà họ phải gánh chịu. Hoa ngát hương và rực rỡ sắc màu nhưng lại chóng phai, mau nhạt. Đời hoa thường ngắn ngủi "*sớm nở tối tàn*" và dẫu có dài như phong lan hay hoa bất tử thì cũng được mấy mùa trăng? Cái yểu mệnh ấy của hoa được

ví với đời xuân của người con gái:

- Đàn bà như cánh hoa tươi,

Nở ra chỉ được một thì mà thôi.[29,tr.498]

- Mẹ ơi cấm đoán con chi

Con như hoa nở một thì mà thôi.[27,tr.537]

Đọc kĩ lời ca dao ta thấy rằng hình ảnh "*hoa"* được so sánh với người phụ nữ nhưng không phải ở nét tương đồng về sắc hương mà là sự tồn tại ngắn ngủi của nó. Cái đẹp chóng phai theo thời gian và mùi hương cũng mau tan dù chỉ là một vài hơi gió thoảng. Không chỉ nói về nhan sắc chóng tàn, về tuổi xuân mau hết, đằng sau câu ca dao còn cho ta thấy cả một đời cay đắng của kiếp hồng nhan. Có vui chăng chỉ được một thời xuân sắc, tháng ngày dài còn lại là chồng chất bao nỗi lo toan cùng sự trói buộc bởi "*tam tòng tứ đức*" của lễ giáo phong kiến. Đấy là chưa kể đến nỗi bất hạnh của những người sống kiếp chồng chung hoặc hôn nhân là một sự ép buộc, gả bán. Người phụ nữ bị rẻ rúng, ngược đãi do tư tưởng "*trọng nam, khinh nữ*". Họ như món hàng, vật mua vui, trêu cợt: "*Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu*". Còn xuân sắc chưa chắc đã được "*tươi như hoa*" vì họ nào có quyền vui sống và lựa chọn hạnh phúc của mình. Chính vì thế mà ngay thời còn trẻ, họ đã lo lắng, băn khoăn, thậm chí không một niềm hoài vọng, ước mơ:

-Thân em như cánh hoa trôi

Sóng dập gió dồi biết tấp vào đâu.[29,tr.941]

Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, cho nên "*hoa"* còn biểu đạt sự sống, sự tái sinh, hạnh phúc. Trái với điều đó là bất hạnh, héo hon, tàn úa. Ta thấy có câu ca dao:

-Có chồng mà chẳng có con,

Khác nào hoa nở trên non một mình.[27,tr.358]

Lời ca đã biểu đạt rất sâu sắc nỗi buồn tủi, cô đơn của những người phụ nữ hiếm muộn. Theo quy luật của tự nhiên thì cây sinh hoa, kết trái. Sự sống lại

nẩy mầm và hoa lại tiếp tục trổ bông trong một quy trình mới. Cho nên so sánh giữa hình ảnh người phụ nữ không con với cánh hoa đơn côi nơi núi non heo hút tác giả dân gian đã thể hiện cái nhìn thương cảm, xót xa đối với nỗi bất hạnh đó như thế nào.

Nếu "*hoa"* là tinh chất của cỏ cây thì con người chính là tinh hoa của tạo hóa. "*Người ta là hoa đất*" hay *"Người như hoa ở đâu thơm đấy* [10,tr.130]. Một quan niệm, một triết lí thật nhân văn. Với nét nghĩa này, hình ảnh "*hoa"* chủ yếu được dùng để biểu tượng cho những người phụ nữ có phẩm chất tốt đẹp. Có nghĩa là cơ sở liên tưởng ở đây là mối quan hệ tương đồng về tính chất; giữa hương hoa và lòng người; vẻ đẹp của hoa với vẻ đẹp tâm hồn. "*Hoa*"được dùng để biểu tượng cho người phụ nữ có phẩm hạnh, biết đạo nghĩa ở đời và chính những người như thế mới được coi trọng:

-Hoa thơm ai chẳng muốn đeo,

Người khôn ai chẳng nâng niu bên mình.[27,tr.1145]

-Hoa thơm ai chẳng nâng niu,

Người khôn ai chẳng kính yêu một bề.[27,tr.1145]

"Hoa" còn được dùng để biểu tượng cho sự thuỷ chung, lòng tự hào, tính kiên trinh và cho nhân cách sáng ngời của người phụ nữ dù trong hoàn cảnh nào cũng không thay đổi:

-Hoa sen mọc bãi cát lầm,

Tuy rằng lấm láp cũng mầm hoa sen.[28,tr.783]

- Hoa thơm càng héo càng thơm

Em giòn, rách áo đói cơm càng giòn.[29,tr.635]

Mối quan hệ giữa hoa với các hình ảnh có mối quan hệ nhân quả, gắn bó. Chính do mối quan hệ giữa "*hoa"* với các hình ảnh gần gũi hoặc đối lập mà nó thu nhận thêm cho mình những giá trị mới. Ở đây chúng ta thấy xuất hiện những cặp đôi: " *hoa- cây*"; "*hoa- cành"; "hoa- bướm",...*tạo nên những hình ảnh đẹp, những cặp đôi vốn rất phổ biến ca dao để nói về vẻ đẹp trong tình yêu đôi lứa. "*Hoa*" không tự dưng mà có. Cây sinh hoa còn cành là nơi hoa nương

nhờ khoe sắc. "*Hoa"* mau héo khô nếu tách rời cây. *"Hoa*" tàn lụi nhanh chóng nếu bứt lìa cành. Vì vậy, mối quan hệ "*hoa - cây"; "hoa- cành*" là mối quan hệ gắn bó khăng khít:

- *Hoa thơm hoa ở trên cây*

Đôi con mắt em lúng liếng, dạ anh say lừ đừ.[29,tr.190]

- *Vì đâu hoa nọ bỏ cành?*

Nợ duyên sao sớm dứt tình hỡi em?[28,tr.935]

Ông cha ta đã dùng hình ảnh "*hoa*" trong mối quan hệ nêu trên để biểu đạt tình yêu hạnh phúc khăng khít hay lỡ dở của người phụ nữ. Hình ảnh cặp đôi "*hoa- bướm*" có nét nghĩa biểu tượng khá phong phú. Tính đa nghĩa ở đây thể hiện rất rõ :

- *Say em như bướm say hoa*

Như ong say mật như ta say mình.[29,tr.312]

-Ở nhà anh bước chân ra

May sao bướm lại gặp hoa giữa đường.[29,tr.874]

Nét nghĩa biểu tượng ở đây được hình thành từ sự chuyển nghĩa ẩn dụ của "*hoa*" và "*bướm",* từ mối quan hệ cặp đôi và kết cấu sóng đôi của chúng tạo nên. Ngay cả đặc trưng của các thuộc tính hình ảnh dùng để biểu tượng cũng có khá nhiều nét tương đồng: *"Hoa*" cố định, *"bướm*" di động; *"Hoa*" thụ động, *"bướm*" chủ động; "*hoa*" trao, "*bướm*" nhận; "*hoa*" đẹp, "*bướm*" săn tìm cái đẹp; *"hoa*" thơm- "*bướm*" bị quyến rũ bởi mùi hương...Cho nên, nếu hiểu nó ở nét nghĩa biểu tượng cho tình yêu nam nữ thì riêng về mặt sắc thái biểu cảm đó là vẻ đẹp của sự say mê khao khát được hòa hợp gắn bó.

Chính những nét tương đồng ấy, nên trong ca dao cổ truyền đã gắn hình ảnh hoa với người phụ nữ và " *hoa"* đã trở thành biểu tượng để thể hiện tình cảm vừa trân trọng cảm phục, yêu thương, vừa xót xa, đau đớn cho vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

Hình ảnh "*hoa*" trong ca dao cho thấy tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật

và sự giàu đẹp của tiếng nói dân tộc. *" Hoa là biểu tượng đáng chú ý trong ca dao*"[15,tr.194] đã làm rõ vẻ đẹp của người phụ nữ ở nhiều góc độ. Hình ảnh *"hoa"* trong những cách biểu đạt khác nhau của ca dao khiến người đọc được tiếp nhận, khám phá thêm những nét nghĩa mới, tình cảm như được thăng hoa bởi ý tưởng sâu xa được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh rất đỗi quen thuộc, bình dị. "*Hoa*" dễ khiến lòng người xốn xang, xao xuyến và dậy lên một niệm gợi nhớ, mơ ước xa xôi hay tha thiết yêu đời... Có thể nói, dù kiêu sa, đài các hay hoang dại bên đường, tất cả các loài hoa đều là những gam màu tạo nên bức tranh đa sắc trên hành tinh chúng ta. Chính những điều đó đã khiến cho "*hoa*" gắn bó mật thiết với đời sống văn hoá của mỗi tộc người. "*Hoa*" sẽ mãi khoe sắc trong thi ca, *"hoa"* sẽ luôn toả hương trong ca dao qua những ý nghĩa biểu trượng mà nó thể hiện. Nhưng điều đáng nói hơn là đằng sau những ý nghĩa biểu trượng ấy là vẻ đẹp toàn diện cả về hình thức và tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam được khẳng định, ngợi ca.

Ca dao cổ truyền cuốn hút chúng ta bởi sự sinh động phong phú của thế giới biểu tượng, biểu tượng đã trở thành nét dấu ấn riêng của cộng đồng, mang đậm bản sắc của cộng đồng . Hình ảnh "*Hoa*" khi đã trở thành biểu tượng để nói về con người và nhất là người phụ nữ sẽ là mảnh đất màu mỡ để chúng ta tiếp tục khám phá những bí ẩn còn tiềm tàng của muôn ngàn*" hoa*" đang toả hương ngát cho đời.

3.2.3. Thời gian, không gian nghệ thuật

Trong cuốn *Thi pháp ca dao*, tác giả Nguyễn xuân Kính đã khẳng định: "*Thời gian và không gian là những mặt của hiện thực khách quan, được phản ánh trong tác phẩm tạo thành thế giới nghệ thuật của tác phẩm. Thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật một mặt thuộc phương diện đề tài, mặt khác thể hiện nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức tác phẩm của từng tác giả, từng thể loại, từng hệ thống nghệ thuật.. Mối quan hệ giữa thời gian, không gian và việc tổ chức thời gian, không gian trong tác phẩm là nội dung của vấn đề thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật*."[15,tr.163]

Khi nghiên cứu về thời gian, không gian nghệ thuật, các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng thời gian trong mỗi thể loại văn học dân gian lại có những nét đặc thù riêng. Ta sẽ thấy sự khác biệt đó khi tìm hiểu không gian thời gian nghệ thuật ở những bài ca dao cổ truyền nói về nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

3.2.3.1. Thời gian nghệ thuật

Thời gian được diễn tả trong ca dao là thời gian nghệ thuật. Mỗi thể loại văn học đều mang nét đặc thù riêng về thời gian nghệ thuật. Nếu như trong sử thi là thời gian *"khuyết sử*"- thời gian của lịch sử được thêu dệt mang tính khái quát hàng nghìn năm, đậm chất thần thoại, thì thời gian trong cổ tích là thời gian của quá khứ không xác định mang tính hoang đường gắn với một chuỗi liên tục của các sự kiện từ "*ngày xửa ngày xưa*",còn thời gian nghệ thuật trong ca dao là thời gian hiện tại có nghĩa là "*thời gian của tác giả và thời gian của"*người đọc" *(người thưởng thức) hòa lẫn với thời gian của người diễn xướng*"[15,tr.165]

Do đó thời gian trong ca dao là phương tiện biểu đạt trạng thái tâm lí của con người, thời gian ước lệ. Bởi vì với ca dao, không chỉ có việc sáng tạo, sáng tác văn bản tác phẩm mà còn có cả khâu diễn xướng cũng có vai trò rất quan trọng. Ai hát, hát trong hoàn cảnh nào là điều đáng chú ý. Thời gian của người sáng tác và thời gian của người thưởng thức hòa lẫn với thời gian diễn xướng. Cho nên hầu như tất cả các bài ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ đều có yếu tố thời gian là thời gian hiện tại, thời gian diễn xướng. Thời gian hiện tại trong ca dao được biểu hiện bằng những cụm từ chỉ hiện tại như: *"hôm nay","bây giờ""" Giờ đây"*:

- Hôm nay gặp buổi êm trời

Má đào lại được sánh người trượng phu.[28,tr.796]

-- Bây giờ anh mới bước ra

Thấy em nhan sắc hằng nga má đào.[29,tr.295].

- Giờ đây có gái má hồng

Cho nên vượt biển, vượt sông sá gì.[29,tr.152]

Tuy vậy *"Hôm nay"*,*"Bây giờ"*hay " *Giờ đây*"chỉ là những cụm từ mang tính chất phiếm chỉ, diễn tả một quãng thời gian của hiện tại, của sự gặp gỡ và chia ly, của những mối tình sống mãi với thời gian... Như vậy, thời gian hiện tại trong ca dao chủ yếu mang tính ước lệ, nhằm diễn tả tâm lý và những diễn biến tình cảm nội tâm của nhân vật. Và ngay cả khi sử dụng những cụm từ chỉ quá khứ hay tương lai như: *"Hôm qua","Đêm qua", "Bao giờ"* thì thời gian trong ca dao vẫn diễn tả sự việc mang ý nghĩa hiện tại:

-Đêm qua dồn dập mưa mau
Gió rung cành ngọc cho đau lá vàng
Trách chàng phụ ngãi tham vàng
Ngô đồng nỡ để phượng hoàng ngẩn ngơ
Biết nhau từ bấy đến giờ
Đã cho bướm đậu thì chừa sâu ra.[29,tr.356]

Đó là tiếng lòng ai oán của người phụ nữ bị phụ bạc. Cô trách người phụ nghĩa, trách cho số kiếp bạc bẽo đến *"ngẩn ngơ"*. Và dẫu rằng cái đêm mưa gió hôm qua đã qua đi nhưng nỗi đau vẫn còn đó, vẫn giày vò cô với nỗi cô đơn thực tại của ngày hôm nay. Bằng việc sử dụng cụm từ trạng ngữ diễn tả quá khứ ngay sát gần hiện tại, tác giả đã đưa ra cách hiểu mang tính khái quát về hiện tại; không chỉ là ngày hôm nay hay một khoảnh khắc nào đó cụ thể trên dòng đời mà đó là một hiện tại mang tính ước lệ, hiện tại của thời gian nghệ thuật. Bên cạnh đó, thời gian nghệ thuật trong ca dao còn được thể hiện qua những từ láy để nhấn mạnh quá trình diễn ra của sự việc hiện tại:

- Chiều chiều vãn cảnh vườn đào
Hỏi thăm hoa lí rơi vào tay ai.[29,tr.80]
- Đêm đêm chớp bể mưa nguồn
Hỏi người quân tử có buồn hay không?[28,tr.322]

Những cụm từ chỉ thời gian trong ca dao như *đêm qua*, *hôm nay, ngày nào, chiều chiều, đêm đêm*...chỉ mang tính chất ước lệ, không có giá trị cụ thể, bởi lẽ người ta có thể vận dụng nó linh hoạt tùy vào từng hoàn cảnh diễn xướng.

Người diễn xướng có thể thay đổi lời hát tùy theo cảm hứng và ngữ cảnh: *"Chiều chiều vãn cảnh vườn đào", "hôm nay vãn cảnh vườn đào* hay *"đêm đêm vãn cảnh vườn đào"* mà giá trị ngữ nghĩa của câu hát vẫn không thay đổi.

Như vậy, thời gian trong những bài ca dao cổ truyền nói về nét đẹp của người phụ nữ là thời gian hiện tại. Hay nói cách khác đó là thời gian diễn xướng mang tính ước lệ và chứa đựng yếu tố tâm lí sâu sắc để biểu đạt được cảm xúc của nhân vật trữ tình tạo sự cảm thông gần gũi, sẻ chia, cảm hóa lòng người.

32.3.2. Không gian nghệ thuật

Không gian nghệ thuật là phương tiện để tồn tại và triển khai thế giới nghệ thuật. Ở mỗi thể loại văn học, không gian nghệ thuật có đặc điểm riêng. Không gian trong cổ tích thần kì là không gian phiếm định, nơi đó xẩy ra những nguyên nhân, những sự kiện mà từ đó nhân vật chính bước vào cuộc phiêu lưu dẫn đến sự thay đổi về số phận. Không gian trong truyền thuyết lịch sử gắn với không gian tồn tại và hoạt động của nhân vật lịch sử nên có tính phiếm chỉ xác định hơn. Không gian trong ca dao mang cách cảm nhận của trạng thái tâm hồn nhân vật trữ tình. Không gian nghệ thuật trong ca dao thường được phân biệt bởi không gian vật lí và không gian tâm lí. Nhưng đó chỉ là sự phân biệt tương đối vì không gian vật lí được đưa vào ca dao đều đong đầy tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Trong ca dao cổ truyền người Việt, không gian vật lý và không gian tâm lý cũng là không gian nghệ thuật để ngợi ca nét đẹp của người phụ nữ cả về hình thức và tâm hồn. Không gian vật lý là những môi trường không gian cụ thể như gốc đa, bến nước, sân đình, đồng ruộng nơi gặp gỡ trò chuyện, sinh hoạt lao động của các nhân vật trữ tình. Nét đẹp của hình thức hay tâm hồn người phụ nữ đều được bộc lộ ở chính những không gian quen thuộc đó.

- Vào vườn trảy trái cau non

Anh thấy em giòn anh kết nhân duyên.[29,tr.379]

- Ngó lên chợ Lũng cây đa

Thấy em bán gạo áo đà khăn xanh.[29,tr.689]

- Dừng chèo xuống bến tâm tình

Sông bao nhiêu nước thương chàng bấy nhiêu.[27,tr.181]

Đó là những khung cảnh bình dị, gần gũi với cuộc sống của người dân đất Việt, được khắc họa trong những câu ca dao mang mầu sắc trữ tình đậm nét. Dường như nó được thổi vào đó một tâm hồn, một tình cảm yêu thương tha thiết, giản dị và chân thành như chính cuộc sống con người lao động nơi đây.

Bên cạnh không gian vật lý là không gian tâm lí. Không ít câu ca thể hiện mối quan hệ xã hội phức tạp và đa dạng giữa người với người bằng lối sử dụng ngôn ngữ bình dị đời thường mang tính khẩu ngữ:

-Sáng trăng trải chiếu hai hàng

Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ...[29,tr.370]

Nhưng cũng có những lời ca thể hiện hình thức diễn tả thật tinh tế, dường như chức năng định danh của các từ bị xóa nhòa nhường chỗ cho sự cảm nhận về một không gian mênh mông của tâm hồn con người:

- Đưa nhau giọt lệ không ngừng

Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao.[28,tr.355]

- Người về em những trông theo

Trông nước nước chảy, trông bèo bèo trôi.[29,tr.421]

Trong ca dao, đôi khi không gian tâm lí là chất liệu nghệ thuật để tạo nên vẻ đẹp của người phụ nữ và cấu tứ của lời thơ:

-Dưới mặt nước chói lòa yếm đỏ

Trên bầu trời rạng rỡ mây xanh...[28,tr.383]

Những hình ảnh so sánh đất trời, sông nước đã tạo nguồn cảm hứng cho lời ca bằng một không gian mênh mông để rồi từ đó hòa với những tình cảm sâu lắng của lòng người, đằm thắm và quyến rũ như chính vẻ đẹp tự nhiên mà tạo hóa đã ban tặng cho người phụ nữ, cho sự sống con người. Do đó không gian tâm lí ấy có thể là những không gian rất thơ mộng " *Vườn hoa*," *Vườn xuân*", " *Vườn đào*", do sắc màu của tình yêu tạo thành:

- Chào chàng mến cảnh vườn hoa

Sấm ran dưới biển gió trào trên cây.[28,tr.560]

-Mấy khi khách đến vườn xuân

Gió xuân mở cửa, ngành xuân dẫn đường.[28,tr.690]

- Vườn đào vừa tốt vừa tươi

Mời chàng nho sĩ vào chơi vườn đào.[28,tr.609]

Có thể nói những không gian tâm lí "*Vườn hoa*", "*Vườn xuân*", "*Vườn đào*" là không gian đặc biệt của tình yêu đôi lứa. Không gian ấy là khu vườn yêu nơi người con gái gửi gắm tình cảm của mình. Chẳng hạn khi cô gái nào đó hỏi chàng trai mà mình cảm mến:

-Hỏi chàng quê quán nơi nao

Sao mà chàng biết vườn đào có huê ...[29,tr.847]

Cô gái nói vườn đào có huê là nói đến tâm hồn tình cảm của mình đang rất sẵn sàng bước vào giai đoạn yêu đương. Do đó sự ngỏ lời của chàng trai trở nên vô cùng ý nhị khi anh ta muốn gửi gắm tình yêu của mình tới cô gái bằng hình ảnh xin gửi cây lan, cây huệ tới trồng ở vườn đào:

-Vườn đào có đám đất không

Anh có cây lan cây huệ đưa vào trồng tốt chăng?[29,tr.384]

Do đó không gian "*Vườn đào*" hay "*Vườn hoa*", *"Vườn xuân*" là không gian tâm lí, tượng trưng cho nơi gặp gỡ của tình yêu mà đọc lên ai cũng hiểu được, chứ không ai bắt bẻ phải có một khu vườn thực như thế ngoài đời.

Trong ca dao, thời gian và không gian nghệ thuật là yếu tố quan trọng cho quá trình gợi hứng của lời thơ. Đó là những ngôn ngữ của lối diễn tả hình ảnh, mầu sắc sống động mang âm điệu của hình thức diễn xướng đậm đà chất dân gian. Thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Khi thời gian có không gian tương ứng càng làm tăng thêm giá trị biểu cảm của lời ca.

- Tháng mười mưa ít đi rồi

Nắng hanh, trời biếc cho tươi má hồng.[29,tr.246]

- Đêm hè gió mát trăng thanh

Em ngồi chẻ lạt cho anh chắp thừng.[28,tr.578]

Bởi cuộc sống lao động hàng ngày, người bình dân luôn gần gũi, gắn bó với môi trường thiên nhiên, với vô vàn cảnh ngộ...nên tất cả như được thổi hồn vào ca dao. Cái nhìn nghệ thuật mang tính thẩm mĩ của cộng đồng đã tạo thành một thế giới thời gian, không gian nghệ thuật trong kho tàng ca dao người Việt, đặc biệt là trong những lời ca dao nói về nét đẹp của người phụ nữ.

TIỂU KẾT

Từ sự nhận thức và hướng lý giải về giá trị tư tưởng thẩm mĩ của việc biểu hiện nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt, ở chương 3, luận văn đã tập trung chỉ ra phương thức nghệ thuật cụ thể của ca dao trong việc biểu hiện những nét đẹp đó. Giá trị tư tưởng thẩm mĩ của việc biểu hiện nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt được diễn tả bằng những hình thức nghệ thuật thông qua thế giới biểu tượng nhờ chất liệu ngôn ngữ có tính truyền cảm.

Những bài ca dao cổ truyền người Việt biểu hiện nét đẹp của người phụ nữ thường sử dụng biện pháp nghệ thuật sau: Kết cấu đối đáp, kết cấu một vế, kết cấu gợi mở hay mượn chuyện này nói chuyện kia để biểu đạt sâu sắc nét đẹp tinh thần của người phụ nữ. Thể thơ lục bát uyển chuyển nhuần nhị diễn tả những trạng thái tâm hồn cao đẹp của người phụ nữ. Thế giới biểu tượng trong ca dao rất phong phú gần gũi đã biểu đạt rõ nét những nét đẹp của người phụ nữ Việt. Đặc biệt biểu tượng " *hoa"* với nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt có giá trị thẩm mĩ rất sâu sắc. Bên cạnh đó yếu tố thời gian, không gian nghệ thuật tâm lí ở những lời ca dao đã góp phần biểu đạt vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam luôn có sự gắn bó chặt chẽ giữa vẻ đẹp hình thức và tâm hồn.

Ca dao là những bài hát thiên về thế giới nội tâm giãi bày tâm trạng. Khi người lao động ca hát là lúc họ tự trò truyện với mình, tự phô diễn lòng mình trong những câu hát chất chứa những khát vọng chân chính, hướng tới cái đẹp toàn bích của con người.

KẾT LUẬN

1. Bản sắc văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững được vun đắp nên qua lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, đức tính cần cù sáng tạo trong lao động, tính giản dị khiêm tốn trong lối sống, sự tinh tế trong ứng xử, trọng nghĩa tình đạo lý, trang phục dân tộc, ngôn ngữ tiếng nói dân tộc ... Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chính là phát huy những giá trị tinh thần truyền thống đó. Trải qua các thời đại, dù bị đẩy xuống địa vị thấp kém trong xã hội phong kiến, nhưng ở lĩnh vực nào, người phụ nữ cũng có những đóng góp đáng kể cho sự tồn tại, phát triển và tiến bộ của dân tộc. Vì thế họ đã có một vị trí đặc biệt quan trọng trong tâm thức của mọi người dân Việt Nam, vẻ đẹp về hình thức và tinh thần của họ luôn được khẳng định và ngợi ca. Họ đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị Văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam là một chủ đề chiếm vị trí quan trọng, chủ yếu trong ca dao cổ truyền người Việt và đã góp phần làm nên vẻ đẹp của bản sắc Văn hoá dân tộc và con người Việt Nam.

2. Kho tàng ca dao người Việt đã phản ánh sinh động, đa dạng, phong phú và sâu sắc nét đẹp của người phụ nữ Việt. Dựa vào các phương pháp nghiên cứu, phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê, đối chiếu, so sánh kết hợp với định lượng đối tượng nghiên cứu, luận văn đã tiến hành tìm hiểu tổng quan về hình ảnh, vị trí của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, trong văn học dân gian và trong ca dao cổ truyền người Việt. Kết quả cho thấy dù cho ở xã hội phong kiến người phụ nữ có địa vị thấp kém nhưng trong văn học dân gian và nhất là ở ca dao cổ truyền, nội dung phản ánh về người phụ nữ chiếm một tỷ lệ khá cao so với những nội dung khác mà ca dao phản ánh. Điều này đã chứng minh, từ xa xưa, người Việt đã thấy được vị trí, vai trò, vẻ đẹp của người phụ nữ trong đời sống của mỗi gia đình và toàn xã

hội. Cho nên nét đẹp của người phụ nữ được in đậm dấu ấn trong ca dao cổ truyền người Việt, góp phần làm nên vẻ đẹp, sức sống và bản sắc Văn hóa dân tộc Việt nam ở mọi thời đại.

3. Dưới góc độ thẩm mĩ (văn học), luận văn đã nghiên cứu hệ thống những bài ca cao nói về nét đẹp của người phụ nữ trong ca dao cổ truyền người Việt, chỉ ra nét đẹp của người phụ nữ ở hai phương diện hình thức và tinh thần. Nét đẹp của người phụ nữ về hình thức được thế hiện ở hai khía cạnh thể chất và trang phục. Về nét đẹp thể chất tồn tại cùng với mọi thời đại là sự ngưỡng mộ những nét đẹp tự nhiên mà tạo hóa đã ban cho người phụ nữ. Nhưng ta cũng nhận thấy quan điểm thẩm mĩ của tác giả dân gian trong ca dao khi khẳng định nét đẹp thể chất phải hài hòa với cuộc sống và nhất là phải đi liền với vẻ đẹp của tâm hồn. Với nét đẹp trang phục cổ truyền của người phụ nữ, tác giả dân gian trong ca dao đã thể hiện rõ nét đặc điểm, tính cách người Phụ nữ Việt Nam là đẹp tế nhị, kín đáo và cái đẹp của trang phục phải cho thấy cái dịu dàng ý tứ đạo đức bên trong. Những trang phục ấy của người phụ nữ được định hình ở mức độ cô đọng trong ca dao cổ truyền người Việt là chiếc yếm, chiếc áo, chiếc khăn và chiếc nón.

Còn đối với nét đẹp về tinh thần, ca dao cổ truyền đã thể hiện nét đẹp ấy qua nghĩa tình của người phụ nữ, biết trọng đạo lí, tự rèn mình theo chuẩn mực truyền thống. Cho nên thông qua những lời ca dao ca ngợi nét đẹp tinh thần của người phụ nữ, người bình dân đã đưa ra quan điểm về cái đẹp: " *Cái nết đánh chết cái đẹp*" là vì vậy.

4. Hệ thống ca dao cổ truyền nói về nét đẹp của người phụ nữ có sức lôi cuốn bởi tính chất trữ tình đằm thắm được ẩn chứa trong hình thức cấu trúc ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc. Hầu hết các bài ca dao cổ truyền người Việt được cấu trúc chủ yếu: Kết cấu đối đáp và kết cấu một vế. Bên cạnh đó còn có những bài ca dao có kết cấu gợi mở hay chính là mượn chuyện này nói chuyện kia để biểu đạt sâu sắc nét đẹp tinh thần của người phụ nữ. Cùng với cấu trúc là thể thơ lục bát uyển chuyển, nhuần nhị, trữ tình đã biểu đạt rất cô đọng, súc tích mà sâu sắc nét

đẹp cả về hình thức và tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam.

Ca dao cổ truyền còn lôi cuốn chúng ta bởi sự sinh động của thế giới biểu tượng, biểu tượng đã trở thành kỷ niệm riêng của cộng đồng, mang đậm bản sắc của cộng đồng. Luận văn đã tiến hành khảo sát và chỉ ra rằng, biểu tượng dùng để nói về người phụ nữ trong ca dao rất phong phú đa dạng. Đặc biệt trong thế giới biểu tượng đó chúng tôi đã tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng của *hoa* với nét đẹp của người phụ nữ. "*Hoa*" từ xưa đến nay đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống của xã hội loài người nói chung và đối với người phụ nữ nói riêng. Hình ảnh "*hoa*" có giá trị biểu tượng cao: biểu tượng cho cái đẹp, cho phẩm chất, cho sức sống, sự trắng trong, cho tình yêu và hạnh phúc.

Góp phần biểu đạt làm rõ nét đẹp của người phụ nữ, thời gian và không gian nghệ thuật là yếu tố quan trọng cho quá trình gợi hứng của lời ca. Cái nhìn nghệ thuật mang tính thẩm mĩ của cộng đồng đã tạo thành một thế giới thời gian, không gian nghệ thuật trong kho tàng ca dao người Việt, đặc biệt là trong những lời ca dao nói về nét đẹp trong tâm hồn của người phụ nữ. Thế giới nội tâm phong phú của người phụ nữ đã được diễn đạt bằng những ngôn từ giàu sức tạo hình và gợi cảm đã làm cho những bài ca dao mang đậm chất nhân văn.

5. Vẻ đẹp hình thể và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam ngày nay đã được nâng lên một bước phù hợp với thời đại trong xu thế hội nhập toàn cầu, nhưng vẫn giữ được tính dân tộc đậm đà. Những nét đẹp dịu dàng duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam trong những trang phục truyền thống vẫn đi cùng năm tháng trên hành trình xây dựng đất nước. Họ vẫn luôn phát huy vẻ đẹp cao quý về tâm hồn, phẩm chất của người phụ nữ Việt. Nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam mãi in dấu ấn đậm nét trong ca dao cổ truyền của người Việt và trong thơ ca, nhạc, họa, điêu khắc… và luôn bất tử với thời gian. Nét đẹp cả về hình thức và tâm hồn của người phụ nữ đã góp phần làm nên vẻ đẹp của văn hoá dân tộc, niềm tự hào của con người đất nước Việt Nam.

Luận văn đã bước đầu thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu ca dao cổ truyền người Việt trong phạm vi về chủ đề người phụ nữ. Thông qua các mối

quan hệ cơ bản dưới góc độ thẩm mỹ, chúng tôi đã góp phần nhận thức, tiếng tới hiểu biết ngày một toàn diện hơn, sâu sắc hơn về con người Việt Nam, dân tộc Việt nam, bản sắc văn hóa người Việt. Luận văn cũng chỉ ra một hướng nghiên cứu mới về nét đẹp hình thức và tinh thần của người phụ nữ được phản ánh trong ca dao cổ truyền người Việt. Chúng tôi mong rằng sẽ có nhiều công trình tiếp tục nghiên cứu ca dao của các tộc người nhất là vẻ đẹp của người phụ nữ các dân tộc khác nhau để thấy được bản sắc văn hóa Việt Nam là sự thống nhất trong đa dạng.

PHẦN PHỤ LỤC

Một số hình ảnh về trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt

* Trang phục truyền thống của phụ nữ ở thời phong kiến




Yếm trắng, khăn vấn



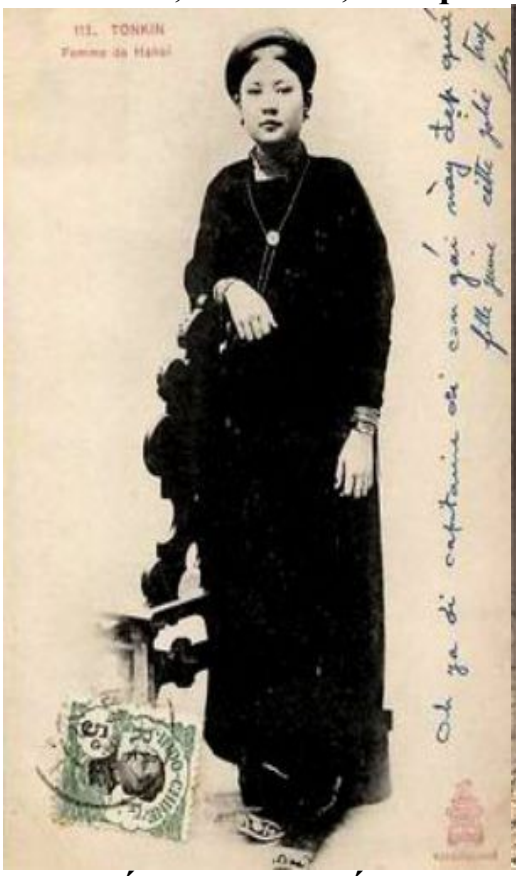

Yếm trắng, nón quai thao **Yếm trắng, khăn vấn**



Áo dài, khăn vấn, nón quai thao



Tục nhuộm răng đen



Áo dài, khăn vấn



Áo tứ thân, nón quai thao




Áo dài, khăn vấn

*** Trang phục truyền thống của phụ nữ ở xã hội hiện đại**







Yếm, khăn vấn




Khăn mỏ quạ, áo tứ thân










Áo tứ thân, nón quai thao





Áo dài, khăn chít



Áo dài, khăn vấn



Áo dài



Áo bà ba, nón lá



Áo dài, nón lá





Áo bà ba, khăn rằn, nón trang phục phụ nữ Nam Bộ

(Những bức ảnh trên chúng tôi sưu tầm trên báo điện tử vietnamnet.com.vn;dantri.com.vn; phunu.com.vn)